

Số: ~~7747~~/BTC-ĐT

V/v dự thảo Nghị định quy
định về quản lý, thanh toán,
quyết toán dự án sử dụng vốn
đầu tư công (thay thế Nghị
định số 99/2021/NĐ-CP ngày
11/11/2021 của Chính phủ)

Hà Nội, ngày 4 tháng 6 năm 2025

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở Trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	CƠ: S..... Ngày: 05.06.2025

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã có Tờ trình số 135/TTR-BTC ngày 11/4/2025 trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị xây dựng Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công (thay thế Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ) theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Ngày 26/4/2025, Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 3662/VPCP-KTTH về việc xây dựng Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công theo trình tự, thủ tục rút gọn, theo đó Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc đã có ý kiến giao Bộ Tài chính khẩn trương xây dựng Nghị định theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Để kịp thời hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và đáp ứng được tình hình thực tế về tổ chức của Chính phủ và chính quyền địa phương, Bộ Tài chính dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công (thay thế Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ).

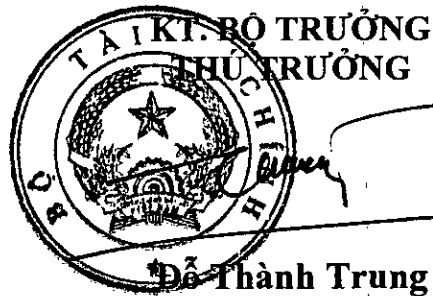
(Kèm theo dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công).

Văn bản góp ý đề nghị gửi về Bộ Tài chính trước ngày 10/6/2025 (bản word xin gửi tới địa chỉ email: Vu hailinh@mof.gov.vn) để Bộ Tài chính tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Nghị định.

Bộ Tài chính mong nhận được sự hợp tác của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Cục: QLN, KHTC (để tham gia);
- Các Vụ: NSNN, KTN, VI, KTĐP, TH, ĐCTC, PC (để tham gia);
- Kho bạc nhà nước (để tham gia);
- Cục CNTT (để đăng tải lên Cổng TTĐT);
- Lưu: VT, Vụ ĐT (32b)



Đỗ Thành Trung

Phụ lục

**TÀI LIỆU DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, THANH
TOÁN, QUYẾT TOÁN DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG**

(Kèm theo công văn số 7747/BTC-ĐT ngày 4/6/2025 của Bộ Tài chính)



Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán niên độ
ngân sách đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc tại công văn số 3662/VPCP-KTTH ngày 26/4/2025 của Văn phòng Chính phủ¹ về việc xây dựng Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công theo trình tự, thủ tục rút gọn, Bộ Tài chính đã tổ chức lấy ý kiến của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (công văn số ngày) và đăng công khai toàn văn trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính theo quy định của Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật.

Sau khi tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Bộ Tài chính đã có công văn số .../BTC-ĐT ngày .../2025 gửi Bộ Tư pháp thẩm định. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo số .../BC-BTP ngày .../.../2025, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và báo cáo Chính phủ các nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý:

Thời gian qua, công tác xây dựng và hoàn thiện các quy định của pháp luật được lãnh đạo Đảng, lãnh đạo Chính phủ đặc biệt quan tâm nhằm tạo đột phá về thể chế, đáp ứng những yêu cầu thực tiễn nóng bỏng đang đòi hỏi ở tầm cao mới, thực sự tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển.

- Ngày 18/11/2024, tại văn bản số 108-KL/VPTW của Văn phòng Trung ương Đảng, Tổng bí thư Tô Lâm đã chỉ đạo phải đổi mới mạnh mẽ cả về tư duy và quy trình xây dựng pháp luật. Trong đó, tư duy xây dựng pháp luật phải chuyển đổi theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến

¹ Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc đã có ý kiến giao Bộ Tài chính khẩn trương xây dựng Nghị định theo trình tự, thủ tục rút gọn và trình Chính phủ trong tháng 5/2025

khích sáng tạo, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển, phải phản ánh hơi thở thực tiễn, bám sát, giải quyết vấn đề thực tiễn. Đối với quy trình xây dựng pháp luật phải đảm bảo dân chủ, minh bạch, kịp thời, khả thi, hiệu quả, dễ áp dụng trên thực tế, tiết kiệm thời gian, nâng cao “năng suất và chất lượng” xây dựng pháp luật.

- Ngày 25/10/2024, tại công văn số 868/TTg-TKBT, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng nâng cao chất lượng xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thi hành pháp luật, chính sách đáp ứng và bám sát yêu cầu thực tiễn, xây dựng các quy định pháp luật phù hợp vừa làm vừa rút kinh nghiệm, không nóng vội để mất thời cơ; thường xuyên đánh giá hiệu quả chất lượng chính sách sau ban hành để kịp thời điều chỉnh bất cập mâu thuẫn; chủ động phát hiện và tháo gỡ nhanh nhất những “điểm nghẽn” có nguyên nhân từ các quy định của pháp luật.

- Tại điểm 2 Nghị quyết số 192/2025/Qh15 ngày 19/2/2025 về bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên quy định, Quốc hội chỉ đạo: “Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng “vừa quản lý chặt chẽ, vừa kiến tạo phát triển”, từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”; đề cao phương pháp “quản lý theo kết quả”, chuyển mạnh từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát”.

- Tại điểm b mục 1 phần I của Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ban hành kèm theo Quyết định số 608/QĐ-TTg ngày 15/3/2025, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu: “Thống nhất nhận thức, nâng cao trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương trong việc đẩy mạnh phân quyền, phân cấp trên cơ sở nguyên tắc phân định thẩm quyền được quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương; chủ động đề xuất các lĩnh vực ưu tiên, cấp bách để đẩy mạnh phân quyền, phân cấp, tạo hành lang pháp lý, kịp thời xử lý những vấn đề thực tiễn, tháo gỡ “điểm nghẽn” về thể chế, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội”.

Tại Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 đã giao nhiệm vụ Bộ Tài chính: “*Chủ trì trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công*”. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý, Bộ Tài chính đã tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ. Theo đó đã quy định đầy đủ về quy trình quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công (từ khâu giao kế hoạch vốn hằng năm đến khâu thanh toán, quyết toán dự án), rõ ràng về trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan, đảm bảo quản lý chặt chẽ, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và góp phần đẩy nhanh được tiến độ giải ngân vốn đầu tư công.

Trong thời gian gần đây, Nhà nước đã có điều chỉnh các chế độ, chính sách, gồm: Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia; Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023. Với sự thay đổi của nhiều văn bản pháp lý liên quan, một số nội dung quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP của Chính phủ đã không còn phù hợp, cần có quy định mới để điều chỉnh cho phù hợp. Cụ thể như sau:

(1). Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ Quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính, đã quy định: *“Đối với chương trình, nhiệm vụ, dự án ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn phân bổ vốn từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và nguồn dự phòng ngân sách nhà nước hằng năm thực hiện theo quy định tại Điều 10 và Điều 59 Luật Ngân sách nhà nước”*. Theo đó cần thiết phải bổ sung mở rộng phạm vi của Nghị định 99 đối với các nhiệm vụ, dự án ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn.

(2) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024), trong đó có những điểm mới như sau:

(i) Sự thay đổi về nơi mở tài khoản để xử lý đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không nhận tiền hoặc đang có tranh chấp².

(ii) Về khái niệm “dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư”:

Tại Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ không còn quy định về khái niệm *“dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư”*.

(iii) Tại Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ không quy định chung về khái niệm *“quyết toán chi phí tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư”*. Chỉ quy định trong trường hợp địa phương chưa quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư tại khoản 8 Điều 27 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ.

² Tại khoản 4 Điều 94 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 quy định: *“Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc trường hợp đất thu hồi, tài sản đang có tranh chấp thì tiền bồi thường, hỗ trợ được gửi vào tài khoản tiền gửi của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mở tại ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối theo lãi suất không kỳ hạn. Tiền lãi từ khoản tiền bồi thường, hỗ trợ được trả cho người có quyền sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản được bồi thường, hỗ trợ”*.

(3). Khoản 4 Điều 23 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 quy định điểm mới về Chỉ định thầu như sau: “Đối với gói thầu hoặc nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đồng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm quyết định việc mua sắm bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình mà không phải lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán gói thầu, không phải ký hợp đồng với nhà cung cấp nhưng phải bảo đảm chế độ hóa đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật”

2. Cơ sở thực tiễn:

Để đánh giá các quy định về việc quản lý, thanh toán, quyết toán các dự án sử dụng vốn đầu tư công, Bộ Tài chính đã có công văn số 3563/BTC-ĐT ngày 4/4/2024 gửi các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương về việc đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Tổng hợp ý kiến tham gia cho thấy Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ được ban hành đã quy định đầy đủ về quy trình quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công (từ khâu giao kế hoạch vốn hàng năm đến khâu thanh toán, quyết toán dự án), rõ ràng về trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan, đảm bảo quản lý chặt chẽ, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và góp phần đẩy nhanh được tiến độ giải ngân vốn đầu tư công.

Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ đã đi vào cuộc sống, cơ bản đáp ứng yêu cầu về quản lý và phù hợp với chủ trương đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp, tiệm cận dần xu thế thanh toán trực tuyến; nhiều quy định mang tính đột phá như thanh toán trước – kiểm soát sau, giới hạn mức tạm ứng không quá 30% giá trị hợp đồng, giảm thời gian xử lý hồ sơ tại Kho bạc Nhà nước xuống còn 03 ngày,... Căn cứ Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 01/9/2024 về phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 8 năm 2024, đây là những quy định còn giá trị, đang thực hiện tốt, không có vướng mắc, tiếp tục được kế thừa, duy trì ổn định.

Tuy nhiên, thời gian tới, việc triển khai tổ chức thi hành pháp luật về quản lý, thanh toán, quyết toán niên độ ngân sách đối với dự án đầu tư công phải đáp ứng được một số yêu cầu mới như sau:

(1). Yêu cầu cấp bách phù hợp với chủ trương sắp xếp, tinh gọn bộ máy Chính phủ:

Theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP của Chính phủ, cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện kiểm soát theo từng lần tạm ứng, thanh toán trên cơ sở hồ sơ pháp lý theo quy định của pháp luật có liên quan do chủ đầu tư thực hiện và cung cấp.

Tuy nhiên, các hồ sơ pháp lý, thanh toán nêu trên, đặc biệt là toàn bộ hợp đồng, phương án giải phóng mặt bằng chiếm khối lượng lớn và chứa nhiều nội

dung có tính chất kỹ thuật chuyên ngành, không thuộc chức năng, nhiệm vụ kiểm soát của cơ quan kiểm soát, thanh toán. Điều này cũng gây khó khăn cho chủ đầu tư trong quá trình gửi hồ sơ và nhiều bất cập trong thực hiện dịch vụ công điện tử hóa toàn phần.

Từ thực tế trên, việc quy định nhằm đơn giản hóa hồ sơ quản lý, thanh toán, trên nguyên tắc phân cấp đến chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện về tính pháp lý của các thông tin cung cấp tại hồ sơ thanh toán gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán là cần thiết, giảm tải yêu cầu phải cung cấp và lưu trữ hồ sơ, phù hợp với lộ trình sắp xếp, tinh gọn bộ máy Kho bạc nhà nước, đảm bảo minh bạch, đúng quy định và đẩy nhanh tiến độ kiểm soát, thanh toán, tạo thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số và tiến tới mục tiêu thanh toán điện tử 100%.

(2) Yêu cầu sửa đổi các nội dung chi tiết trong quy trình quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công để phù hợp với những điểm mới của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật Xây dựng; Luật Đầu tư công; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia.

Từ tình hình trên, do những thay đổi tại các văn bản quy phạm pháp luật (như: Luật Đất đai, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Đấu thầu,...), và do yêu cầu mới trong tổ chức thi hành pháp luật để phù hợp với thực tế triển khai hệ thống dịch vụ công và chủ trương sắp xếp, tinh gọn bộ máy Chính phủ, việc đề xuất xây dựng Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công (thay thế Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ) là cần thiết và có căn cứ pháp lý.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH:

1. Mục đích ban hành Nghị định:

Nghị định quy định đầy đủ, toàn diện, thống nhất trong quản lý nhà nước về việc quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và bám sát nguyên tắc cải cách mạnh mẽ công tác kiểm soát, thanh toán tại KBNN nhằm mục tiêu thanh toán trực tuyến 100%, đơn giản hóa hồ sơ phải gửi cơ quan KBNN, đẩy mạnh số hóa quy trình kiểm soát, rõ phạm vi kiểm soát thanh toán của cơ quan KBNN, triệt để phân cấp quản lý cho Bộ chủ quản, chủ đầu tư trong quy trình triển khai thực hiện, giải ngân các dự án nhằm nhanh nhất giải phóng nguồn lực đầu tư công.

2. Quan điểm dự thảo Nghị định:

(1) Đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ: (i) Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; (ii) Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện

quy trình xây dựng pháp luật và Thông báo số 108/TB-VPTW ngày 18/11/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp về đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật; (iii) Nghị quyết số 158/2024/QH15 ngày 12/11/2024 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025³; (iv) Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV⁴; (v) Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ...

(2) Kế thừa những chính sách về quy trình quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công đã được thực hiện hiệu quả và ổn định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP; bổ sung, hoàn thiện khung pháp lý để phù hợp với những điểm mới của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật Xây dựng; Luật Đầu tư công; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia.

(3). Giảm tối đa thủ tục hành chính, đơn giản hóa các hồ sơ gửi Kho bạc nhà nước (hồ sơ pháp lý, hồ sơ tạm ứng, thanh toán vốn, biểu mẫu kiểm soát...) theo hướng gắn với trách nhiệm trực tiếp và toàn diện của chủ đầu tư/ban quản lý dự án, đẩy mạnh số hóa quy trình kiểm soát, phân định rõ trách nhiệm giữa các cơ quan liên quan do và phạm vi kiểm soát thanh toán của cơ quan KBNN, phù hợp với cơ cấu tổ chức của Kho bạc nhà nước, chính quyền địa phương sau khi thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính các cấp.

III. QUÁ TRÌNH DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH:

1. Ngày 4/3/2025, Bộ Tài chính đã có Tờ trình Thủ tướng Chính phủ số 57/TTr-BTC ngày 4/3/2025 về đề nghị xây dựng Nghị định riêng thay thế các nội dung về quản lý, thanh toán, quyết toán niên độ ngân sách đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ và đề xuất xây dựng Nghị định theo trình tự, thủ tục rút gọn.

2. Ngày 2/4/2025, Văn phòng Chính phủ có công văn số 2746/VPCP-KTTH về đề nghị xây dựng Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán niên độ ngân sách đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, theo đó Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc có ý kiến: “Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương liên quan khẩn trương hoàn thiện đề nghị xây dựng Nghị định của Chính phủ để quy định gộp 02 nội dung (về quản lý, thanh toán, quyết toán

³ “có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt để tháo gỡ thể chế, khắc phục điểm nghẽn; đẩy mạnh hơn nữa việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; tập trung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp” và “đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực”

⁴ Yêu cầu: “ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật”.

niên độ ngân sách đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công và về quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành) theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, báo cáo đề xuất Thủ tướng Chính phủ trước ngày 5/4/2025.”

3. Ngày 11/4/2025, Bộ Tài chính đã có Tờ trình số 135/TTr-BTC trình Thủ tướng Chính phủ về đề xuất xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 99/2021/NĐ-CP quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công theo trình tự, thủ tục rút gọn.

4. Ngày 26/4/2025, Văn phòng Chính phủ có công văn số 3662/VPCP-KTTH ngày 26/4/2025 về việc xây dựng Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công theo trình tự, thủ tục rút gọn, theo đó Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc đã có ý kiến giao Bộ Tài chính khẩn trương xây dựng Nghị định theo trình tự, thủ tục rút gọn và trình Chính phủ trong tháng 5/2025.

5. Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc tại công văn số 3662/VPCP-KTTH ngày 26/4/2025 của Văn phòng Chính phủ nêu trên, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 1856/QĐ-BTC ngày 27/5/2025 về việc thành lập Tổ soạn thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

6. Sau khi Tổ soạn thảo xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính đã có công văn số .../BTC-ĐT ngày ... gửi các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đề nghị góp ý dự thảo Nghị định, đồng thời đăng tải toàn văn dự thảo lên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính theo quy định.

7. Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương, trong đó có ... cơ quan/đơn vị thống nhất với toàn văn dự thảo Nghị định. Sau khi tổng hợp, tiếp thu và giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (*Phụ lục kèm theo*), Bộ Tài chính hoàn thiện dự thảo, gửi Bộ Tư pháp thẩm định (công văn số .../BTC-ĐT ngày .../01/2021).

8. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo số .../BC-BTP ngày .../.../2021, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công (*kèm theo*) trình Chính phủ xem xét, ban hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:

1.1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị định này quy định chi tiết về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công cho nhiệm vụ, dự án theo quy định của Luật Đầu tư công (không quy định đối với vốn đầu tư công để cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân

sách; nhiệm vụ chi cấp vốn thực hiện cho vay các Chương trình tín dụng chính sách của ngân sách trung ương qua Ngân hàng chính sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định của Chính phủ; vốn ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

1.2. Đối tượng áp dụng:

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc quản lý, thanh toán, quyết toán nhiệm vụ, dự án sử dụng vốn đầu tư công trong phạm vi quy định tại Điều 1 Nghị định này.

2. Bố cục, nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định:

Dự thảo Nghị định được xây dựng với kết cấu thành 06 Chương, bao gồm 56 Điều, cụ thể như sau:

(1). Chương I. Quy định chung (03 Điều), bao gồm các quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ.

(2). Chương II. Quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công (21 Điều), bao gồm:

a. Quy định về cơ quan thanh toán, việc mở tài khoản tại cơ quan thanh toán, các nguyên tắc quản lý, thanh toán vốn đầu tư công (04 Điều).

b. Mục 1 về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước (7 Điều), cụ thể:

- Quy định về việc kiểm tra phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước của cơ quan tài chính (theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước).

- Quy định về hồ sơ kiểm soát, thanh toán vốn, bao gồm: hồ sơ pháp lý của dự án, hồ sơ tạm ứng vốn, hồ sơ thanh toán.

- Quy định về tạm ứng vốn, bao gồm các nguyên tắc tạm ứng, bảo lãnh tạm ứng, mức vốn tạm ứng (quy định đối với công việc thực hiện thông qua hợp đồng xây dựng), thu hồi vốn tạm ứng và chế tài về thu hồi tạm ứng vốn.

- Quy định về thanh toán khối lượng hoàn thành, bao gồm các nội dung quy định về thanh toán đối với công việc thực hiện thông qua hợp đồng và công việc thực hiện không thông qua hợp đồng.

- Quy định về quản lý, thanh toán, thu hồi và quyết toán vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau.

- Quy định về thời hạn tạm ứng, thanh toán vốn hàng năm và thời hạn thanh toán của cơ quan thanh toán.

c. Mục 2 về quản lý, thanh toán vốn cho dự án đầu tư công đặc thù sử dụng vốn ngân sách nhà nước (03 Điều), cụ thể:

- Quy định về quản lý, thanh toán vốn cho dự án đầu tư công thuộc danh mục bí mật nhà nước.

- Quy định về quản lý, thanh toán vốn cho dự án đầu tư công bí mật nhà nước của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

- Quy định về quản lý, thanh toán vốn cho dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình tạm.

d. Mục 3 về quản lý, thanh toán vốn cho dự án đầu tư công tại nước ngoài sử dụng vốn ngân sách nhà nước (04 Điều), bao gồm: các nội dung quy định về việc phân bổ vốn, hồ sơ thanh toán vốn (hồ sơ pháp lý của dự án, hồ sơ tạm ứng vốn, hồ sơ thanh toán), tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành.

đ. Mục 4 về quản lý, thanh toán vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư (02 Điều), bao gồm: quy định về việc mở tài khoản để thanh toán vốn; quy định về quản lý, thanh toán vốn.

e. Mục 5 về cách thức thực hiện giao dịch tại Kho bạc Nhà nước (02 Điều), bao gồm: cách thức thực hiện đối với việc thanh toán nhiệm vụ, dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn vốn trong nước qua Kho bạc Nhà nước; cách thức thực hiện đối với việc kiểm soát chi vốn nước ngoài qua Kho bạc Nhà nước.

(3). Chương 3. Quyết toán (23 Điều):

a. Mục 1 quy định về quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách (quyết toán theo niên độ), bao gồm: các nội dung quy định về nguyên tắc quyết toán theo niên độ; thời hạn khóa sổ để lập báo cáo quyết toán; nội dung báo cáo quyết toán theo niên độ; trình tự, thời hạn lập, xét duyệt và gửi báo cáo quyết toán (05 Điều).

b. Mục 2 quy định về quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành (18 Điều), cụ thể:

- Quy định về vốn đầu tư được quyết toán; quyết toán vốn đầu tư công dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành.

- Quy định về hồ sơ trình thẩm tra phê duyệt quyết toán.

- Quy định về thẩm quyền phê duyệt và cơ quan thẩm tra quyết toán.

- Quy định về các nội dung về thẩm tra, phê duyệt quyết toán.

- Quy định về việc báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

(4). Chương IV. Kiểm tra, xử lý vi phạm (02 Điều): quy định về các nội dung kiểm tra tình hình quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công của chủ đầu tư, ban quản lý dự án, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ

bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cơ quan chủ quản, cơ quan thanh toán và cơ quan tài chính các cấp và xử lý vi phạm.

(5). Chương V. Nhiệm vụ của các cơ quan liên quan (04 Điều): quy định về nhiệm vụ của cơ quan tài chính các cấp, cơ quan thanh toán, cơ quan chủ quản, chủ đầu tư, ban quản lý dự án, nhà thầu thực hiện dự án sử dụng vốn đầu tư công, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

(6). Chương VI. Điều khoản thi hành (03 Điều): quy định về việc xử lý chuyển tiếp, tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành.

3. Những nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nội dung phân quyền, phân cấp so với Nghị định số 99/2021/NĐ-CP:

3.1. Bổ sung đối tượng loại trừ tại phạm vi Nghị định (Nghị định không quy định đối với vốn đầu tư công để thực hiện cho vay các Chương trình tín dụng chính sách của ngân sách trung ương qua Ngân hàng chính sách, vốn ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

3.2. Rút gọn về hồ sơ thanh toán vốn, rút ngắn thời gian thanh toán vốn của nhiệm vụ, dự án:

- Các hợp đồng, phụ lục bổ sung hợp đồng, văn bản phê duyệt dự toán, phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt được rút gọn thành các Bảng tổng hợp thông tin do chủ đầu tư lập và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin tại bảng.

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (do chủ đầu tư lập và chịu trách nhiệm) chỉ bao gồm chỉ tiêu giá trị hợp đồng/dự toán và giá trị khối lượng công việc hoàn thành, bỏ các chỉ tiêu về khối lượng, đơn giá; Bảng kê giá trị khối lượng công việc đền bù, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện chỉ kê theo tổng số tiền thanh toán cho các cơ quan, tổ chức và tổng số tiền thanh toán trực tiếp cho hộ dân (bỏ kê các nội dung chi tiết theo nội dung hợp đồng).

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ thanh toán (Quyết định hoặc văn bản phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Đấu thầu; Văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện).

- Thời gian thanh toán vốn tối đa 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán (rút ngắn từ 3 ngày thành 2 ngày)

*** Đánh giá:**

- Trên cơ sở rút gọn nội dung thành phần hồ sơ thanh toán tại Kho bạc nhà nước đã đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi số hóa thủ tục hành

chính, theo đó gộp được 02 TTHC (thanh toán vốn đầu tư công và thanh toán chi phí ban quản lý dự án) thành 01 TTHC (giảm bớt 01 TTHC). Cụ thể:

+ Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng/dự toán/phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là hình thức đơn giản hóa, giúp cơ quan thanh toán không phải tiếp nhận và lưu trữ toàn bộ văn bản hợp đồng/dự toán/phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (toàn bộ hợp đồng, phương án giải phóng mặt bằng chứa nhiều nội dung có tính chất kỹ thuật chuyên ngành, không thuộc chức năng, nhiệm vụ kiểm soát của cơ quan kiểm soát, thanh toán). Ước tính giảm đến 70% khối lượng hồ sơ, giấy tờ cần nộp cho cơ quan thanh toán.

+ Dữ liệu trong Bảng tổng hợp thông tin có thể dễ dàng số hóa, tạo thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số và tiến tới mục tiêu thanh toán điện tử 100%.

+ Cơ quan thanh toán không cần đối chiếu chi tiết hợp đồng, chỉ tập trung vào các nội dung tại Bảng tổng hợp thông tin nên rút ngắn được thời gian thanh toán.

+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành được rút gọn các chỉ tiêu giúp chủ đầu tư dễ lập, dễ kiểm tra, tạo thuận lợi cho chủ đầu tư trong việc tổng hợp, kê khai; KBNN không phải kiểm soát, đối chiếu về nội dung đơn giá; hỗ trợ chuyển đổi số, thống kê và tổng hợp.

- Đẩy mạnh được phân cấp, phân quyền cho chủ đầu tư lập đề nghị thanh toán và chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các nội dung kê khai tại Bảng tổng hợp thông tin, tăng tính chủ động và trách nhiệm của chủ đầu tư.

- Phân định rõ trách nhiệm giữa các cơ quan liên quan do việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công có sự tham gia của nhiều chủ thể (chủ đầu tư, nhà thầu, đơn vị, tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, KBNN):

+ Tăng cường phân cấp, quy định rõ trách nhiệm của chủ đầu tư, đơn vị tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư.

+ Quy định rõ trách nhiệm của cơ quan thanh toán: chỉ thanh toán trên cơ sở đề nghị và hồ sơ do chủ đầu tư lập phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

3.3. Quy định phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý tạm ứng:

Quy định về tạm ứng vốn đầu tư công tại dự thảo Nghị định theo hướng tăng cường trách nhiệm đối với chủ đầu tư, cơ quan cấp trên chủ đầu tư trong việc sử dụng, thu hồi vốn tạm ứng, hạn chế tình trạng lạm dụng, chiếm dụng vốn tạm ứng kéo dài. Cụ thể:

- Không yêu cầu về nội dung “mức thu hồi tạm ứng từng lần, thời điểm thu hồi tạm ứng từng lần” phải được ghi cụ thể trong hợp đồng. Chỉ quy định về nội dung: Mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng lần đầu và các nội dung khác đảm bảo việc thu hồi hết tạm ứng khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng (trừ trường hợp được người có thẩm quyền cho tạm ứng ở mức cao hơn).

- Không quy định về mức vốn tạm ứng tối đa. Riêng đối với hợp đồng xây dựng, mức vốn tạm ứng thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Quy định đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chuyển toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không nhận tiền hoặc đang có tranh chấp về tài khoản tiền gửi của tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư mở tại ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối theo lãi suất không kỳ hạn (quy định phù hợp với điểm mới của Luật Đất đai số 31/2024/QH15).

Ngoài ra, để đảm bảo quy định rõ về trách nhiệm quản lý đối với số tiền trên, tại dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định cụ thể về trách nhiệm của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trách nhiệm của chủ đầu tư dự án. Cụ thể:

+ Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư báo cáo chủ đầu tư về số tiền gửi tại Ngân hàng thương mại cụ thể theo từng quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của từng dự án, số tiền tương ứng với tên chủ sở hữu không nhận tiền hoặc đang có tranh chấp; chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác định số tiền được phép gửi tại Ngân hàng thương mại và theo dõi để tiếp tục chi trả khi người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản đồng ý nhận tiền bồi thường, hỗ trợ..

+ Chủ đầu tư báo cáo Bộ, cơ quan trung ương, địa phương chủ quản dự án về tình hình tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn đầu tư của từng nhiệm vụ, dự án (trong đó có chi tiết về số tiền gửi tại Ngân hàng thương mại cụ thể theo từng quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của từng dự án) để các bộ, cơ quan trung ương và địa phương có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc chủ đầu tư, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có biện pháp đảm bảo thu hồi hết số tạm ứng theo quy định.

- Triệt để phân cấp trách nhiệm đối với chủ đầu tư trong việc quản lý, thu hồi tạm ứng: chịu trách nhiệm về đề nghị tạm ứng đúng đối tượng, phù hợp với tiến độ và khả năng giải ngân của dự án; chịu trách nhiệm theo dõi chi tiết từng khoản tạm ứng, thực hiện thu hồi tạm ứng khi thanh toán khối lượng hoàn thành; báo cáo định kỳ về tình hình sử dụng và thu hồi tạm ứng với cơ quan cấp trên

của chủ đầu tư và có trách nhiệm giải trình khi có tồn đọng, chậm thu hồi, tạm ứng quá hạn hoặc sai phạm trong quản lý vốn tạm ứng.

+ Bổ sung trách nhiệm cơ quan chủ quản có trách nhiệm chỉ đạo, đơn đốc chủ đầu tư có biện pháp đảm bảo thu hồi hết số tạm ứng quá hạn.

+ Bỏ quy định Bộ Tài chính, sở tài chính có công văn đề nghị các bộ, cơ quan trung ương, UBND các cấp có biện pháp thu hồi vốn tạm ứng quá hạn đối với các dự án thuộc nhiệm vụ quản lý.

3.4. Phân cấp toàn bộ việc kiểm soát, thanh toán đối với dự án đầu tư công bí mật nhà nước (dự án mật, tối mật, tuyệt mật) của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng sang cơ quan do Bộ Công an, Bộ Quốc phòng ủy quyền kiểm soát, thanh toán.

3.5. Về hồ sơ thanh toán đối với dự án đầu tư công khẩn cấp: bổ sung thêm về hồ sơ pháp lý đối với dự án đầu tư công khẩn cấp là: “Quyết định phê duyệt dự án đầu tư” hoặc “Quyết định xây dựng công trình khẩn cấp bằng lệnh xây dựng công trình khẩn cấp”.

Lý do: Để phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng, theo đó:

- Tại Điều 128 Luật Xây dựng quy định về **Công trình xây dựng đặc thù**, trong đó có bao gồm “*Công trình được xây dựng theo lệnh khẩn cấp*”.

- Tại Điều 130 Luật Xây dựng đã quy định về **Xây dựng công trình khẩn cấp**.

- Tại Điều 69 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng, quy định:

“Người đứng đầu cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền quyết định việc xây dựng công trình khẩn cấp thuộc phạm vi quản lý bằng lệnh xây dựng công trình khẩn cấp.”

Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp được thể hiện bằng bản bản gồm các nội dung: mục đích xây dựng, địa điểm xây dựng, người được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình, thời gian xây dựng công trình, dự kiến chi phí và nguồn lực thực hiện và các yêu cầu cần thiết khác có liên quan”.

3.6. Bỏ nội dung quản lý, thanh toán vốn đầu tư công trong dự án PPP (do đã chuyển nội dung này sang dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 28/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2020 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư).

3.7. Một số nội dung sửa đổi theo dự thảo Luật Ngân sách nhà nước:

- Bổ sung nguyên tắc quản lý, thanh toán vốn đầu tư công đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư nguồn viện trợ không hoàn lại để phù hợp với Điều 12 dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (dự thảo Luật NSNN quy định chi ngân sách nhà nước chỉ được thực hiện khi đã có trong dự toán ngân sách được giao, trừ các khoản chi từ nguồn viện trợ không hoàn lại).

- Bổ nội dung quy định cơ quan tài chính các cấp thẩm định báo cáo quyết toán theo niên độ (theo dự thảo Luật Ngân sách sửa đổi).

3.8. Về quyết toán dự án hoàn thành:

- Sửa đổi đảm bảo phù hợp với pháp luật về Đầu tư công, Xây dựng, Đất đai, Đấu thầu như sau:

+ Sửa đổi về tên gọi đối với các dự án dừng thực hiện vĩnh viễn tại phạm vi Nghị định thành dự án **dừng thực hiện vĩnh viễn, ngừng, tạm ngừng, hủy bỏ, chấm dứt (sau đây gọi chung là dừng)**.

Lý do: Cho phù hợp với pháp luật về đầu tư công (khoản 5 Điều 95⁵ Luật Đầu tư công số 58, khoản 2 Điều 15⁶ Nghị định 85/2025/NĐ-CP) và pháp luật về xây dựng (tại khoản 1 Điều 35⁷ Nghị định 10/2021/NĐ-CP).

+ Bổ sung đối tượng về dự án nhóm B, nhóm C có nhiều dự án thành phần, tiểu dự án độc lập tại Điều 31 dự thảo Nghị định về Quyết toán vốn đầu tư công dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành.

Lý do: Bổ sung theo quy định khoản 7 Điều 31, Luật Đầu tư công số 39 và khoản 7 Điều 35⁸ Luật Đầu tư công số 58.

+ Cập nhập các nội dung mới theo quy định tại Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và để làm rõ hơn về hồ sơ, báo cáo quyết toán, thời gian quyết toán, chi phí và sử dụng chi phí của công tác GPMB; sửa một số cụm từ để phù hợp với quy định về quản lý chi phí xây dựng tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

⁵ Điều 95. Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân quyết định đầu tư chương trình, dự án

5. Quyết định việc điều chỉnh, tạm ngừng, hủy bỏ chương trình, dự án.

⁶ Điều 15. Các trường hợp dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án và trình tự, thủ tục thực hiện

2. Trường hợp chương trình, dự án đã được quyết định đầu tư, việc dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

⁷ Điều 35. Quyết toán vốn đầu tư xây dựng

1. Dự án đầu tư xây dựng phải thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng sau khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn khi cấp có thẩm quyền có văn bản dừng hoặc cho phép chấm dứt thực hiện dự án.

⁸ Điều 35. Nội dung báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C

7. Phân chia các dự án thành phần (nếu có);

+ Bỏ “Biên bản nghiệm thu công trình hoặc hạng mục công trình độc lập hoàn thành đưa vào sử dụng (bản chính)” tại hồ sơ trình thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

Lý do: Để phù hợp với cải cách hành chính (vì khi chủ đầu tư và nhà thầu đã lập quyết toán A – B thì đã phải có văn bản này (Điều 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP); trách nhiệm thuộc chủ đầu tư, nhà thầu và đơn vị nhận bàn giao đưa vào sử dụng (nếu có)),

+ Quy định đối với dự án dừng thực hiện căn cứ văn bản của người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết định đầu tư; đồng thời chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư.

Lý do: Theo thẩm quyền của và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân quyết định đầu tư chương trình, dự án (theo quy định tại khoản 5 Điều 95 Luật Đầu tư công số 58 và khoản 1 Điều 35 Nghị định 10/2021/NĐ-CP). Để bớt thủ tục và tiết kiệm chi phí (không mất thời gian và chi phí điều chỉnh chủ trương đầu tư, dự án đầu tư).

+ Điều chỉnh câu từ kỹ thuật về chi phí thẩm tra bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho phù hợp với Điều 102 Luật Đất đai và Điều 14 và Điều 27 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP); các nội dung thẩm tra chi phí cho phù hợp với khoản 65 Điều 1 Luật số 62⁹ và khoản 4, 5, 6 Điều 64¹⁰ Luật Đấu thầu 2023;

- Sửa đổi đảm bảo phù hợp với tổ chức bộ máy ở địa phương sau tổ chức lại: bỏ quy định thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành do cấp huyện quản lý và hồ sơ quyết toán cấp xã gửi cấp huyện thẩm tra khi cấp xã không đủ năng lực.

- Bổ sung quy định tại Điều 34 dự thảo Nghị định về Thẩm quyền phê duyệt, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành:

“d) Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định thành lập Tổ công tác để thực hiện thẩm tra quyết toán trước khi phê duyệt quyết toán. Thành phần của Tổ công tác gồm đại diện có thẩm quyền của các đơn vị, cơ quan có liên quan.

⁹ Điều 140. Các loại hợp đồng xây dựng

3. Theo hình thức giá hợp đồng áp dụng, hợp đồng xây dựng gồm: a) Hợp đồng trọn gói; b) Hợp đồng theo đơn giá cố định; c) Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh; d) Hợp đồng theo thời gian; đ) Hợp đồng theo chi phí cộng phí; e) Hợp đồng theo giá kết hợp; g) Hợp đồng xây dựng khác; h) (được bãi bỏ) Hợp đồng xây dựng sử dụng vốn nhà nước chỉ áp dụng các loại hợp đồng quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này hoặc kết hợp các loại hợp đồng này.

¹⁰ Điều 64. Loại hợp đồng: 4. Hợp đồng theo thời gian; 5. Hợp đồng theo chi phí cộng phí; 6. Hợp đồng theo kết quả đầu ra.

Lý do: Cho phù hợp với quy định về công tác tổ chức lại đơn vị hành chính cấp tỉnh theo Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 và Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị và giảm tải cho các đơn vị chủ trì thẩm tra khi khối lượng công việc tăng lên do tổ chức lại địa giới hành chính.

- Bổ sung điểm 2 Điều 41 dự thảo Nghị định quy định: *“Tiêu chuẩn tài sản, phân loại tài sản và xử lý tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật về Quản lý, sử dụng tài sản công”*. Theo đó, bỏ nội dung quy định việc phân bổ chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn, chi phí khác chung của toàn dự án cho từng tài sản cố định.

Lý do: Quyết toán vốn đầu tư là việc quyết toán chi phí bỏ ra để "mua" giá trị KLHT của dự án. Còn việc xử lý tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án (đã được quy định cụ thể tại khoản 58 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP của Chính phủ), xác định tài sản cố định hay tài sản ngắn hạn (công cụ, dụng cụ) thực hiện theo quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Thông tư 23/2023/TT-BTC, Thông tư số 24/2024/TT-BTC) và pháp luật khác có liên quan.

- Điều chỉnh về thời gian thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành đối với dự án nhóm B, C (tăng 01 tháng so với quy định cũ):

Lý do: Điều chỉnh tăng thời gian thẩm tra dự án nhóm B, C lên do hiện nay số lượng công chức làm công tác thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành rất thiếu (nhất là trong bối cảnh sắp xếp, tổ chức lại và bỏ cấp huyện); mặt khác, quy mô dự án nhóm B, C theo quy định tại Luật Đầu tư công tăng lên nhiều so với quy định tại Luật cũ.

3.9. Điều chỉnh, bổ sung rõ các căn cứ để xử lý vi phạm và nhiệm vụ của Bộ, cơ quan trung ương và UBND các cấp, các cơ quan, tổ chức khác có liên quan.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH:

1. Dự kiến nguồn lực để thi hành Nghị định:

Dự kiến khi Nghị định được ban hành, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương sử dụng bộ máy tổ chức và nguồn nhân lực hiện có để thực hiện. Việc thi hành Nghị định không gây phát sinh nguồn lực mới về nhân lực và cơ sở vật chất; không phát sinh trình tự, thủ tục, yêu cầu mới so với quy định trước đây.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính dự thảo Nghị định theo hướng đơn giản hóa hồ sơ pháp lý, hồ sơ thanh toán phù hợp với hệ thống dịch vụ công trực tuyến và phạm vi kiểm soát thanh toán của KBNN nên việc thi hành sẽ tiết kiệm về thời gian và nguồn lực hơn so với quy định trước đây.

2. Điều kiện bảo đảm việc thi hành Nghị định:

Các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, tập huấn triển khai nội dung Nghị định. Nguồn kinh phí thực hiện phổ biến, tập huấn triển khai nội dung Nghị định từ nguồn chi thường xuyên ngân sách Nhà nước hàng năm của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

3. Thời gian trình Chính phủ: dự kiến trong tháng 6/2025

VI. ĐÁNH GIÁ VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:

Tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, quy định 03 thủ tục hành chính đã được Bộ Tài chính công bố tại Quyết định số 447/QĐ-BTC ngày 15/3/2024 và công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo các mã số 3.000119, 3.000124 và 3.000123 ((i) Thủ tục kiểm soát thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước; (ii) Thủ tục kiểm soát, thanh toán chi phí quản lý dự án đầu tư của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước; (iii) Thủ tục kiểm soát chi vốn nước ngoài qua Kho bạc Nhà nước).

Tại Nghị định mới quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán niên độ ngân sách đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công (thay thế các nội dung về quản lý, thanh toán, quyết toán niên độ ngân sách tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ) tiếp tục quy định về 02 thủ tục hành chính, trên cơ sở kế thừa và gộp từ các thủ tục hành chính tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP, quy định hồ sơ thanh toán theo hướng rút gọn, tinh giản và phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. Việc xây dựng Nghị định mới không làm phát sinh tăng thủ tục hành chính.

VII. KIẾN NGHỊ

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công (thay thế Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ). Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

- Phó Thủ tướng Chính Phủ Hồ Đức Phớc
(để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (để
đăng tải);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính
(để đăng tải);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT.

Đỗ Thành Trung

CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / /ND-CP Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO LẦN 2
(Ngày 3/6/2025)

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán
dự án sử dụng vốn đầu tư công

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 (được sửa đổi, bổ sung bởi 1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội, Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội, Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội);

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài số 33/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài số 19/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ Quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công cho nhiệm vụ, dự án theo quy định của Luật Đầu tư công, bao gồm:

1. Quản lý, thanh toán vốn đầu tư công cho:

a) Nhiệm vụ, dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

b) Nhiệm vụ, dự án đầu tư công sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư.

2. Quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách (quyết toán theo niên độ).

3. Quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, bao gồm các nhiệm vụ, dự án quy định tại khoản 1 Điều này sau khi hoàn thành hoặc dừng, ngừng, tạm ngừng, hủy bỏ, chấm dứt (sau đây gọi chung là dừng) theo văn bản cho phép dừng thực hiện của người có thẩm quyền quyết định đầu tư.

Dự án, công trình, hạng mục công trình sử dụng một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư công: thực hiện thống nhất theo quy định tại Nghị định này, trừ dự án có quy định riêng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Dự án có nguồn đóng góp bằng hiện vật, ngày công lao động hoặc công trình hoàn thành: căn cứ đơn giá hiện vật, giá trị ngày công lao động hoặc giá trị công trình hoàn thành để hạch toán vào giá trị công trình, dự án để theo dõi, quản lý.

Dự án thực hiện theo hình thức sử dụng vốn đầu tư công hỗ trợ bằng vật liệu xây dựng, các hình thức hỗ trợ hiện vật khác: các bộ, cơ quan trung

ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể việc quyết toán phần vốn hỗ trợ cho phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị thực hiện và của Nhà nước.

4. Quy trình, thủ tục thanh toán và quyết toán các nhiệm vụ, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thực hiện theo các quy định tại Nghị định này. Thủ tục rút vốn và quản lý rút vốn thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó.

5. Nghị định này không quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công đề:

- a) Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý;
- b) Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách;
- c) Nhiệm vụ chi cấp vốn thực hiện cho vay các Chương trình tín dụng chính sách của ngân sách trung ương qua Ngân hàng chính sách.
- d) Hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- đ) Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định của Chính phủ;
- e) Vốn ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Nghị định này không quy định việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư công để hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc quản lý, thanh toán, quyết toán nhiệm vụ, dự án sử dụng vốn đầu tư công trong phạm vi quy định tại Điều 1 Nghị định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cơ quan quản lý nhà nước về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công bao gồm: Chính phủ, Bộ Tài chính, cơ quan tài chính các cấp ở địa phương và các cơ quan được giao nhiệm vụ hoặc ủy quyền quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

2. Dự án đầu tư công bí mật nhà nước là dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách nhà nước có độ mật gồm Mật, Tối mật, Tuyệt mật thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Giải ngân vốn đầu tư công đối với vốn trong nước là việc ~~ơ quan thanh toán thực hiện~~ tạm ứng vốn, thanh toán khối lượng hoàn thành (bao gồm cả thanh toán để thu hồi vốn tạm ứng) cho nhiệm vụ, dự án trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư; giải ngân vốn đầu tư công đối với vốn nước ngoài theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

4. Tạm ứng vốn là việc ~~ơ quan thanh toán~~ chuyển tiền trước cho cá nhân, đơn vị thụ hưởng theo đề nghị của chủ đầu tư để thực hiện các công tác chuẩn bị cần thiết triển khai các công việc của nhiệm vụ, dự án.

5. Thanh toán khối lượng hoàn thành là việc ~~ơ quan thanh toán~~ chuyển tiền cho cá nhân, đơn vị thụ hưởng (hoặc thanh toán để thu hồi vốn tạm ứng) theo đề nghị của chủ đầu tư để thanh toán cho phần giá trị khối lượng công việc đã thực hiện, được các bên nghiệm thu, xác định là công việc hoàn thành từng phần hoặc toàn bộ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận. Riêng thanh toán khối lượng hoàn thành đối với các hợp đồng bảo hiểm của dự án đầu tư là việc thanh toán hợp đồng được ký kết; đối với lệ phí thẩm định, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán là việc thanh toán cho cơ quan chủ trì thẩm định, thẩm tra quyết toán theo văn bản đề nghị của cơ quan này.

6. Thanh toán trước, kiểm soát sau vốn đầu tư công là hình thức thanh toán áp dụng đối với một số khoản chi. Trong đó, cơ quan thanh toán làm thủ tục giải ngân ngay sau khi nhận được đề nghị của chủ đầu tư kèm theo hồ sơ theo quy định tại Nghị định này. Việc xử lý kết quả được cơ quan thanh toán vốn đầu tư thực hiện sau khi đã thanh toán khoản chi.

7. Tabmis là hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc.

8. Vốn nước ngoài thuộc nguồn ngân sách nhà nước gồm vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi nước ngoài (kể cả vốn nước ngoài thanh toán theo cơ chế tài chính trong nước).

9. Vốn trong nước là vốn ngân sách nhà nước (không bao gồm vốn nước ngoài quy định tại khoản 8 Điều này) và vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

Chương II **QUẢN LÝ, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG**

Điều 4. Cơ quan thanh toán

1. Kho bạc Nhà nước thực hiện nhiệm vụ giải ngân vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước và nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước dành để đầu tư.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện kiểm soát, giải ngân vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư của đơn vị mình.

3. Cơ quan do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền làm nhiệm vụ kiểm soát, giải ngân vốn cho dự án đầu tư công bí mật nhà nước của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thông báo cho Bộ Tài chính về việc ủy quyền.

Điều 5. Mở tài khoản

1. Mở tài khoản để thực hiện thanh toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước:

a) Chủ đầu tư nhiệm vụ, dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm chủ đầu tư dự án thành phần) mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi thuận tiện cho giao dịch. Cơ quan chủ quản có thể thay mặt chủ đầu tư (trong trường hợp chủ đầu tư không ở trong nước) mở tài khoản cho dự án đầu tư công tại nước ngoài sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện thanh toán vốn.

b) Việc mở tài khoản để thanh toán thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và của Bộ Tài chính về hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

2. Mở tài khoản để thanh toán vốn cho dự án đầu tư công bí mật nhà nước của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an:

a) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để tiếp nhận vốn ngân sách nhà nước giải ngân cho dự án đầu tư công bí mật nhà nước của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

b) Việc mở tài khoản để thanh toán thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và của Bộ Tài chính về hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

3. Mở tài khoản để thanh toán vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư cho dự án đầu tư công thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.

Điều 6. Nguyên tắc quản lý, thanh toán vốn đầu tư công:

1. Việc quản lý, giải ngân vốn đầu tư công cho nhiệm vụ, dự án đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng quy định về quản lý đầu tư công, ngân sách nhà nước, quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Nghị định này. Đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, minh bạch, không để thất thoát, lãng phí.

2. Chủ đầu tư, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư và cơ quan tài chính các cấp thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn theo quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công.

3. Đối với dự án đầu tư công tại nước ngoài

a) Hợp đồng đã ký kết, pháp luật hiện hành của nước sở tại, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là căn cứ pháp lý thực hiện quản lý, tạm ứng, thanh toán vốn cho dự án đầu tư công tại nước ngoài.

b) Cơ quan chủ quản thay mặt chủ đầu tư đề nghị và thực hiện giao dịch thanh toán vốn đầu tư công với cơ quan thanh toán.

4. Tổng số vốn ~~thanh toán~~ giải ngân cho nhiệm vụ, dự án không được vượt tổng mức đầu tư dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc điều chỉnh.

5. Số vốn vốn đầu tư công giải ngân cho nhiệm vụ, dự án trong năm không vượt tổng số kế hoạch vốn trong năm đã bố trí cho nhiệm vụ, dự án (bao gồm cả kế hoạch vốn các năm trước được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân (nếu có)). Riêng đối với dự án sử dụng vốn từ nguồn viện trợ không hoàn lại được thực hiện theo quy định tại Điều 12 Luật Ngân sách nhà nước.

6. Giải ngân vốn đầu tư công căn cứ trên các hồ sơ pháp lý, hồ sơ tạm ứng, hồ sơ thanh toán theo quy định tại Nghị định này.

7. Vốn đầu tư công giải ngân cho từng công việc, hạng mục của nhiệm vụ, dự án không vượt giá trị dự toán tại Bảng tổng hợp thông tin dự toán (đối với trường hợp tự thực hiện hoặc thực hiện không theo hợp đồng); không vượt giá trị hợp đồng tại Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng; không vượt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Bảng tổng hợp thông tin bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

8. Đối với các chi phí được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) theo quy định, cơ quan thanh toán thực hiện thanh toán trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư.

9. Cơ quan thanh toán thực hiện thanh toán vốn đầu tư công theo nguyên tắc “thanh toán trước, kiểm soát sau” cho từng lần giải ngân đối với các khoản giải ngân theo hợp đồng cho đến khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng thì chuyển sang hình thức “kiểm soát trước, thanh toán sau” cho từng lần giải ngân của hợp đồng.

10. Cơ quan thanh toán căn cứ tính đầy đủ và các thông tin trên các hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Nghị định này để giải ngân vốn đầu tư công.

11. Đối với dự án đầu tư công bí mật nhà nước của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an:

Cơ quan được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền làm nhiệm vụ thanh toán tiến hành kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư công cho các đơn vị thụ

hưởng theo đề nghị của chủ đầu tư và chịu trách nhiệm về việc kiểm soát, thanh toán do mình thực hiện.

12. Cách thức giao dịch tại cơ quan thanh toán (giao dịch trực tiếp tại cơ quan thanh toán hoặc giao dịch điện tử):

a) Đối với trường hợp giao dịch tại hệ thống Kho bạc Nhà nước, cách thức thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

b) Đối với trường hợp giao dịch qua cơ quan thanh toán khác, cách thức giao dịch theo quy định của cơ quan thanh toán nơi thực hiện giao dịch.

Mục 1

QUẢN LÝ, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 7. Phân bổ vốn hàng năm

1. Nội dung phân bổ:

Sau khi được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch (bao gồm kế hoạch giao đầu năm, bổ sung hoặc điều chỉnh trong năm ngân sách; vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau), các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp hoặc đơn vị dự toán cấp I ở địa phương (trường hợp được cấp trên phân cấp thực hiện phân bổ) triển khai các nội dung sau:

a) Thực hiện phân bổ chi tiết vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho từng nhiệm vụ, dự án theo các tiêu chí tại Mẫu số 01.a/PB, điều chỉnh phân bổ chi tiết vốn kế hoạch (nếu có) theo các tiêu chí tại Mẫu số 01.b/PB kèm theo Nghị định này gửi cơ quan tài chính cùng cấp, thời gian phân bổ được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và đầu tư công.

b) Thực hiện giao chỉ tiêu và giao chi tiết vốn kế hoạch đầy đủ các tiêu chí tại Mẫu số 01.a/PB, điều chỉnh chi tiết vốn kế hoạch (nếu có) đầy đủ các tiêu chí tại Mẫu số 01.b/PB cho các chủ đầu tư để thực hiện, đồng gửi cơ quan thanh toán nơi giao dịch.

2. Cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện kiểm tra phân bổ vốn của đơn vị dự toán cấp I theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước. Nội dung kiểm tra thực hiện theo quy định tại pháp luật về ngân sách nhà nước và đầu tư công.

3. Các bộ, cơ quan trung ương, cơ quan tài chính các cấp, cơ quan thanh toán (Kho bạc Nhà nước) có trách nhiệm nhập và phê duyệt vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hàng năm trên Tabmis theo phân cấp và quy định hiện hành.

Điều 8. Hồ sơ thanh toán vốn của chương trình, nhiệm vụ, dự án

1. Hồ sơ pháp lý của nhiệm vụ, dự án (gửi một lần khi giao dịch với cơ quan thanh toán hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung):

- Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao;
- Quyết định hoặc văn bản giao nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền đối với nhiệm vụ sử dụng vốn đầu tư công (trừ trường hợp nhiệm vụ đã có trong Quyết định phê duyệt dự án), Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền đối với thực hiện dự án, các quyết định hoặc văn bản điều chỉnh (nếu có);
- Văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện (đối với trường hợp tự thực hiện và chưa có trong quyết định hoặc văn bản giao nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền, trừ trường hợp chủ đầu tư được phép tự thực hiện theo quy định pháp luật); văn bản giao việc hoặc văn bản giao khoán nội bộ (đối với trường hợp giao khoán nội bộ);
- Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng đối với trường hợp thực hiện theo hợp đồng (chủ đầu tư lập theo hợp đồng đã có hiệu lực và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin tại Bảng) (có chữ ký xác nhận của chủ đầu tư) (Mẫu số 02.a/TT);
- Bảng tổng hợp thông tin dự toán đối với trường hợp không thực hiện theo hợp đồng (chủ đầu tư lập theo dự toán chi phí đã được duyệt và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin tại bảng, có chữ ký xác nhận của chủ đầu tư) (Mẫu số 02.b/TT); Dự toán thu, chi hằng năm của chủ đầu tư, ban quản lý dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với trường hợp chủ đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán thu, chi hằng năm (Mẫu số 01/QĐ-QLDA, mẫu số 02/QĐ-QLDA của Thông tư số 70/2024/TT-BTC ngày 01/10/2024 của Bộ Tài chính).
- Bảng tổng hợp thông tin bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (chủ đầu tư lập theo Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc Quyết định đầu tư dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin tại bảng, có chữ ký xác nhận của chủ đầu tư) (Mẫu số 02.c/TT).
- Đối với Ban quản lý dự án, đơn vị, tổ chức thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng: Quyết định giao quyền tự chủ tài chính của cấp có thẩm quyền (đối với đơn vị được giao quyền tự chủ tài chính mà chưa quy định trong quyết định thành lập đơn vị); Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị; Quyết định thành lập hoặc văn bản quy định về tổ chức biên chế ban quản lý dự án, đơn vị, tổ chức thực hiện công tác bồi thường của cấp có thẩm quyền hoặc văn bản phê duyệt chỉ tiêu biên chế do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với các dự án sử dụng vốn nước ngoài, trong trường hợp có sử dụng vốn dư cần bổ sung văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng vốn dư theo quy định.

2. Hồ sơ tạm ứng vốn (gửi theo từng lần đề nghị tạm ứng vốn), bao gồm:

a) Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT);

b) Giấy rút vốn (Mẫu số 05.a/TT);

c) Văn bản bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (bản chính hoặc sao y bản chính theo quy định) đối với trường hợp phải có bảo lãnh tạm ứng theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định này.

3. Hồ sơ thanh toán (gửi theo từng lần đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành):

a) Đối với khối lượng công việc hoàn thành thực hiện thông qua hợp đồng (bao gồm cả hợp đồng xây dựng, hợp đồng thực hiện dự án không có cấu phần xây dựng), hồ sơ thanh toán gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT);

- Giấy rút vốn (Mẫu số 05.a/TT);

- Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng, Mẫu số 04.b/TT);

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT);

b) Đối với khối lượng công việc hoàn thành thực hiện không thông qua hợp đồng:

- Đối với bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, hồ sơ thanh toán gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT), Giấy rút vốn (Mẫu số 05.a/TT), Giấy đề nghị thu hồi tạm ứng vốn (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng, Mẫu số 04.b/TT), Bảng kê giá trị khối lượng công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện (Mẫu số 03.b/TT).

- Đối với trường hợp khác mà khối lượng công việc hoàn thành thực hiện không thông qua hợp đồng (bao gồm chi phí quản lý dự án trong trường hợp ban quản lý dự án, chủ đầu tư trực tiếp quản lý 01 dự án; chi phí đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư), hồ sơ thanh toán gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT), Giấy rút vốn (Mẫu số 05.a/TT), Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng, Mẫu số 04.b/TT), Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT);

c) Đối với việc xây dựng các công trình (kể cả xây dựng nhà di dân giải phóng mặt bằng) để bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và các điểm a, b, d, đ khoản 3 Điều này.

d) Đối với chương trình, nhiệm vụ, dự án đã hoàn thành được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán nhưng chưa được thanh toán đủ vốn theo giá trị phê duyệt quyết toán, hồ sơ thanh toán gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT), Quyết định phê duyệt quyết toán, Giấy rút vốn (Mẫu số 05.a/TT).

đ) Đối với các hợp đồng bảo hiểm, hợp đồng kiểm toán: hồ sơ thanh toán gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT), Giấy rút vốn (Mẫu số 05.a/TT).

e) Đối với lệ phí thẩm định, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, hồ sơ thanh toán gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT), Giấy rút vốn (Mẫu số 05.a/TT); Thông báo thu phí, lệ phí.

4. Hồ sơ đối với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia:

Hồ sơ pháp lý, hồ sơ tạm ứng, hồ sơ thanh toán của dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này. Riêng đối với dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp, Nhà nước hỗ trợ đầu tư một phần, phần còn lại do nhân dân đóng góp (dự án nhóm C có quy mô nhỏ) có sử dụng vốn Chương trình mục tiêu quốc gia do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, hồ sơ pháp lý gồm:

a) Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao;

b) Bảng tổng hợp thông tin Hợp đồng đối với trường hợp thực hiện theo hợp đồng (chủ đầu tư lập theo hợp đồng đã có hiệu lực và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin tại Bảng) (có chữ ký xác nhận của chủ đầu tư ~~và nhà thầu~~) (Mẫu số 02.a/TT);

c) Văn bản phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền kèm theo Bảng tổng hợp thông tin dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư (Mẫu 02.b/TT) (đối với nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư); Văn bản phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình của Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với thực hiện dự án);

5. Hồ sơ đối với các khoản chi từ tài khoản tiền gửi của các đơn vị giao dịch mà cơ quan thanh toán phải kiểm soát thanh toán: theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Hồ sơ đối với trường hợp chi từ tài khoản tiền gửi mà cơ quan thanh toán không phải kiểm soát là Ủy nhiệm chi (Mẫu số 05.b,c,d,e/TT).

6. Hồ sơ đối với chi phí quản lý dự án trong trường hợp chủ đầu tư, ban quản lý dự án trực tiếp quản lý nhiều dự án:

Hồ sơ để chuyển tạm ứng kinh phí quản lý dự án từ tài khoản dự toán vào tài khoản tiền gửi gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT), Giấy rút vốn (Mẫu số 05.a/TT).

Hồ sơ tạm ứng chi phí quản lý dự án từ tài khoản tiền gửi (gửi từng lần khi có đề nghị tạm ứng) gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT), Giấy rút vốn (Mẫu số 05.a/TT).

Hồ sơ thanh toán (thanh toán chi phí quản lý dự án từ tài khoản dự toán vào tài khoản tiền gửi; thanh toán chi phí quản lý dự án từ tài khoản tiền gửi) gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT); Giấy rút vốn (Mẫu số 05.a/TT); Giấy đề nghị thu hồi tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng, Mẫu số 04.b/TT); Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành hoặc: Bảng phân bổ chi phí quản lý dự án (Mẫu số 09/QLDA), Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT).

7. Hồ sơ thu hồi vốn ứng trước:

- Kế hoạch đầu tư công hằng năm được cấp có thẩm quyền giao để thu hồi vốn ứng trước.

- Giấy đề nghị thu hồi vốn ứng trước do chủ đầu tư lập (Mẫu 04.c/TT).

8. Trường hợp hồ sơ thanh toán của nhiệm vụ, dự án do chủ đầu tư gửi chưa đảm bảo đúng chế độ hoặc thiếu hồ sơ theo quy định tại Nghị định này, cơ quan thanh toán từ chối thanh toán và chậm nhất trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thanh toán phải có văn bản thông báo cụ thể lý do từ chối thanh toán gửi một lần cho chủ đầu tư để hoàn thiện, bổ sung theo quy định của Nghị định này.

Điều 9. Tạm ứng vốn

1. Nguyên tắc tạm ứng vốn:

a) Đối với công việc thực hiện thông qua hợp đồng xây dựng hoặc thực hiện thông qua hợp đồng của dự án không có cấu phần xây dựng, hợp đồng khác:

Việc tạm ứng vốn được thực hiện căn cứ đề nghị của chủ đầu tư và Bảng thông tin hợp đồng do chủ đầu tư lập và chịu trách nhiệm. Chủ đầu tư đề nghị tạm ứng đảm bảo các nguyên tắc như sau:

- Việc tạm ứng vốn được thực hiện sau khi hợp đồng có hiệu lực và chủ đầu tư đã nhận được bảo lãnh tạm ứng hợp đồng của nhà thầu (đối với trường hợp phải có bảo lãnh tạm ứng) với giá trị tương đương của khoản tiền tạm

ứng. Riêng đối với hợp đồng thi công xây dựng, trường hợp có giải phóng mặt bằng thì phải có kế hoạch giải phóng mặt bằng hoặc biên bản bàn giao mặt bằng (toàn bộ hoặc một phần) của tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng giao cho chủ đầu tư theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

- Mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng lần đầu và các nội dung khác đảm bảo việc thu hồi hết tạm ứng theo quy định tại khoản 5 Điều này do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu theo đúng quy định phải được ghi cụ thể trong hợp đồng và phải phù hợp với tiến độ đầu tư dự án, tiến độ thực hiện hợp đồng và dự kiến khối lượng thực hiện theo từng năm.

- Căn cứ vào nhu cầu tạm ứng vốn, chủ đầu tư có thể tạm ứng vốn một lần hoặc nhiều lần cho một hợp đồng đảm bảo tổng mức vốn tạm ứng không vượt mức vốn tạm ứng theo quy định của hợp đồng và không vượt mức vốn tạm ứng tối đa quy định tại khoản 3 Điều này.

- Trường hợp hợp đồng quy định tạm ứng, nhưng chủ đầu tư không thực hiện tạm ứng mà đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành thì chủ đầu tư không phải tạm ứng mà được thanh toán khối lượng hoàn thành.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm cùng với nhà thầu tính toán mức vốn tạm ứng hợp lý và tuân thủ theo đúng quy định tại khoản 3 Điều này, quản lý việc sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả và có trách nhiệm thu hồi đủ số vốn đã tạm ứng.

b) Đối với công việc thực hiện không thông qua hợp đồng:

Việc tạm ứng vốn được thực hiện căn cứ đề nghị của chủ đầu tư và Bảng thông tin dự toán do chủ đầu tư lập và chịu trách nhiệm. Chủ đầu tư đề nghị tạm ứng căn cứ các nguyên tắc như sau:

- Việc tạm ứng vốn được thực hiện sau khi dự toán chi phí thực hiện công việc hoặc phương án giải phóng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt và trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư.

Căn cứ vào nhu cầu tạm ứng vốn, chủ đầu tư có thể tạm ứng vốn một lần hoặc nhiều lần đảm bảo tổng mức vốn tạm ứng không vượt mức vốn tạm ứng tối đa quy định tại khoản 3 Điều này.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm cùng với nhà thầu tính toán mức tạm ứng hợp lý và tuân thủ theo đúng quy định tại khoản 3 Điều này. Chủ đầu tư quản lý việc sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả và có trách nhiệm thu hồi đủ số vốn đã tạm ứng theo quy định.

2. Bảo lãnh tạm ứng:

a) Đối với các hợp đồng có giá trị tạm ứng hợp đồng lớn hơn 01 tỷ đồng yêu cầu phải có bảo lãnh tạm ứng:

Chủ đầu tư gửi đến cơ quan thanh toán bảo lãnh tạm ứng hợp đồng của nhà thầu hoặc nhà cung cấp với giá trị của từng loại tiền tương đương khoản tiền tạm ứng trước khi cơ quan thanh toán thực hiện việc chuyển tiền tạm ứng hợp đồng cho chủ đầu tư để thực hiện tạm ứng vốn cho nhà thầu hoặc nhà cung cấp.

Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được giảm trừ tương ứng với giá trị tiền tạm ứng đã thu hồi qua mỗi lần thanh toán giữa bên giao thầu và bên nhận thầu. Chủ đầu tư đảm bảo và chịu trách nhiệm về giá trị của bảo lãnh tạm ứng phải tương ứng với số dư tiền tạm ứng còn lại.

Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi chủ đầu tư đã thu hồi hết số tiền tạm ứng và phải được quy định cụ thể trong hợp đồng và trong văn bản bảo lãnh tạm ứng. Trường hợp bảo lãnh tạm ứng hết thời hạn, chủ đầu tư có trách nhiệm yêu cầu, đôn đốc nhà thầu làm thủ tục gia hạn bảo lãnh tạm ứng và gửi cơ quan thanh toán để làm căn cứ kiểm soát chi theo quy định. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi về thời gian hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng.

b) Các trường hợp không yêu cầu bảo lãnh tạm ứng:

- Hợp đồng có giá trị tạm ứng hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng 01 tỷ đồng. Riêng hợp đồng đơn giản, quy mô nhỏ, chủ đầu tư xem xét, quyết định việc thực hiện bảo lãnh tạm ứng hợp đồng đảm bảo phù hợp với tính chất công việc của hợp đồng và quy định của pháp luật về đấu thầu và xây dựng.

- Hợp đồng xây dựng theo hình thức tự thực hiện bao gồm cả hình thức do cộng đồng dân cư thực hiện theo các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Hợp đồng thuê tư vấn quản lý dự án.

- Các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng và công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (trừ trường hợp công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phải xây dựng các công trình).

- Các trường hợp tạm ứng chi phí quản lý dự án cho các chủ đầu tư, ban quản lý dự án.

3. Mức vốn tạm ứng:

a) Mức vốn tạm ứng theo kế hoạch, tiến độ thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án, tiến độ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Riêng đối với hợp đồng xây dựng, mức tạm ứng hợp đồng phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

b) Số vốn tạm ứng tối đa theo yêu cầu không vượt số tiền trong Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng (đối với hợp đồng của dự án không có cấu phần xây dựng; hợp đồng thuê đơn vị thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư);

Bảng tổng hợp thông tin dự toán (đối với công việc thực hiện không thông qua hợp đồng).

c) Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: mức vốn tạm ứng tối đa theo yêu cầu không vượt số tiền trong Bảng tổng hợp thông tin phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Trường hợp chủ đầu tư trực tiếp chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì căn cứ vào hồ sơ tài liệu liên quan để chi trả cho người thụ hưởng; trường hợp đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi trả thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư mở tài khoản tiền gửi tại cơ quan thanh toán để tiếp nhận vốn tạm ứng do chủ đầu tư chuyển đến để thực hiện chi trả.

d) Đối với chi phí quản lý dự án: mức vốn tạm ứng không vượt quá dự toán chi phí quản lý dự án và dự toán chi phí quản lý dự án năm kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt (trường hợp chủ đầu tư, ban quản lý dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án hàng năm). Chủ đầu tư có trách nhiệm đảm bảo đủ chi phí quản lý dự án để tổ chức thực hiện quản lý dự án cho đến khi dự án được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định".

4. Vốn tạm ứng cho tất cả các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này không được vượt kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền phân bổ cho chương trình, nhiệm vụ, dự án.

5. Thu hồi vốn tạm ứng:

a) Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng được quy định cụ thể trong hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng (trừ trường hợp được người có thẩm quyền cho tạm ứng ở mức cao hơn). Trường hợp có nhiều nhà thầu chính cùng tham gia liên danh, vốn tạm ứng đảm bảo thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị phần hợp đồng tương ứng đối với từng nhà thầu.

b) Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: sau khi chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư, tổ chức chi trả (trường hợp chi trả qua tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư) tập hợp chứng từ, làm thủ tục thanh toán và thu hồi tạm ứng trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày ~~chi trả cho người thụ hưởng~~ tạm ứng tiền tại cơ quan thanh toán vốn đầu tư, không chờ đến khi hoàn thành toàn bộ phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư mới làm thủ tục thu hồi vốn tạm ứng.

Đối với chi phí đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: chủ đầu tư, đơn vị, tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư lập Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu 03.a/TT) gửi cơ quan thanh toán làm thủ tục thu hồi vốn tạm ứng. Chủ đầu tư, đơn vị, tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chịu trách

nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của giá trị đề nghị thanh toán; trường hợp tổng số đã thanh toán lớn hơn số quyết toán chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có), chủ đầu tư, đơn vị, tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư có trách nhiệm nộp lại NSNN phần chênh lệch.

c) Đối với chi phí quản lý dự án: chủ đầu tư, ban quản lý dự án lập Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT), Bảng phân bổ chi phí quản lý dự án (Mẫu số 09/QLDA) (trường hợp chủ đầu tư, ban quản lý dự án trực tiếp quản lý nhiều dự án) gửi cơ quan thanh toán làm thủ tục thu hồi vốn tạm ứng. Chủ đầu tư, ban quản lý dự án không phải gửi chứng từ chi, hóa đơn mua sắm đến cơ quan thanh toán và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của giá trị khối lượng hoàn thành và giá trị đề nghị thanh toán theo dự toán được duyệt.

Bảng phân bổ chi phí quản lý dự án (trong trường hợp chủ đầu tư, ban quản lý dự án trực tiếp quản lý nhiều dự án) được chủ đầu tư, ban quản lý dự án lập định kỳ hàng quý hoặc 06 tháng và hết năm kế hoạch.

d) Đối với hợp đồng mua sắm máy móc, thiết bị: căn cứ vào Bảng thông tin về hợp đồng do chủ đầu tư lập và chịu trách nhiệm, đảm bảo thu hồi hết vốn tạm ứng khi khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng.

6. Kiểm tra, đánh giá thực hiện và thu hồi vốn tạm ứng:

a) Cơ quan thanh toán đôn đốc chủ đầu tư, đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện đúng quy định về việc thu hồi vốn tạm ứng; phối hợp với chủ đầu tư, đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện theo dõi số vốn đã tạm ứng để đôn đốc chủ đầu tư, đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nhằm thu hồi hết số vốn đã tạm ứng theo quy định tại khoản 5 và điểm d khoản 6 Điều này và những khoản tồn đọng chưa sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích.

b) Trước ngày 03 tháng đầu tiên của quý tiếp theo, đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư lập báo cáo tổng hợp tình hình tạm ứng và thu hồi tạm ứng của từng dự án (Mẫu 08.a/SDTU) gửi cơ quan thanh toán nơi giao dịch, chủ đầu tư dự án và cơ quan cấp trên của chủ đầu tư đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư, các lý do, các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thu hồi số dư tạm ứng quá hạn (nếu có) và đề xuất biện pháp xử lý.

Trước ngày 05 tháng đầu tiên của quý tiếp theo, chủ đầu tư lập báo cáo đánh giá tình hình tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn đầu tư của từng nhiệm vụ, dự án (Mẫu 08.a/SDTU) gửi cơ quan thanh toán nơi giao dịch, cơ quan tài chính đồng cấp với cơ quan thanh toán nơi giao dịch và cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, nêu rõ số dư tạm ứng quá hạn chưa được thu hồi đến thời điểm

báo cáo, các lý do, các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thu hồi số dư tạm ứng quá hạn (nếu có) và đề xuất biện pháp xử lý.

Trên cơ sở báo cáo đánh giá tình hình thực hiện và thu hồi tạm ứng vốn đầu tư của chủ đầu tư, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc chủ đầu tư có biện pháp đảm bảo thu hồi tạm ứng, trong đó thu hồi hết số tạm ứng quá hạn.

c) Định kỳ 06 tháng và hàng năm, trước ngày 10 tháng 7 năm kế hoạch và trước ngày 28 tháng 02 năm sau năm kế hoạch, trên cơ sở báo cáo đánh giá tình hình thực hiện và thu hồi tạm ứng vốn đầu tư của chủ đầu tư, cơ quan thanh toán lập báo cáo đánh giá tình hình tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương gửi cơ quan tài chính đồng cấp và cơ quan thanh toán cấp trên theo Mẫu số 08.b/SDTƯ ban hành kèm theo Nghị định này.

Riêng đối với báo cáo đánh giá tình hình thực hiện và thu hồi tạm ứng vốn đầu tư gửi Bộ Tài chính: Trên cơ sở báo cáo đánh giá tình hình tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn của cơ quan thanh toán, Cơ quan thanh toán cấp trên thực hiện tổng hợp báo cáo đánh giá tình hình tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn của các bộ, cơ quan trung ương trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ thời hạn gửi báo cáo của cơ quan thanh toán.

d) Thời hạn thu hồi vốn tạm ứng:

- Đối với các công việc của dự án thực hiện theo hợp đồng (bao gồm cả hợp đồng xây dựng và hợp đồng của dự án không có cấu phần xây dựng): vốn tạm ứng quá hạn thu hồi sau 03 tháng kể từ thời điểm phải thu hồi hết số vốn tạm ứng theo quy định tại hợp đồng mà nhà thầu chưa thực hiện hoặc khi phát hiện nhà thầu sử dụng sai mục đích, chủ đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan thanh toán để thu hồi hoàn trả vốn đã tạm ứng cho ngân sách nhà nước. Trường hợp chủ đầu tư chưa thu hồi, cơ quan thanh toán có văn bản đề nghị chủ đầu tư thu hồi của nhà thầu hoặc đề nghị chủ đầu tư yêu cầu tổ chức tín dụng phát hành bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng theo nghĩa vụ bảo lãnh khi nhà thầu vi phạm cam kết với chủ đầu tư về việc sử dụng vốn tạm ứng.

- Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ hoặc trường hợp đang có tranh chấp, đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chuyển toàn bộ số tiền tạm ứng về tài khoản tiền gửi của tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư mở tại ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối theo lãi suất không kỳ hạn, đồng thời báo cáo chủ đầu tư về số tiền gửi tại Ngân hàng thương mại nêu trên cụ thể theo từng quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của từng dự án, số tiền tương ứng

với tên chủ sở hữu không nhận tiền hoặc đang có tranh chấp. Chủ đầu tư, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác định số tiền được phép gửi tại ngân hàng thương mại trong trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ hoặc trường hợp đang có tranh chấp.

Đối với số tạm ứng (không thuộc trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ hoặc trường hợp đang có tranh chấp), vốn tạm ứng quá hạn thu hồi sau 03 tháng kể từ thời điểm tạm ứng vốn chưa thực hiện chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan thanh toán yêu cầu tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chuyển toàn bộ số dư tạm ứng về tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư tại cơ quan thanh toán để thuận tiện cho việc thanh toán và thu hồi vốn tạm ứng. Sau thời hạn trên, trường hợp tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chưa chuyển toàn bộ số tiền dư tạm ứng quá hạn về tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư tại cơ quan thanh toán thì trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư, cơ quan thanh toán được phép trích từ tài khoản tiền gửi của tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư mở tại cơ quan thanh toán vào tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư tại cơ quan thanh toán và thông báo cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Sau thời hạn 01 năm kể từ ngày chuyển tiền về tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư tại cơ quan thanh toán mà chưa thực hiện chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn trả vốn đã tạm ứng cho ngân sách nhà nước. Trường hợp chủ đầu tư không làm thủ tục nộp lại ngân sách nhà nước, thì cơ quan thanh toán được phép trích từ tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư để nộp ngân sách nhà nước, giảm số vốn đã tạm ứng cho dự án và thông báo cho chủ đầu tư.

- Đối với các công việc khác thực hiện không thông qua hợp đồng, vốn tạm ứng chưa thu hồi nếu quá thời hạn 06 tháng kể từ thời điểm tạm ứng mà chủ đầu tư chưa thu hồi vốn tạm ứng, cơ quan thanh toán có văn bản đề nghị chủ đầu tư hoàn trả số vốn đã tạm ứng, trừ trường hợp có văn bản của cấp có thẩm quyền (người phê duyệt dự toán) cho phép kéo dài thời hạn thu hồi vốn tạm ứng để hoàn thành các khối lượng do các nguyên nhân khách quan hoặc trường hợp tạm ứng chi phí quản lý dự án cho các ban quản lý dự án chuyên ngành, khu vực. Sau thời hạn 03 tháng kể từ thời điểm phải hoàn trả số vốn đã tạm ứng mà chủ đầu tư chưa thực hiện hoàn trả thì cơ quan thanh toán được phép trích từ tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư để thu về ngân sách nhà nước, giảm số vốn đã tạm ứng cho dự án và thông báo cho chủ đầu tư.

Điều 10. Thanh toán khối lượng hoàn thành

1. Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng (bao gồm cả hợp đồng xây dựng và hợp đồng của dự án không có cấu phần xây dựng):

a) Việc thanh toán được thực hiện căn cứ đề nghị của chủ đầu tư và Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng do chủ đầu tư lập và chịu trách nhiệm. Chủ đầu tư đề nghị thanh toán căn cứ các nguyên tắc như sau:

- Việc thanh toán căn cứ vào hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng. ~~Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán phải được quy định cụ thể trong hợp đồng.~~ Chủ đầu tư có trách nhiệm tuân thủ các điều kiện áp dụng các loại giá hợp đồng theo quy định hiện hành. Việc điều chỉnh hợp đồng thực hiện theo các quy định hiện hành về hợp đồng.

b) Trường hợp cần tạm giữ chưa thanh toán cho nhà thầu một khoản tiền nhất định hoặc một tỷ lệ nhất định so với khối lượng hoàn thành để phục vụ công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, chủ đầu tư thỏa thuận với nhà thầu và quy định cụ thể trong hợp đồng. Khoản tạm giữ nêu trên được chuyển vào tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư mở tại Kho bạc Nhà nước để quản lý, thanh toán theo quy định.

c) Chủ đầu tư ủy thác quyền quản lý dự án với ban quản lý dự án chuyên ngành, ban quản lý dự án khu vực theo quy định của pháp luật về xây dựng, việc thanh toán được thực hiện căn cứ đề nghị của chủ đầu tư và Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng do chủ đầu tư lập và chịu trách nhiệm. Phạm vi ủy quyền quản lý phải được chủ đầu tư và bên được ủy quyền xác định trong văn bản ủy quyền ~~hợp đồng~~.

Trường hợp chủ đầu tư ủy quyền toàn bộ cho ban quản lý dự án chuyên ngành, ban quản lý dự án khu vực thực hiện quản lý dự án (bao gồm cả việc rút dự toán và giao dịch với cơ quan thanh toán) thì ngoài nội dung công việc ủy quyền, chủ đầu tư phải ủy quyền chủ tài khoản cho bên nhận ủy quyền và được xác định cụ thể trong hợp đồng.

2. Đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng, việc thanh toán trên căn cứ bảng xác định giá trị công việc hoàn thành. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của giá trị đề nghị thanh toán theo Bảng thông tin dự toán chi phí thực hiện công việc phù hợp với tính chất từng loại công việc.

3. Đối với nhiệm vụ, dự án hoàn thành được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán nhưng chưa được thanh toán đủ vốn theo giá trị phê duyệt quyết toán, cơ quan thanh toán căn cứ vào quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt và vốn kế hoạch được giao trong năm của chương trình, nhiệm vụ, dự án để thanh toán cho chương trình, nhiệm vụ, dự án.

Điều 11. Quản lý, thanh toán, thu hồi vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau

1. Việc ứng trước vốn từ dự toán ngân sách nhà nước năm sau được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và quy định của Chính phủ về việc ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau.

2. Cơ quan chủ quản phân bổ vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau đúng danh mục và mức vốn đã được cấp có thẩm quyền giao. Việc kiểm tra phân bổ và thanh toán vốn ứng trước từ dự toán ngân sách năm sau được thực hiện như đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch trong năm ngân sách.

3. Các bộ, cơ quan trung ương, cơ quan tài chính các cấp, cơ quan thanh toán (Kho bạc Nhà nước) có trách nhiệm nhập và phê duyệt vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau trên Tabmis theo phân cấp và quy định hiện hành.

4. Thời hạn sử dụng vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau thực hiện như quy định về thời hạn thanh toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước trong năm ngân sách được cấp có thẩm quyền cho phép ứng trước dự toán năm sau. Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định về thời hạn sử dụng đối với vốn ứng trước thuộc nguồn ngân sách trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định về thời hạn sử dụng đối với vốn ứng trước thuộc nguồn ngân sách địa phương của cấp mình quản lý nhưng không quá 31 tháng 12 năm sau.

Số vốn ứng trước chưa sử dụng, khi hết thời hạn thực hiện và giải ngân được xử lý như vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước trong năm ngân sách.

5. Thu hồi vốn ứng trước: các cơ quan chủ quản có trách nhiệm bố trí vốn cho dự án trong dự toán ngân sách nhà nước năm sau để hoàn trả vốn ứng trước. Cơ quan chủ quản, cơ quan thanh toán thực hiện thủ tục thu hồi vốn ứng trước từ số vốn kế hoạch được cấp có thẩm quyền bố trí để thu hồi trong năm ngân sách.

a) Đối với vốn ứng trước thuộc nguồn ngân sách trung ương: trường hợp bộ, cơ quan trung ương không bố trí hoặc bố trí không đủ số vốn kế hoạch tối thiểu để thu hồi vốn ứng trước theo quyết định giao kế hoạch hàng năm của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính có văn bản thông báo cho cơ quan đó biết để bố trí đủ vốn kế hoạch thu hồi số vốn đã ứng trước theo quy định. Trường hợp sau 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Tài chính mà các bộ, cơ quan trung ương không thực hiện bố trí đủ số vốn kế hoạch để thu hồi theo quyết định giao kế hoạch hàng năm của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời có văn bản yêu cầu cơ quan thanh toán tạm dừng thanh toán đối với dự án chưa đảm bảo việc thu hồi vốn ứng trước, chờ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

b) Đối với vốn ứng trước từ ngân sách địa phương hoặc bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới: trường hợp đơn vị dự toán cấp I ở địa phương không bố trí hoặc bố trí không đủ số vốn kế hoạch để thu hồi theo quy định, Sở Tài chính, cơ quan tài chính cấp xã có văn bản thông báo cho đơn vị đó biết để bố trí thu hồi số vốn đã ứng trước theo quy định. Trường hợp sau 10 ngày làm việc kể từ ngày các đơn vị nhận được văn bản của cơ quan tài chính nhưng các đơn vị không thực hiện bố trí thu hồi kế hoạch vốn theo quyết định giao thì Sở Tài chính, cơ quan tài chính cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp, đồng thời có văn bản đề nghị cơ quan thanh toán tạm dừng thanh toán đối với dự án chưa đảm bảo việc thu hồi vốn ứng trước, chờ ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Điều 12. Quy định về thời hạn tạm ứng, thanh toán vốn hàng năm và thời hạn thanh toán vốn của cơ quan kiểm soát, thanh toán

1. Về thời hạn tạm ứng vốn:

Vốn kế hoạch hàng năm của chương trình, nhiệm vụ, dự án được tạm ứng đến hết ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch (trừ trường hợp tạm ứng để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau năm kế hoạch).

2. Về thời hạn thanh toán khối lượng hoàn thành:

Vốn kế hoạch hàng năm của chương trình, nhiệm vụ, dự án được thanh toán cho khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu đến hết ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch, thời hạn thanh toán khối lượng hoàn thành đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau năm kế hoạch (trong đó có thanh toán để thu hồi vốn tạm ứng).

3. Trường hợp kéo dài thời gian giải ngân vốn theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn luật hiện hành của Chính phủ, thời hạn giải ngân theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

4. Thời gian thanh toán vốn: ~~tối đa~~ trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư theo quy định tại Nghị định này.

Đối với các khoản tạm ứng vốn hoặc thực hiện thanh toán theo hình thức “thanh toán trước, kiểm soát sau”, thời hạn thanh toán trong 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Nghị định này.

Điều 13. Quy định riêng đối với quản lý, thanh toán vốn cho dự án sử dụng vốn nước ngoài

1. Hồ sơ thanh toán vốn của dự án:

a) Hồ sơ pháp lý của dự án (gửi lần đầu khi giao dịch với cơ quan thanh toán hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung): thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này; bản dịch bằng tiếng Việt thỏa thuận về ODA, vốn vay ưu đãi được ký giữa Chính phủ Việt Nam và nhà tài trợ (có chữ ký và

dầu của chủ dự án); các thỏa thuận, thư hoặc văn bản “ý kiến không phản đối” của nhà tài trợ (nếu có).

b) Hồ sơ tạm ứng, thanh toán: theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

Trường hợp hợp đồng quy định sử dụng chứng chỉ thanh toán tạm thời thay thế bảng xác định giá trị công việc hoàn thành, đơn vị gửi chứng chỉ thanh toán tạm thời ký giữa chủ đầu tư (~~chủ dự án~~) và nhà thầu.

Trường hợp xác nhận tại Kho bạc Nhà nước, thanh toán tại ngân hàng phục vụ, ngoài các hồ sơ nêu trên, chủ đầu tư (~~chủ dự án~~) không phải gửi giấy rút vốn.

2. Chủ đầu tư (~~chủ chương trình, chủ dự án~~) có trách nhiệm lập sao kê chi tiêu, đảm bảo việc giải ngân vốn nước ngoài đúng quy định trên nguyên tắc mỗi xác nhận thanh toán vốn chỉ được sử dụng cho một lần giải ngân.

3. Đối với phương thức rút vốn về tài khoản đặc biệt, chủ đầu tư (~~chủ dự án~~) có trách nhiệm báo cáo chi tiêu và gửi đơn hoàn chứng từ hàng tháng. Thời hạn hoàn chứng từ cho Bộ Tài chính đối với các khoản chi tiêu từ tài khoản đặc biệt không vượt quá 06 tháng. Trường hợp sau 06 tháng chủ đầu tư (~~chủ dự án~~) không thực hiện hoàn chứng từ, các khoản giải ngân tiếp theo áp dụng hình thức thanh toán trực tiếp.

Mục 2

QUẢN LÝ, THANH TOÁN VỐN CHO DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG ĐẶC THÙ SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 14. Đối với dự án đầu tư công bí mật nhà nước

1. Dự án đầu tư công bí mật nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước và pháp luật về xây dựng (không bao gồm dự án đầu tư công bí mật nhà nước của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an).

2. Việc phân bổ, kiểm tra phân bổ vốn cho dự án đầu tư công bí mật nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.

3. Hồ sơ pháp lý, hồ sơ tạm ứng, hồ sơ thanh toán, hồ sơ thu hồi vốn ứng trước của dự án đầu tư công bí mật nhà nước:

a) Kế hoạch đầu tư công hàng năm của cấp có thẩm quyền giao;

b) Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT);

c) Giấy rút vốn (Mẫu số 05.a/TT), áp dụng đối với hồ sơ tạm ứng và hồ sơ thanh toán;

d) Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi vốn tạm ứng, Mẫu số 04.b/TT).

đ) Giấy đề nghị thu hồi vốn ứng trước (Mẫu 04.c/TT).

4. Cơ quan thanh toán chỉ kiểm soát về tính phù hợp, đầy đủ của hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này để làm thủ tục thanh toán cho đối tượng thụ hưởng mà không kiểm soát về các nội dung khác trong hồ sơ của chủ đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của chủ đầu tư. Cơ quan chủ quản và chủ đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc kiểm soát hồ sơ và nội dung thanh toán vốn cho dự án.

5. Việc quản lý, thanh toán, thu hồi vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau, việc thực hiện chế độ báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch, tình hình tiếp nhận và sử dụng vốn, xác nhận số vốn đã thanh toán trong năm, lũy kế số vốn thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách nhà nước cho từng dự án, chấp hành các chế độ chính sách về tài chính thực hiện như đối với dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách nhà nước quy định tại Mục 1 Nghị định này.

Điều 15. Đối với dự án đầu tư công bí mật nhà nước của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an

1. Phân bổ vốn:

a) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công hàng năm cho các dự án đầu tư công bí mật nhà nước gửi Bộ Tài chính để kiểm tra phân bổ, đồng gửi cơ quan được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền làm nhiệm vụ thanh toán (cơ quan thanh toán) để làm căn cứ giải ngân vốn.

b) Nội dung phân bổ, kiểm tra phân bổ và tài liệu kèm theo việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định này.

2. Thanh toán vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước:

a) Căn cứ tiến độ thực hiện dự án do chủ đầu tư báo cáo, cơ quan thanh toán gửi công văn đề nghị Bộ Tài chính thanh toán vốn (Mẫu số 10/CT).

b) Bộ Tài chính kiểm tra tính hợp lệ về đề nghị thanh toán vốn tại điểm a khoản này, trường hợp đảm bảo điều kiện thanh toán vốn, Bộ Tài chính lập lệnh chi tiền cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an gửi Kho bạc Nhà nước.

c) Căn cứ lệnh chi tiền của Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước thực hiện xuất quỹ ngân sách, chuyển tiền vào tài khoản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mở tại Kho bạc Nhà nước. Trường hợp lệnh chi tiền không hợp lệ, hợp pháp, chậm nhất trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được lệnh chi tiền, Kho bạc Nhà nước phải thông báo cho Bộ Tài chính để xử lý.

d) Đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau năm kế hoạch, số dư trên tài khoản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phải nộp trả ngân sách nhà nước (trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện). Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chịu trách nhiệm giải trình về việc quản lý, sử dụng vốn ngân sách nhà nước cho dự án đầu tư công bí mật nhà nước của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

3. Tạm ứng, thanh toán, thu hồi vốn ứng trước trong năm kế hoạch của chủ đầu tư:

a) Chủ đầu tư căn cứ vào tiến độ thực hiện dự án, lập hồ sơ tạm ứng vốn, hồ sơ thanh toán gửi cơ quan thanh toán để tiến hành thanh toán vốn theo quy định tại Nghị định này.

b) Cơ quan thanh toán tiến hành thanh toán vốn cho từng dự án theo hồ sơ đề nghị của chủ đầu tư.

c) Hồ sơ pháp lý, hồ sơ tạm ứng vốn, hồ sơ thanh toán, hồ sơ thu hồi vốn ứng trước; các quy định về tạm ứng vốn và thu hồi vốn tạm ứng; các quy định về thanh toán khối lượng hoàn thành; thời hạn tạm ứng, thanh toán vốn hàng năm và thời hạn thanh toán vốn của cơ quan thanh toán được thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 12 Nghị định này.

4. Quản lý, thanh toán, thu hồi vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau:

a) Khi được cấp có thẩm quyền cho phép ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền cho phép ứng trước đúng danh mục và mức vốn được ứng trước.

b) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an gửi phân bổ vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau đến Bộ Tài chính và cơ quan kiểm soát thanh toán để tiến hành thanh toán.

c) Việc quản lý, thu hồi vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau thực hiện như đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước quy định tại Điều 12 Nghị định này. Việc kiểm tra phân bổ, chuyển tiền theo lệnh chi tiền, tạm ứng, thu hồi vốn tạm ứng và thanh toán vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 16. Dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình tạm

1. Dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình tạm theo quy định của pháp luật về đầu tư công và xây dựng.

2. Tạm ứng vốn:

a) Nguyên tắc tạm ứng, bảo lãnh tạm ứng, mức vốn tạm ứng, thu hồi vốn tạm ứng thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

b) Hồ sơ pháp lý, hồ sơ tạm ứng vốn đối với dự án đầu tư công khẩn cấp:

- Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao;

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật (đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật) của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có); hoặc Lệnh hoặc văn bản cho phép xây dựng công trình khẩn cấp của cấp có thẩm quyền;

- Bảng tổng hợp thông tin Hợp đồng (nếu có) (Mẫu 02a/TT) hoặc Bảng

tổng hợp thông tin Dự toán (nếu có) (Mẫu 02b/TT). Trường hợp cần tạm ứng khi chưa có hợp đồng, dự toán thì phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép;

- Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT);
- Giấy rút vốn (Mẫu số 05.a/TT);
- Văn bản bảo lãnh tạm ứng (đối với trường hợp yêu cầu phải có bảo lãnh tạm ứng vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định này).

c) Hồ sơ tạm ứng vốn đối với công trình tạm: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

3. Thanh toán khối lượng hoàn thành:

Thanh toán khối lượng hoàn thành thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định này. Hồ sơ thanh toán gồm: các hồ sơ theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 8 Nghị định này (trừ thành phần hồ sơ đã gửi khi làm thủ tục tạm ứng vốn).

4. Việc quản lý, tạm ứng, thanh toán, thu hồi vốn ứng trước từ dự toán ngân sách nhà nước năm sau thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định này. Riêng hồ sơ tạm ứng vốn đối với dự án đầu tư công khẩn cấp thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Mục 3

QUẢN LÝ, THANH TOÁN VỐN CHO DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TẠI NƯỚC NGOÀI SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 17. Kiểm tra phân bổ vốn hàng năm

1. Nội dung phân bổ và việc kiểm tra phân bổ vốn cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư công tại nước ngoài sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 7 Nghị định này và theo Mẫu số 01a.nn/PB (đối với phân bổ vốn), Mẫu số 01b.nn/PB (đối với điều chỉnh phân bổ vốn).

2. Cơ quan thanh toán vốn cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư công tại nước ngoài là Kho bạc Nhà nước.

3. Cơ quan chủ quản, cơ quan tài chính các cấp, cơ quan thanh toán có trách nhiệm nhập và phê duyệt vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hàng năm trên Tabmis theo quy định hiện hành.

Điều 18. Hồ sơ pháp lý của nhiệm vụ, dự án

Cơ quan chủ quản gửi lần đầu khi giao dịch với cơ quan thanh toán nơi giao dịch hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung. Cụ thể:

1. Đối với nhiệm vụ, ~~chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ chuẩn bị giải phóng mặt bằng, thực hiện~~ dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

2. Đối với dự án mua nhà, đất để làm trụ sở và nhà ở, hồ sơ bao gồm:

- a) Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.
- b) Quyết định phê duyệt đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có).
- c) Bản thoả thuận nguyên tắc về việc mua bán nhà, đất làm căn cứ thanh toán tiền đặt cọc (nếu có).
- d) Giấy bảo lãnh tiền đặt cọc (trường hợp trong hợp đồng có quy định phải đặt cọc).
- e) Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng mua bán nhà, đất (chủ đầu tư lập theo hợp đồng, bản thoả thuận đã ký và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin tại Bảng) (có chữ ký xác nhận của chủ đầu tư ~~và nhà thầu~~) (Mẫu số 02a/TT).

3. Đối với dự án gồm cả mua nhà, đất và xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng: hồ sơ bao gồm các tài liệu quy định tại điểm 1, điểm 2 Điều này.

4. Đối với dự án đầu tư thuê nhà, đất dài hạn (trên 30 năm) để thực hiện đầu tư xây dựng, hồ sơ bao gồm:

- a) Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao
- b) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật) của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);
- c) Văn bản thoả thuận nguyên tắc về việc thuê nhà, đất làm căn cứ thanh toán tiền đặt cọc (nếu có);
- d) Giấy bảo lãnh tiền đặt cọc (trường hợp trong hợp đồng có quy định phải đặt cọc);
- e) Văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện (đối với trường hợp tự thực hiện và chưa có trong quyết định hoặc văn bản giao nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền, trừ trường hợp chủ đầu tư được phép tự thực hiện theo quy định pháp luật); văn bản giao khoán nội bộ (đối với trường hợp giao khoán nội bộ);
- g) Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng đối với trường hợp thực hiện theo hợp đồng (Chủ đầu tư lập theo hợp đồng đã ký và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin tại Bảng) (có chữ ký xác nhận của chủ đầu tư ~~và nhà thầu~~) (Mẫu số 02.a/TT);
- h) Bảng tổng hợp thông tin dự toán chi phí đối với trường hợp không thực hiện theo hợp đồng (chủ đầu tư lập theo dự toán chi phí đã được duyệt và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin tại Bảng) (Mẫu số 02.b/TT);

Điều 19. Tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng

1. Việc tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư công tại nước ngoài sử dụng vốn ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

a) Trường hợp hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật nước sở tại và có các quy định khác với quy định của pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tạm ứng, thu hồi vốn tạm ứng, bảo lãnh tạm ứng hợp đồng thì thực hiện theo hợp đồng đã ký.

b) Đối với từng trường hợp cụ thể có tính chất đặc thù cần tạm ứng ở mức cao hơn mức quy định, cơ quan thanh toán thực hiện tạm ứng theo đề nghị của cơ quan chủ quản nhưng không vượt vốn kế hoạch được giao trong năm của dự án.

c) Đối với từng trường hợp cụ thể có tính chất đặc thù cần tạm ứng khi chưa có đủ chứng từ tạm ứng theo quy định tại Nghị định này (theo quy định của nước sở tại), cơ quan chủ quản có văn bản gửi Bộ Tài chính để xem xét, xử lý cụ thể.

2. Hồ sơ tạm ứng:

a) Văn bản đề nghị tạm ứng vốn cho từng nội dung công việc của cơ quan chủ quản (ghi rõ số tiền, tài khoản, đơn vị thụ hưởng);

b) Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.b.nn/TT).

Điều 20. Thanh toán khối lượng hoàn thành

1. Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng, việc thanh toán được thực hiện căn cứ đề nghị của Chủ đầu tư và Bảng thông tin hợp đồng do Chủ đầu tư lập và chịu trách nhiệm (Mẫu số 02.a/TT). Chủ đầu tư đề nghị thanh toán căn cứ các nguyên tắc như sau:

Việc thanh toán hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán phải được quy định rõ trong hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm tuân thủ các điều kiện áp dụng các loại giá hợp đồng theo quy định hiện hành.

Trường hợp hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật nước sở tại và có các quy định khác với quy định của pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc thanh toán được thực hiện theo hợp đồng đã ký.

2. Đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng, việc thanh toán trên căn cứ bảng xác định giá trị công việc hoàn thành. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của giá trị đề nghị thanh toán theo bảng tổng hợp thông tin dự toán chi phí thực hiện công việc phù hợp với tính chất từng loại công việc.

3. Khi có nhu cầu thanh toán vốn, chủ đầu tư gửi cơ quan chủ quản các tài liệu sau (theo từng lần thanh toán):

a) Đối với chương trình, nhiệm vụ, dự án xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, mua sắm: Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT hoặc theo mẫu xác định khối lượng được thống nhất tại hợp đồng đối với trường hợp hợp đồng tại nước ngoài), Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a.nn/TT), Giấy đề nghị thu hồi vốn (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng, Mẫu số 04.b/TT).

b) Đối với dự án mua nhà, đất hoặc thuê nhà, đất dài hạn (trên 30 năm): việc thanh toán (bao gồm cả thanh toán tiền đặt cọc, nếu có) được thực hiện theo hợp đồng mua bán, thuê nhà, đất, chủ đầu tư gửi cơ quan chủ quản giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a.nn/TT).

c) Đối với dự án hỗn hợp gồm cả mua nhà, đất và xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng: các tài liệu được quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều này.

4. Hồ sơ thanh toán:

Trên cơ sở các tài liệu được chủ đầu tư gửi tại khoản 3 Điều này, cơ quan chủ quản lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi cơ quan thanh toán gồm:

a) Giấy đề nghị thanh toán vốn (ghi rõ số tiền, tài khoản, đơn vị thụ hưởng) của cơ quan chủ quản cho từng nội dung công việc (Mẫu số 04.b.nn/TT), Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng, Mẫu số 04.b/TT).

b) Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT hoặc theo mẫu xác định khối lượng được thống nhất tại hợp đồng đối với trường hợp hợp đồng tại nước ngoài) đối với dự án xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng,

c) Giấy rút vốn (Mẫu số 05.a/TT) trong trường hợp cơ quan chủ quản cần thanh toán bằng Đồng Việt Nam.

d) Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ (Mẫu số 07/TT) trong trường hợp cơ quan chủ quản cần thanh toán bằng ngoại tệ.

đ) Chứng từ chuyển tiền khác (nếu có).

5. Thanh toán tại cơ quan thanh toán:

~~Tối đa~~ Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán của cơ quan chủ quản theo quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Nghị định này, căn cứ vốn kế hoạch đã được giao hàng năm của dự án, cơ quan thanh toán thực hiện thanh toán vốn cho nhiệm vụ, dự án. Tổng số vốn tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm không vượt vốn kế hoạch được bố trí trong năm cho nhiệm vụ, dự án. Đối với các khoản tạm ứng vốn hoặc thực hiện thanh toán theo hình thức “thanh toán trước, kiểm soát sau” thì thời hạn thanh toán trong 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Nghị định này.

6. Thanh toán bằng ngoại tệ:

Trường hợp chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu hoặc người bán, cho thuê nhà, đất bằng ngoại tệ thực hiện như sau:

a) Thanh toán ngoại tệ từ quỹ ngoại tệ tập trung của Nhà nước:

- Trên cơ sở kế hoạch vốn và nhu cầu chi ngoại tệ trong năm của dự án, cơ quan chủ quản lập bảng tổng hợp phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trong năm bằng Đồng Việt Nam có quy đổi ra Đô-la Mỹ theo tỷ giá do Bộ Tài chính quy định tại thời điểm giao kế hoạch được cơ quan chủ quản lập trên cơ sở nhu cầu chi ngoại tệ trong năm của các dự án thuộc phạm vi quản lý và không được vượt vốn kế hoạch được giao trong năm gửi Bộ Tài chính và cơ quan thanh toán (Mẫu số 01.nn/PB).

- Trường hợp cần thanh toán bằng ngoại tệ, cơ quan chủ quản lập Giấy rút dự toán ngân sách bằng ngoại tệ (Mẫu số 07/TT) gửi cơ quan thanh toán.

- Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài được sử dụng quỹ tạm giữ ngân sách nhà nước tại Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài để thanh toán vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt thông qua thông báo của Bộ Ngoại giao. Khi cần chi ngoại tệ tại quỹ này, lập 02 liên Giấy rút vốn kiêm ghi thu ngân sách nhà nước (Mẫu số 06/TT) gửi cơ quan thanh toán.

b) Thanh toán bằng ngoại tệ không từ quỹ ngoại tệ tập trung của Nhà nước: cơ quan chủ quản (hoặc chủ đầu tư) sử dụng số tiền đã được cơ quan thanh toán tạm ứng, thanh toán để mua ngoại tệ từ ngân hàng để thanh toán cho đơn vị thụ hưởng. Cơ quan thanh toán làm thủ tục tạm ứng, thanh toán, chuyển tiền vào tài khoản của ngân hàng thương mại mà cơ quan chủ quản đã ký hợp đồng với ngân hàng thương mại để mua ngoại tệ.

c) Cơ quan thanh toán cấp ngoại tệ theo đề nghị của cơ quan chủ quản. Cụ thể:

- Trường hợp chi từ quỹ ngoại tệ tập trung của Nhà nước: Cơ quan thanh toán căn cứ vào phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công hàng năm bằng Đồng Việt Nam có quy đổi ra Đô-la Mỹ do cơ quan chủ quản gửi đầu năm và Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ của cơ quan chủ quản theo quy định tại Nghị định này, xuất quỹ ngoại tệ tập trung để thanh toán.

- Trường hợp sử dụng quỹ tạm giữ ngân sách nhà nước tại Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài: Cơ quan thanh toán căn cứ vào phân bổ dự toán ngân sách nhà nước hàng năm bằng Đồng Việt Nam có quy ra Đô-la Mỹ do cơ quan chủ quản gửi đầu năm và các liên chứng từ mà Bộ Ngoại giao đã gửi theo quy định tại Nghị định này, thực hiện kiểm tra các yếu tố, ký trên các liên chứng từ và sử dụng liên số 1 “Giấy rút vốn kiêm ghi thu ngân sách nhà nước” để ghi thu ngân sách “Tiền lệ phí lãnh sự hoặc các khoản thu khác ở nước ngoài” và hạch toán ghi chi cho Bộ Ngoại giao (tương ứng với chương, khoản, mục, tiểu mục của Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước hiện hành), liên còn lại gửi Bộ Ngoại giao để thực hiện

hạch toán và thông báo cho Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài trích quỹ tạm giữ ngân sách nhà nước tại Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài để sử dụng.

Mục 4

QUẢN LÝ, THANH TOÁN VỐN TỪ NGUỒN THU HỢP PHÁP CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP DÀNH ĐỂ ĐẦU TƯ CHO DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 21. Mở tài khoản

1. Đối với nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước dành để đầu tư:

a) Chủ đầu tư mở tài khoản để thanh toán vốn tại Kho bạc Nhà nước nơi thuận tiện cho giao dịch.

b) Việc mở tài khoản để thanh toán vốn theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và của Bộ Tài chính về hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

2. Đối với nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư, nơi mở tài khoản để giải ngân vốn theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện kiểm soát thanh toán vốn theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

Điều 22. Quản lý, thanh toán vốn

1. Hồ sơ pháp lý, hồ sơ tạm ứng, hồ sơ thanh toán của chương trình, nhiệm vụ, dự án theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

2. Việc quản lý, tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán vốn theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Nghị định này.

3. Thời hạn tạm ứng, thanh toán vốn hàng năm và thời hạn thanh toán vốn của cơ quan thanh toán theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

Mục 5

CÁCH THỨC THỰC HIỆN GIAO DỊCH TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Điều 23. Cách thức thực hiện đối với việc thanh toán nhiệm vụ, dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn vốn trong nước qua Kho bạc Nhà nước:

1. Cách thức gửi hồ sơ:

a) Gửi hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Kho bạc Nhà nước.

b) Gửi hồ sơ và nhận kết quả qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước trong trường hợp đơn vị có tham gia giao dịch điện tử với Kho bạc Nhà nước (đơn vị truy cập và thực hiện theo hướng dẫn trên Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước).

2. Trình tự thực hiện:

a) Trường hợp giao dịch trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước:

- Chủ đầu tư lập và gửi hồ sơ tới Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.
- Kho bạc Nhà nước tiếp nhận, kiểm tra các thông tin trên hồ sơ do chủ đầu tư đề nghị thanh toán, trong phạm vi kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm được giao và phạm vi tồn quỹ ngân sách để làm thủ tục thanh toán cho đối tượng thụ hưởng; đồng thời, gửi đơn vị 01 liên chứng từ giấy (chứng từ báo Nợ) để xác nhận đã thực hiện thanh toán.

Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo theo quy định tại Nghị định này, Kho bạc Nhà nước lập thông báo từ chối thanh toán khoản chi ngân sách nhà nước (trong đó nêu rõ lý do từ chối) bằng văn bản giấy gửi đơn vị.

b) Trường hợp giao dịch trực tuyến qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước:

- Chủ đầu tư lập và gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước.
- Kho bạc Nhà nước tiếp nhận, kiểm tra các thông tin trên hồ sơ do chủ đầu tư đề nghị thanh toán, trong phạm vi kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm được giao và phạm vi tồn quỹ ngân sách để làm thủ tục thanh toán cho đối tượng thụ hưởng và gửi 01 liên chứng từ báo Nợ cho đơn vị để xác nhận đã thực hiện thanh toán. Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo theo quy định tại Nghị định này, Kho bạc Nhà nước gửi thông báo từ chối thanh toán khoản chi ngân sách nhà nước (trong đó nêu rõ lý do từ chối) cho đơn vị qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước.

Trường hợp lần thanh toán liên kế tiếp theo không đủ khối lượng công việc hoàn thành hoặc kế hoạch vốn để giảm trừ thì Kho bạc Nhà nước có văn bản yêu cầu đơn vị thực hiện thu hồi giảm chi ngân sách nhà nước (trường hợp chưa quyết toán ngân sách), thực hiện nộp ngân sách nhà nước (đối với trường hợp đã quyết toán ngân sách).

3. Thành phần và số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ: theo quy định tại Nghị định này.

3.2. Số lượng hồ sơ:

Số lượng của từng thành phần hồ sơ là 01 bản (bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y bản chính). Riêng giấy rút vốn là 02 bản gốc (trường hợp thực hiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng hoặc trường hợp đơn vị giao dịch và nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ cùng mở tài khoản tại một đơn vị Kho bạc Nhà nước thì bổ sung thêm 01 bản gốc tương ứng với mỗi trường hợp); giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư và giấy đề nghị thu hồi vốn là 02 bản gốc.

Đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký chữ ký số theo quy định.

4. Thời hạn giải quyết:

a) Đối với các khoản tạm ứng: trong 01 ngày làm việc kể từ ngày Kho bạc Nhà nước nhận đủ hồ sơ và các thông tin giải ngân theo quy định tại Nghị định này.

b) Đối với các khoản thanh toán: ~~chậm nhất~~ trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày Kho bạc Nhà nước nhận đủ hồ sơ và các thông tin giải ngân theo quy định tại Nghị định này.

5. Đối tượng thực hiện: chủ đầu tư của chương trình, nhiệm vụ, dự án sử dụng vốn đầu tư công.

6. Cơ quan giải quyết: Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

7. Kết quả thực hiện:

a) Trường hợp Kho bạc Nhà nước chấp thuận đề nghị thanh toán, tạm ứng, thu hồi vốn ứng trước: Xác nhận của Kho bạc Nhà nước trực tiếp trên giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư, giấy rút vốn, giấy đề nghị thu hồi vốn ứng trước. Trường hợp chủ đầu tư có tham gia giao dịch điện tử với Kho bạc Nhà nước, Kho bạc Nhà nước gửi chứng từ báo Nợ cho đơn vị qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước để xác nhận đã thực hiện thanh toán, tạm ứng.

b) Trường hợp Kho bạc Nhà nước từ chối đề nghị thanh toán, tạm ứng: Kho bạc Nhà nước thông báo từ chối chấp thuận thanh toán, tạm ứng của chủ đầu tư (bằng văn bản giấy hoặc qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước).

8. Phí, lệ phí: Không.

Điều 24. Cách thức thực hiện đối với việc kiểm soát chi vốn nước ngoài qua Kho bạc Nhà nước:

1. Cách thức gửi hồ sơ:

a) Gửi hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Kho bạc Nhà nước.

b) Gửi hồ sơ và nhận kết quả qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước trong trường hợp đơn vị có tham gia giao dịch điện tử với Kho bạc Nhà nước (đơn vị truy cập và thực hiện theo hướng dẫn trên Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước).

2. Trình tự thực hiện:

a) Trường hợp thanh toán tại ngân hàng phục vụ:

Trường hợp giao dịch trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước: chủ chương trình, dự án lập và gửi hồ sơ bằng văn bản giấy trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch. Kho bạc Nhà nước tiếp nhận, kiểm tra các thông tin trên hồ sơ do chủ đầu tư đề nghị thanh toán, trong phạm vi kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm được giao, Kho bạc Nhà nước xác nhận tạm ứng, thanh toán theo đề nghị của chủ chương trình, dự án. Trường hợp các khoản chi do chủ đầu tư (chủ chương trình, chủ dự án) đề nghị chưa đảm bảo đúng chế độ quy định, Kho bạc Nhà nước lập thông báo từ chối xác nhận (trong đó nêu rõ lý do từ chối) bằng văn bản giấy gửi đơn vị.

Trường hợp chủ đầu tư (chủ chương trình, chủ dự án) lập và gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, Kho bạc Nhà nước tiếp nhận, kiểm tra các thông tin trên hồ sơ đề nghị thanh toán, trong phạm vi kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm được giao, Kho bạc Nhà nước xác nhận tạm ứng, thanh toán. Trường hợp các khoản chi do chủ đầu tư (chủ chương trình, chủ dự án) đề nghị chưa đảm bảo đúng chế độ quy định, Kho bạc nhà nước lập thông báo từ chối xác nhận (trong đó nêu rõ lý do từ chối) gửi đơn vị qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc nhà nước.

b) Trường hợp thanh toán tại Kho bạc nhà nước: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này.

3. Thành phần và số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ: theo quy định tại Nghị định này.

3.2. Số lượng hồ sơ:

Số lượng của từng thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định này là 01 bản (bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y bản chính). Riêng giấy rút vốn là 03 bản gốc (trường hợp thực hiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng hoặc trường hợp đơn vị giao dịch và nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ cùng mở tài khoản tại một đơn vị Kho bạc Nhà nước thì bổ sung thêm 01 bản gốc tương ứng với mỗi trường hợp); giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư và giấy đề nghị thu hồi vốn là 02 bản gốc.

4. Thời hạn giải quyết:

~~Chậm nhất~~ Trong vòng 02 ngày làm việc, kể từ ngày Kho bạc Nhà nước nhận đủ nhận đủ hồ sơ và các thông tin giải ngân theo quy định tại Nghị định này (riêng các khoản tạm ứng vốn thì tối đa 1 ngày làm việc).

5. Đối tượng thực hiện: Chủ chương trình, dự án của các dự án hoặc hợp phần dự án thuộc diện ngân sách nhà nước cấp phát; các dự án áp dụng cơ chế cấp phát một lần, cho vay lại một phần theo tỷ lệ.

6. Cơ quan giải quyết: Kho bạc nhà nước nơi giao dịch.

7. Kết quả thực hiện:

a) Trường hợp Kho bạc Nhà nước chấp thuận đề nghị xác nhận thanh toán, tạm ứng vốn nước ngoài: Xác nhận của Kho bạc Nhà nước trực tiếp trên giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc giấy đề nghị xác nhận chi phí hợp lệ vốn sự nghiệp của chủ đầu tư (chủ chương trình, chủ dự án) (đối với trường hợp xác nhận tại Kho bạc Nhà nước và thanh toán tại ngân hàng); xác nhận của Kho bạc Nhà nước trực tiếp trên giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc giấy đề nghị xác nhận chi phí hợp lệ vốn sự nghiệp và giấy rút vốn của chủ đầu tư (chủ chương trình, chủ dự án) (đối với trường hợp thanh toán tại Kho bạc Nhà nước).

b) Trường hợp KBNN từ chối đề nghị thanh toán, tạm ứng vốn nước ngoài: KBNN thông báo từ chối chấp thuận thanh toán, rút vốn hoặc từ chối xác nhận thanh toán (bằng văn bản giấy hoặc qua Trang thông tin dịch vụ công của KBNN).

8. Phí, lệ phí: Không

CHƯƠNG III QUYẾT TOÁN

Mục 1

QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO NĂM NGÂN SÁCH (QUYẾT TOÁN THEO NIÊN ĐỘ)

Điều 25. Nguyên tắc quyết toán theo niên độ

1. Đối với vốn ngân sách nhà nước, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan đến việc giải ngân vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước lập báo cáo quyết toán theo niên độ khi kết thúc năm ngân sách.

2. Đối với vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư, các cơ quan, đơn vị, tổ chức

có liên quan đến việc giải ngân nguồn vốn này báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

3. Số liệu tại báo cáo quyết toán theo niên độ phải được đối chiếu, xác nhận theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước.

4. Số liệu tại báo cáo quyết toán theo niên độ phải được phản ánh chi tiết theo từng cơ quan chủ quản, từng nguồn vốn, từng ngành, lĩnh vực, từng chương trình, nhiệm vụ, dự án (chi tiết vốn trong nước và vốn nước ngoài) theo đúng quyết định giao của cấp có thẩm quyền và số kế hoạch vốn chưa phân bổ chi tiết cho chương trình, nhiệm vụ, dự án.

5. Việc lập, gửi, xét duyệt, chỉnh lý, tổng hợp báo cáo quyết toán theo nội dung, yêu cầu, thời hạn quy định tại Luật Ngân sách nhà nước hiện hành và Nghị định này.

Điều 26. Thời hạn khóa sổ để lập báo cáo quyết toán theo niên độ

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan đến việc thực hiện kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước thực hiện khóa sổ kế toán và lập báo cáo quyết toán khi kết thúc năm ngân sách.

2. Các khoản tạm ứng được hạch toán kế toán, quyết toán vào năm ngân sách khi đã đủ điều kiện thanh toán cho khối lượng công việc được thực hiện và nghiệm thu trong năm đến hết ngày 31 tháng 12 năm quyết toán.

3. Thời hạn chỉnh lý quyết toán ngân sách nhà nước kết thúc khi hết ngày 31 tháng 01 năm sau năm quyết toán.

Điều 27. Nội dung báo cáo quyết toán theo niên độ

1. Vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tại báo cáo quyết toán theo niên độ gồm:

a) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch năm quyết toán.

b) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước thuộc kế hoạch các năm trước được cơ quan có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán sang năm quyết toán.

c) Vốn tạm ứng các năm trước chưa thu hồi.

2. Vốn thanh toán được quyết toán theo niên độ bao gồm:

a) Vốn kế hoạch thanh toán cho khối lượng hoàn thành của các dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước được giao kế hoạch năm quyết toán (kể cả thanh toán bằng hình thức ghi thu - ghi chi, thanh toán bằng ngoại tệ) từ ngày 01 tháng 01 năm quyết toán đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau.

Trường hợp kế hoạch đầu tư công trong năm được giao có bố trí vốn kế hoạch để thu hồi số vốn kế hoạch đã được ứng trước dự toán ngân sách nhà

nước cho dự án (theo kết quả giải ngân thực tế), số quyết toán là tổng số vốn thanh toán khối lượng hoàn thành đến hết thời hạn khóa sổ để lập báo cáo quyết toán theo niên độ đó, kể cả phần vốn thanh toán khối lượng hoàn thành của phần vốn kế hoạch ứng trước đã giải ngân trước đây chuyển sang.

b) Vốn kế hoạch thanh toán cho khối lượng hoàn thành của các dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước thuộc kế hoạch năm trước được phép kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán sang năm quyết toán đã được thực hiện từ ngày 01 tháng 02 năm quyết toán đến hết ngày 31 tháng 12 năm đó.

c) Thanh toán khối lượng hoàn thành từ ngày 01 tháng 02 năm kế hoạch đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau các khoản đã tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ các năm trước chuyển sang năm quyết toán.

d) Vốn nước ngoài đưa vào báo cáo quyết toán theo niên độ gồm: số vốn đã được ghi thu - ghi chi cho phần khối lượng hoàn thành (việc ghi thu - ghi chi theo quy định của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài) và số vốn đã thanh toán cho phần khối lượng hoàn thành (đối với vốn nước ngoài được giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước).

3. Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi không đưa vào quyết toán. Hết thời hạn chỉnh lý quyết toán, số dư tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi còn lại (sau khi trừ đi số nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán (nếu có) của phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ các năm trước) được chuyển sang năm sau để quản lý, thu hồi tạm ứng và quyết toán phần thanh toán khối lượng hoàn thành. Cơ quan tài chính không phải làm thủ tục xét chuyển.

4. Vốn ứng trước từ dự toán ngân sách nhà nước năm sau không phải báo cáo tại báo cáo quyết toán theo niên độ.

5. Thuyết minh báo cáo quyết toán theo niên độ:

a) Các bộ, cơ quan trung ương, sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã theo phân cấp quản lý, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư (trường hợp được phân cấp quản lý), chủ đầu tư:

- Báo cáo tổng quát tình hình thực hiện kế hoạch, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nước được giao trong năm quyết toán.

- Thuyết minh các tồn tại, vướng mắc, các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện, thanh toán, quyết toán vốn, tăng giảm vốn kế hoạch đầu tư công, đề xuất các biện pháp tháo gỡ.

b) Cơ quan thanh toán:

- Báo cáo tổng quát đặc điểm, tình hình thanh toán, quyết toán theo niên độ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

- Đề xuất và kiến nghị để tháo gỡ những tồn tại, vướng mắc có liên quan đến công tác quyết toán theo niên độ.

6. Đối với trường hợp cơ quan nhận vốn bằng hình thức lệnh chi tiền hoặc cơ quan có vốn nước ngoài thanh toán theo cơ chế tài chính trong nước: các bộ, cơ quan trung ương, sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã theo phân cấp quản lý, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, chủ đầu tư, cơ quan thanh toán các cấp lập thành mục riêng trong báo cáo quyết toán theo niên độ.

7. Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách và hướng dẫn các nội dung liên quan.

Điều 28. Trình tự, thời hạn lập, xét duyệt và gửi báo cáo quyết toán theo niên độ

1. Đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do bộ, cơ quan trung ương quản lý:

a) Chủ đầu tư báo cáo quyết toán theo niên độ gửi bộ, cơ quan trung ương hoặc cơ quan cấp trên của chủ đầu tư (trường hợp được phân cấp quản lý) trước ngày 01 tháng 5 năm sau năm quyết toán.

b) Bộ, cơ quan trung ương xét duyệt báo cáo của các chủ đầu tư; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi Bộ Tài chính trước ngày 5 tháng 7 năm sau năm quyết toán.

Trường hợp bộ, cơ quan trung ương phân cấp quản lý, chủ đầu tư báo cáo quyết toán theo niên độ gửi cơ quan cấp trên của chủ đầu tư được phân cấp quản lý; cơ quan được phân cấp chịu trách nhiệm xét duyệt báo cáo của các chủ đầu tư và tổng hợp báo cáo quyết toán các dự án thuộc phạm vi được phân cấp quản lý gửi bộ, cơ quan trung ương trước ngày 05 tháng 6 năm sau năm quyết toán để bộ, cơ quan trung ương tổng hợp, lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi Bộ Tài chính trước ngày 05 tháng 7 năm sau năm quyết toán.

Trường hợp báo cáo quyết toán theo niên độ của chủ đầu tư lập chưa đúng quy định, bộ, cơ quan trung ương, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư (trường hợp được phân cấp quản lý) yêu cầu chủ đầu tư giải trình, cung cấp thông tin, số liệu cần thiết, điều chỉnh hoặc yêu cầu lập lại báo cáo để xét duyệt theo quy định. Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư (trường hợp được phân cấp quản lý) yêu cầu chủ đầu tư nộp các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định và xuất toán các khoản chi sai chế độ, chi không đúng kế hoạch được giao, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với chủ đầu tư sử dụng vốn không đúng quy định.

Bộ, cơ quan trung ương thực hiện đối chiếu với cơ quan thanh toán cấp trung ương để xác nhận các số liệu phục vụ công tác quyết toán theo niên độ chi tiết đến từng chương trình, nhiệm vụ, dự án trước khi tổng hợp, gửi báo cáo quyết toán theo niên độ cho Bộ Tài chính.

c) Cơ quan thanh toán cấp tỉnh tổng hợp số liệu quyết toán theo niên độ báo cáo cơ quan thanh toán cấp trung ương trước ngày 15 tháng 4 năm sau năm quyết toán; cơ quan thanh toán cấp trung ương tổng hợp số liệu quyết toán theo niên độ báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 01 tháng 6 năm sau năm quyết toán.

2. Đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân các cấp quản lý:

a) Vốn đầu tư công thuộc ngân sách của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý:

- Chủ đầu tư (hoặc ban quản lý dự án chuyên ngành, ban quản lý dự án khu vực) lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét duyệt báo cáo quyết toán của chủ đầu tư; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi cơ quan tài chính cùng cấp.

Trường hợp báo cáo quyết toán theo niên độ của chủ đầu tư lập chưa đúng quy định, sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh yêu cầu chủ đầu tư giải trình, cung cấp thông tin, số liệu cần thiết, điều chỉnh những sai sót hoặc yêu cầu lập lại báo cáo để xét duyệt theo quy định. Sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh yêu cầu chủ đầu tư nộp các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định và xuất toán các khoản chi sai chế độ, chi không đúng kế hoạch được giao, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với chủ đầu tư sử dụng vốn không đúng quy định.

- Sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện đối chiếu với cơ quan thanh toán cùng cấp để xác nhận các số liệu phục vụ công tác quyết toán theo niên độ chi tiết đến từng chương trình, nhiệm vụ, dự án trước khi tổng hợp, gửi báo cáo quyết toán theo niên độ cho cơ quan tài chính cùng cấp.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ Luật Ngân sách nhà nước, quy định tại Nghị định này và các văn bản hướng dẫn luật hiện hành để quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ của chủ đầu tư, sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đảm bảo thời hạn quyết toán ngân sách nhà nước.

- Cơ quan thanh toán cấp tỉnh tổng hợp số liệu quyết toán theo niên độ báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan thanh toán cấp trung ương trước ngày 15 tháng 4 năm sau năm quyết toán.

- Cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp số liệu vào quyết toán ngân sách địa phương hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê chuẩn.

~~Chậm nhất~~ Trong vòng 05 ngày làm việc sau khi được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước của năm quyết toán, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước cho Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Sở Tài chính gửi báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách do địa phương quản lý cho Bộ Tài chính và cơ quan thanh toán cấp trung ương để phục vụ công tác quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước.

b) Vốn đầu tư công thuộc ngân sách của Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý:

Để phù hợp với đặc điểm tổ chức và phân cấp của từng địa phương, căn cứ các quy định tại Nghị định này, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt quyết toán theo niên độ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn luật.

Cơ quan thanh toán cấp tỉnh tổng hợp, lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã (phần Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý) trước ngày 01 tháng 3 năm sau năm quyết toán.

Điều 29. Nội dung xét duyệt và tổng hợp báo cáo quyết toán theo niên độ

1. Các bộ, cơ quan trung ương, sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân các cấp theo phân cấp quản lý, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư (trường hợp được phân cấp quản lý):

a) Kiểm tra tính đầy đủ, đúng về danh mục chương trình, nhiệm vụ, dự án, vốn kế hoạch và số vốn giải ngân (chi tiết tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) của từng chương trình, nhiệm vụ, dự án thuộc kế hoạch được giao trong năm quyết toán và thuộc kế hoạch các năm trước được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán.

b) Kiểm tra, so sánh số vốn đã giải ngân (chi tiết tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) với vốn kế hoạch của từng chương trình, nhiệm vụ, dự án; xác định số vốn báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau hoặc hủy bỏ.

c) Kiểm tra sự phù hợp về nguồn vốn, cơ cấu vốn, ngành, lĩnh vực của từng chương trình, nhiệm vụ, dự án.

d) Nhận xét về tình hình thực hiện và giải ngân vốn trong năm quyết toán, tình hình chấp hành chế độ chính sách, các nội dung, nhận xét khác (nếu có).

đ) Yêu cầu chủ đầu tư nộp ngay các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định và xuất toán các khoản chi sai chế độ, chi không đúng kế hoạch được giao, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với chủ đầu tư chi sai chế độ.

2. Cơ quan tài chính các cấp:

a) Kiểm tra tính đầy đủ và khớp đúng về tổng số và chi tiết vốn kế hoạch, cơ cấu nguồn vốn, ngành, lĩnh vực, danh mục chương trình, nhiệm vụ, dự án trong báo cáo quyết toán theo niên độ của cơ quan chủ quản và báo cáo tổng hợp, chi tiết quyết toán theo niên độ của cơ quan thanh toán cùng cấp.

b) Tổng hợp quyết toán năm của các đơn vị theo quy định tại Điều 67 Luật Ngân sách nhà nước.

Mục 2

QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG DỰ ÁN HOÀN THÀNH

Điều 30. Vốn đầu tư được quyết toán

Vốn đầu tư được quyết toán là toàn bộ chi phí hợp pháp đã thực hiện trong quá trình đầu tư để đưa dự án vào khai thác, sử dụng (bao gồm cả các chi phí thanh toán hợp đồng bảo hiểm, lệ phí thẩm định, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định này). Chi phí hợp pháp là toàn bộ các khoản chi phí đã thực hiện trong phạm vi dự án, dự toán được duyệt và hợp đồng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật (đối với những công việc thực hiện theo hợp đồng) kể cả phần điều chỉnh, bổ sung được duyệt theo quy định và đúng thẩm quyền. Chi phí đầu tư được quyết toán phải nằm trong giới hạn tổng mức đầu tư được duyệt hoặc được điều chỉnh, bổ sung theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Quyết toán vốn đầu tư công dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành

1. Đối với các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A và nhóm B, nhóm C được ghi trong báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (nếu có) có nhiều dự án thành phần, tiểu dự án độc lập (có thể vận hành độc lập, khai thác sử dụng hoặc được phân kỳ đầu tư) có quyết định phê duyệt dự án đầu tư riêng biệt: mỗi dự án thành phần hoặc tiểu dự án độc lập thực hiện báo cáo quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán như một dự án đầu tư độc lập. Dự án thành phần hoặc tiểu dự án đã được thẩm tra và phê duyệt theo quy định không phải kiểm toán quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán lại.

Các bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao quản lý dự án thành phần chính hoặc làm đầu mối tổng hợp dự án chịu trách nhiệm báo cáo kết quả phê duyệt tổng quyết

toán vốn đầu tư dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A hoàn thành gửi Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính khi dự án hoàn thành toàn bộ.

2. Đối với nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư:

a) Trường hợp nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư được bố trí vốn kế hoạch chuẩn bị đầu tư trong chi phí của dự án đầu tư được duyệt để triển khai thực hiện dự án, việc quyết toán riêng dự án chuẩn bị đầu tư hoặc quyết toán chung với dự án đầu tư do người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư quyết định.

b) Trường hợp nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư được bố trí kế hoạch vốn riêng, khi hoàn thành phải quyết toán như tiểu dự án độc lập và tổng hợp quyết toán dự án theo quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Trường hợp nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dừng thực hiện hoặc thay đổi dẫn đến nội dung chuẩn bị đầu tư không được sử dụng thì chi phí chuẩn bị đầu tư đã thực hiện được quyết toán như dự án dừng thực hiện.

3. Đối với bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

a) Trường hợp trong chủ trương đầu tư dự án nội dung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng được tách thành dự án độc lập: việc báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành và thẩm tra quyết toán thực hiện như một dự án đầu tư công độc lập.

b) Đối với các trường hợp còn lại: Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm báo cáo quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định tại Điều 32, Điều 33 Nghị định này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp với cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoàn thành và gửi quyết định phê duyệt tới chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình để tổng hợp vào báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành chung của toàn bộ dự án. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán toàn bộ dự án không phải thẩm tra lại phần chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt quyết toán, trừ trường hợp người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư toàn bộ dự án yêu cầu thẩm tra lại chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán.

Người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giao đơn vị thuộc quyền quản lý chủ trì thẩm tra quyết toán và quy định cụ thể thời gian lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, đảm bảo không được làm ảnh hưởng đến chủ đầu tư dự án khi lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Chi phí kiểm toán

độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện theo quy định tại Điều 45 Nghị định này.

c) Trường hợp phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt trước khi thực hiện mô hình chính quyền hai cấp, thì đơn vị, tổ chức được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án (sau khi thực hiện mô hình chính quyền hai cấp) có trách nhiệm tiếp tục tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án theo đúng quy định của pháp luật về đất đai và thực hiện báo cáo quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định tại Điều 32, Điều 33 Nghị định này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp với cấp quản lý đơn vị, tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoàn thành.

4. Đối với công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành đưa vào sử dụng của dự án đầu tư công: trường hợp cần thiết phải thẩm tra, phê duyệt quyết toán thì chủ đầu tư báo cáo người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư xem xét, quyết định. Giá trị quyết toán của công trình, hạng mục công trình bao gồm: chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, các khoản chi phí tư vấn và chi khác có liên quan trực tiếp đến công trình, hạng mục công trình đó. Sau khi dự án hoàn thành toàn bộ hoặc dừng thực hiện, chủ đầu tư tổng hợp giá trị quyết toán được duyệt của công trình, hạng mục công trình vào báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành và xác định mức phân bổ chi phí chung cho từng công trình, hạng mục công trình thuộc dự án, trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

5. Đối với dự án có toàn bộ dự án thành phần, tiểu dự án, công trình hoặc hạng mục xây dựng và thiết bị đã hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác sử dụng nhưng chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chưa hoàn thành: chủ đầu tư báo cáo người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư cho phép thực hiện báo cáo quyết toán chi phí đã thực hiện dự án để gửi cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán thẩm tra; chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được quyết toán là giá trị hợp pháp đã thực hiện. Trường hợp chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng tiếp tục thực hiện bổ sung, chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán bổ sung và gửi cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán để thẩm tra trình phê duyệt quyết toán bổ sung.

Điều 32. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành

1. Báo cáo phải xác định đầy đủ, chính xác các nội dung sau:

a) Chi tiết vốn đầu tư.

- b) Tổng chi phí đầu tư đề nghị quyết toán hoàn thành.
- c) Chi phí thiệt hại trong quá trình đầu tư.
- d) Chi phí được phép không tính vào giá trị tài sản.
- đ) Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư.

2. Bộ Tài chính ban hành hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành và hướng dẫn các nội dung liên quan.

Điều 33. Hồ sơ trình thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành

Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đến người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán và 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành. Trường hợp người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán cũng là thủ trưởng của cơ quan chủ trì thẩm tra phê duyệt quyết toán thì chỉ gửi 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán. Hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:

1. Đối với dự án đầu tư công hoàn thành, hạng mục công trình hoàn thành, dự án đầu tư công dừng thực hiện có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành của chủ đầu tư (bản chính). Trường hợp kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, tờ trình phải nêu rõ những nội dung thống nhất, nội dung không thống nhất và lý do không thống nhất giữa chủ đầu tư và kiểm toán độc lập. Trường hợp các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra (sau đây gọi là thanh tra), kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, cơ quan pháp luật đã thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra dự án, trong tờ trình chủ đầu tư phải nêu rõ việc chấp hành các kiến nghị, kết luận của các cơ quan trên.

b) Biểu mẫu báo cáo quyết toán theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định này (bản chính).

c) Các văn bản pháp lý có liên quan (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính).

d) Hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm các tài liệu (bản chính hoặc do chủ đầu tư sao y bản chính hoặc bản được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật): Hợp đồng và các phụ lục bổ sung hợp đồng (nếu có); các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán; biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng; bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu (sau đây gọi là quyết toán A - B); biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh

lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng; các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng liên quan đến nội dung thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành..

đ) Báo cáo kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập trong trường hợp thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán (bản chính).

e) Báo cáo kiểm toán hoặc thông báo kết quả kiểm toán (sau đây gọi chung là báo cáo kiểm toán), kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, quyết định xử lý vi phạm của các cơ quan Kiểm toán nhà nước, thanh tra, kiểm tra trong trường hợp các cơ quan này thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán dự án; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp dự án có vi phạm pháp luật bị cơ quan pháp luật điều tra. Báo cáo của chủ đầu tư kèm các tài liệu liên quan về tình hình chấp hành các kiến nghị của các cơ quan nêu trên.

2. Đối với nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư sử dụng vốn đầu tư công, dự án dừng thực hiện chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư (bản chính).

b) Biểu mẫu báo cáo quyết toán theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định này (bản chính).

c) Các văn bản pháp lý có liên quan (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính hoặc bản được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật).

d) Hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm các tài liệu (bản chính hoặc do chủ đầu tư sao y bản chính hoặc bản được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật): Hợp đồng và các phụ lục bổ sung hợp đồng (nếu có), các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán (trừ trường hợp chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị); văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung, phát sinh, thay đổi (nếu có), biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo hợp đồng (nếu có), quyết toán A-B (nếu có), biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng.

đ) Báo cáo kiểm toán của kiểm toán độc lập trong trường hợp kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán (bản chính).

3. Chủ đầu tư có trách nhiệm xuất trình các tài liệu khác có liên quan để phục vụ công tác thẩm tra quyết toán khi cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán đề nghị bằng văn bản.

4. Đối với dự án dừng thực hiện:

Căn cứ văn bản của người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết định đầu tư, trên cơ sở hồ sơ tại thời điểm dừng thực hiện của dự án, chủ đầu tư thực hiện lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành gửi thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư theo quy định và báo cáo cấp thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của dự án biết.

5. Chủ đầu tư được gửi văn bản điện tử thay cho văn bản giấy. Văn bản điện tử phải đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật về công tác văn thư.

Điều 34. Thẩm quyền phê duyệt, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành

1. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành:

a) Đối với dự án quan trọng quốc gia và các dự án quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư:

Dự án hoặc dự án thành phần, tiểu dự án độc lập sử dụng vốn nhà nước: người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước phê duyệt quyết toán đối với dự án hoặc dự án thành phần, tiểu dự án độc lập giao bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quyết toán hoàn thành đối với dự án hoặc dự án thành phần, tiểu dự án độc lập giao cấp tỉnh quản lý.

Dự án thành phần, tiểu dự án độc lập không sử dụng vốn nhà nước: chủ đầu tư phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

b) Đối với các dự án khác: người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư là người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành hoặc phân cấp, ủy quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định của pháp luật.

c) Trong và sau quá trình kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp được thực hiện theo các trường hợp sau:

Trường hợp dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của chủ tịch UBND cấp huyện bàn giao cho cấp tỉnh quản lý: cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp tỉnh nhận bàn giao dự án sẽ kế thừa toàn bộ trách nhiệm của cấp huyện đối với việc quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành. Chủ tịch UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

Trường hợp dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của chủ tịch UBND cấp huyện bàn giao cho cấp xã quản lý: cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp xã nhận bàn giao sẽ kế thừa toàn bộ trách nhiệm của cấp huyện đối với việc quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành. Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

2. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành:

a) Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc ngân sách do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý: Sở Tài chính chủ trì tổ chức thẩm tra.

b) Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc ngân sách do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý: Đối với cấp xã có tổ chức Phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao Phòng chuyên môn có chức năng về tài chính chủ trì tổ chức thẩm tra; đối với cấp xã không tổ chức phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng công chức chuyên môn thuộc quyền quản lý để thẩm tra.

c) Đối với các dự án khác: người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán giao cho đơn vị có chức năng thuộc quyền quản lý chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán trước khi phê duyệt.

d) Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định thành lập Tổ công tác để thực hiện thẩm tra quyết toán trước khi phê duyệt quyết toán. Thành phần của Tổ công tác gồm đại diện có thẩm quyền của các đơn vị, cơ quan có liên quan.

3. Kiểm toán báo cáo quyết toán:

a) Các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A sử dụng vốn đầu tư công khi hoàn thành phải kiểm toán báo cáo quyết toán trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán (trừ dự án thuộc danh mục bí mật nhà nước). Các dự án sử dụng vốn đầu tư công còn lại, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt đầu tư dự án xem xét, quyết định đấu thầu kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo quyết toán.

Chủ đầu tư tổ chức đấu thầu kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu và ký kết hợp đồng kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật về hợp đồng.

Chủ đầu tư, nhà thầu kiểm toán độc lập và các đơn vị có liên quan thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này.

b) Nhà thầu kiểm toán độc lập là các doanh nghiệp kiểm toán độc lập được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về thành lập và hoạt động doanh nghiệp tại Việt Nam, tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập và các chuẩn mực kiểm toán hiện hành.

c) Đối với các dự án được cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra:

Trường hợp Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra và phát hành báo cáo kiểm toán, kết luận thanh tra có đủ nội dung quy định tại Điều 36 Nghị định này, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán dự án

sử dụng kết quả báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, kết luận thanh tra của cơ quan thanh tra làm căn cứ để thẩm tra; không phải thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán.

Trường hợp Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra thực hiện chưa đủ các nội dung quy định tại Điều 36 Nghị định này, căn cứ quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, chủ đầu tư xác định nội dung, phạm vi kiểm toán bổ sung và lựa chọn nhà thầu kiểm toán độc lập để kiểm toán bổ sung trong trường hợp cần thiết. Chi phí kiểm toán bổ sung được xác định tương tự như xác định chi phí thuê kiểm toán độc lập quy định tại Điều 45 Nghị định này. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán sử dụng báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, kết luận của cơ quan thanh tra và báo cáo kiểm toán của kiểm toán độc lập làm căn cứ để thẩm tra quyết toán dự án.

Trường hợp Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra có quyết định kiểm toán, thanh tra dự án khi nhà thầu kiểm toán độc lập đang thực hiện hợp đồng kiểm toán thì nhà thầu kiểm toán độc lập thực hiện hợp đồng kiểm toán theo đúng nội dung của hợp đồng đã ký kết.

Điều 35. Thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công đối với dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình đã thực hiện kiểm toán, thanh tra

1. Trường hợp nhà thầu kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán thực hiện thẩm tra các nội dung sau:

a) Kiểm tra tính pháp lý của hợp đồng kiểm toán độc lập, phạm vi kiểm toán, thời gian và thể thức thực hiện kiểm toán đối với dự án.

b) Đối chiếu nội dung báo cáo kiểm toán của dự án với nội dung kiểm toán theo quy định và chuẩn mực kiểm toán hiện hành. Trường hợp kết quả kiểm toán có sai sót, không đảm bảo yêu cầu, không đủ nội dung theo quy định, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán thông báo cho chủ đầu tư đề yêu cầu nhà thầu kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán lại hoặc kiểm toán bổ sung.

c) Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan, những căn cứ pháp lý mà kiểm toán viên sử dụng để kiểm toán dự án.

d) Xem xét những kiến nghị của kiểm toán mà chủ đầu tư không thông nhất với kết quả kiểm toán của nhà thầu kiểm toán độc lập.

đ) Kiểm tra việc thực hiện của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với ý kiến kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp các cơ quan này thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra dự án.

2. Trường hợp cơ quan kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra kết luận có đủ các nội dung quy định tại Điều 36 Nghị định này:

a) Đối chiếu nội dung báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, kết luận của cơ quan thanh tra với báo cáo quyết toán của chủ đầu tư để xác định việc tuân thủ các quy định pháp luật của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan; số liệu đề nghị quyết toán của chủ đầu tư với kết quả kiểm toán, thanh tra làm cơ sở để trình người có thẩm quyền xem xét khi phê duyệt quyết toán.

b) Kiểm tra việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với ý kiến kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp các cơ quan này thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra dự án.

3. Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán báo cáo người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán có văn bản lấy ý kiến của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, điều tra để thống nhất hướng xử lý trước khi trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định.

Điều 36. Thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công đối với dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình không kiểm toán, thanh tra

Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán thực hiện thẩm tra theo quy định tại các Điều 37, 38, 39, 40, 41, 42 Nghị định này và lập báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành gồm những nội dung như sau:

1. Hồ sơ pháp lý.
2. Vốn đầu tư của dự án.
3. Chi phí đầu tư.
4. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản.
5. Giá trị tài sản hình thành là kết quả của quá trình thực hiện dự án.
6. Tình hình công nợ, vật tư, thiết bị tồn đọng.
7. Việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với ý kiến kết luận, kết quả điều tra của cơ quan pháp luật và cơ quan khác (nếu có).
8. Nhận xét, đánh giá, kiến nghị:

a) Nhận xét đánh giá việc chấp hành các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư công, xây dựng và đấu thầu; công tác quản lý và sử dụng vốn đầu tư; công tác quản lý chi phí đầu tư, quản lý tài sản đầu tư của chủ đầu tư; trách nhiệm của từng cấp đối với công tác quản lý vốn đầu tư dự án.

b) Xác định giá trị đề nghị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành và xử lý các vấn đề có liên quan.

Điều 37. Thẩm tra hồ sơ pháp lý

Căn cứ báo cáo, các văn bản pháp lý liên quan của dự án, đối chiếu các quy định của pháp luật có liên quan để có nhận xét về:

1. Trình tự lập và duyệt văn bản, thẩm quyền phê duyệt văn bản.
2. Việc chấp hành trình tự đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công và xây dựng.
3. Việc chấp hành trình tự đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.
4. Việc tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng trong ký kết hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu.

Điều 38. Thẩm tra vốn đầu tư của dự án

1. So sánh cơ cấu vốn đầu tư công thực hiện với cơ cấu vốn được xác định trong tổng mức đầu tư được duyệt.
2. Đối chiếu số liệu vốn giải ngân hàng năm của chủ đầu tư và cơ quan thanh toán.
3. Kiểm tra việc thực hiện điều chỉnh tăng, giảm vốn đầu tư công của dự án đã được cấp có thẩm quyền cho phép theo quy định.
4. Nhận xét, đánh giá việc chấp hành các quy định về việc quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; việc quản lý và sử dụng các loại vốn đầu tư công của dự án.

Điều 39. Thẩm tra chi phí đầu tư

1. Nguyên tắc thẩm tra:
 - a) Thẩm tra tính tuân thủ các quy định về hợp đồng và quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của cấp có thẩm quyền; loại hợp đồng (không phân biệt hình thức lựa chọn nhà thầu). Kiểm tra số liệu tổng hợp chi phí và các khoản mục do chủ đầu tư lập trong báo cáo quyết toán.
 - b) Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán kiểm tra hồ sơ hoàn công để xác định khối lượng công việc hoàn thành đã nghiệm thu theo quy định.
2. Thẩm tra chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:
 - a) Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do chủ đầu tư hoặc đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện: đối chiếu giá trị đề nghị quyết toán của chủ đầu tư hoặc đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được duyệt, dự toán chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất được duyệt,

danh sách chi trả cho các tổ chức, cá nhân nhận tiền bồi thường đã có chữ ký xác nhận theo quy định để xác định giá trị quyết toán. Việc lập, phê duyệt dự toán, sử dụng và quyết toán chi phí đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất thực hiện theo quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

b) Giá trị công trình xây dựng đã có quyết định phê duyệt quyết toán của người có thẩm quyền: căn cứ quyết định phê duyệt quyết toán của người có thẩm quyền, văn bản yêu cầu thanh toán của chủ đầu tư hoặc đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng các công trình xây dựng và chứng từ thanh toán để xác định giá trị chi phí đã đầu tư. Trường hợp người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán đầu tư dự án yêu cầu thẩm tra thì việc thẩm tra thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Thẩm tra chi phí:

a) Đối với chi phí thực hiện thông qua hợp đồng:

Căn cứ từng loại hợp đồng được ký kết giữa chủ đầu tư và nhà thầu theo quy định tại pháp luật về xây dựng, đấu thầu để kiểm tra, đối chiếu nội dung công việc, khối lượng thực hiện, đơn giá trong bảng tính giá trị quyết toán A - B với biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo các yêu cầu của hợp đồng, đơn giá theo quy định tại hợp đồng, để xác định giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo quy định.

Trường hợp có điều chỉnh về khối lượng, đơn giá, chính sách của Nhà nước: Căn cứ biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành, nguyên tắc điều chỉnh khối lượng, đơn giá ghi trong hợp đồng, các chính sách được áp dụng phù hợp với thời gian thực hiện hợp đồng để xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu đúng quy định. Không điều chỉnh cho trường hợp kéo dài thời gian thực hiện so với thời gian trong hợp đồng đã ký do lỗi của nhà thầu gây ra.

Trường hợp phát sinh chi phí: Căn cứ các quy định về điều chỉnh hợp đồng tương ứng với từng loại hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan để thẩm tra.

b) Đối với chi phí thực hiện không thông qua hợp đồng:

Đối với các khoản chi phí tính theo định mức tỷ lệ phần trăm: Kiểm tra, đối chiếu các điều kiện quy định trong việc áp dụng định mức tỷ lệ để xác định giá trị chi phí của từng loại công việc.

Đối với các khoản chi phí tính theo dự toán chi tiết được duyệt: Kiểm tra, đối chiếu giá trị đề nghị quyết toán với dự toán được duyệt để đánh giá mức độ hợp lý, hợp lệ của các khoản chi phí.

4. Thẩm tra chi phí quản lý dự án:

a) Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

b) Việc quản lý tài sản của chủ đầu tư, ban quản lý dự án khi dự án kết thúc thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn.

Điều 40. Thẩm tra chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản

1. Thẩm tra các chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng được phép không tính vào giá trị tài sản theo các nội dung:

a) Xác định đúng theo các nguyên tắc, thủ tục quy định của Nhà nước về chi phí thiệt hại.

b) Giá trị thiệt hại theo Biên bản xác định phải được chủ đầu tư, đơn vị nhận thầu, tư vấn giám sát, nhà thầu bảo hiểm kiểm tra, xác nhận và kiến nghị xử lý.

2. Thẩm tra các khoản chi phí không hình thành tài sản để trình cơ quan có thẩm quyền cho phép không tính vào giá trị tài sản như: chi phí đào tạo, tăng cường và nâng cao năng lực cho cơ quan quản lý hoặc cộng đồng; chi phí các ban quản lý dự án không liên quan trực tiếp đến tài sản được hình thành và bàn giao ở các địa phương; chi phí đầu tư thiệt hại do nguyên nhân chủ quan như khối lượng đầu tư bị hủy bỏ theo quyết định của cấp có thẩm quyền; chi phí đã thực hiện, không xảy ra thiệt hại, có tạo ra sản phẩm nhưng sản phẩm đó không được sử dụng cho dự án như kết quả khảo sát, thiết kế đã hoàn thành, đạt chất lượng nhưng không được sử dụng do chủ đầu tư thay đổi thiết kế; chi phí đầu tư xây dựng dở dang (dự án dừng thực hiện) không hình thành tài sản; chi phí sửa chữa, khắc phục hậu quả thiên tai không được hạch toán tăng giá trị tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán và quản lý sử dụng tài sản công.

Điều 41. Thẩm tra tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án

1. Xác định số lượng và giá trị tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án, công trình hoặc hạng mục công trình độc lập.

2. Tiêu chuẩn tài sản, phân loại tài sản và xử lý tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật về Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 42. Thẩm tra tình hình công nợ, vật tư, thiết bị tồn đọng

1. Thẩm tra xác định công nợ:

a) Căn cứ kết quả thẩm tra chi phí đầu tư, số tiền đã thanh toán cho các nhà thầu của chủ đầu tư để xác định rõ từng khoản phải thu, phải trả theo đúng đối tượng.

b) Xem xét kiến nghị phương án xử lý đối với các khoản thu phải nộp ngân sách nhà nước nhưng chưa nộp, số dư tiền gửi, tiền mặt tại quỹ để kiến nghị biện pháp xử lý.

2. Kiểm tra xác định giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng:

a) Kiểm tra giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng theo sổ kế toán, đối chiếu với số liệu kiểm kê thực tế.

b) Xem xét, kiến nghị phương án xử lý của chủ đầu tư đối với giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng.

c) Căn cứ biên bản kiểm kê tài sản, sổ kế toán, biên bản đánh giá lại tài sản (trường hợp phải đánh giá lại) tính đến ngày lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, xác định số lượng, nguyên giá tài sản, giá trị đã hao mòn (khấu hao) và giá trị còn lại của tài sản để bàn giao cho đơn vị sử dụng hoặc xử lý theo quy định trong trường hợp dự án do chủ đầu tư, ban quản lý dự án quản lý một dự án thực hiện quản lý.

Điều 43. Thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công đối với dự án quy hoạch, dự án chuẩn bị đầu tư, dự án dừng thực hiện chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu

1. Thẩm tra hồ sơ pháp lý của dự án.

2. Thẩm tra vốn đầu tư thực hiện.

3. Thẩm tra chi phí đầu tư thực hiện chi tiết từng khoản chi phí so với hợp đồng (nếu có), dự toán được duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức của nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định này.

4. Thẩm tra công nợ của dự án.

5. Thẩm tra các khoản chi phí không hình thành tài sản để trình cấp có thẩm quyền cho phép không tính vào giá trị tài sản.

6. Thẩm tra số lượng, giá trị tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án (nếu có).

7. Việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan đối với kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước (nếu có).

8. Nhận xét, đánh giá, kiến nghị.

Điều 44. Hồ sơ trình phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành

1. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán lập hồ sơ trình duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành để trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán sau khi đã thẩm tra xong quyết toán. Hồ sơ trình phê duyệt quyết toán gồm:

- a) Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán.
- b) Dự thảo quyết định phê duyệt quyết toán (dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình).
- c) Hồ sơ khác khi người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán yêu cầu.

2. Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành gồm các nội dung chính sau:

- a) Khái quát toàn bộ dự án, những vấn đề đã được cấp có thẩm quyền quyết định trong quá trình đầu tư thực hiện dự án.

- b) Tóm tắt kết quả thẩm tra theo đúng trình tự thẩm tra quy định tại Nghị định này.

- c) Kiến nghị giá trị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

- d) Kiến nghị giải quyết các tồn tại về vốn đầu tư, tài sản và công nợ sau khi quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

3. Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành được gửi cho các cơ quan, đơn vị: chủ đầu tư, cơ quan nhận tài sản, cơ quan quản lý cấp trên của chủ đầu tư, cơ quan thanh toán (hoặc cơ quan được ủy quyền kiểm soát, thanh toán đối với dự án đầu tư công bí mật nhà nước của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an), người có thẩm quyền quyết định phê duyệt đầu tư dự án, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành và gửi Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính (đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư và dự án nhóm A sử dụng vốn đầu tư công).

Điều 45. Chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán

Chi phí kiểm toán độc lập, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán là chi phí thuộc nội dung chi phí khác trong tổng mức đầu tư được duyệt (hoặc điều chỉnh) của dự án, giá trị quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

1. Chi phí kiểm toán độc lập, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán:

- a) Trường hợp dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập có giá trị nằm trong khoảng giá trị nêu tại điểm b, điểm c

khoản 1 Điều này thì tỷ lệ định mức chi phí kiểm toán độc lập, tỷ lệ định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được xác định theo công thức sau:

$$K_i = K_b - \frac{(K_b - K_a) \times (G_i - G_b)}{G_a - G_b}$$

Trong đó:

- K_i : Tỷ lệ định mức chi phí tương ứng với giá trị dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cần tính (đơn vị tính là phần trăm).

- K_a : Tỷ lệ định mức chi phí tương ứng với giá trị dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cận trên (đơn vị tính là phần trăm).

- K_b : Tỷ lệ định mức chi phí tương ứng với giá trị dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cận dưới (đơn vị tính là phần trăm).

- G_i : Giá trị của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cần tính (đơn vị tính là tỷ đồng).

- G_a : Giá trị của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cận trên (đơn vị tính là tỷ đồng).

- G_b : Giá trị của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cận dưới (đơn vị tính là tỷ đồng).

b) Chi phí kiểm toán độc lập:

Giá trị cần thuê kiểm toán của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập (tỷ đồng)	≤ 5	10	50	100	500	1.000	≥ 10.000
Tỷ lệ định mức chi phí kiểm toán độc lập (%)	0,96	0,645	0,45	0,345	0,195	0,129	0,069

Chi phí (dự toán gói thầu, giá gói thầu) kiểm toán độc lập của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập là chi phí tối đa, được xác định trên cơ sở giá trị cần thuê kiểm toán của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập nhân (x) với tỷ lệ định mức được xác định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và

cộng với thuế giá trị gia tăng. Chi phí kiểm toán độc lập tối thiểu là một triệu đồng và cộng với thuế giá trị gia tăng.

c) Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán:

Giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập (tỷ đồng)	5	10	50	100	500	1.000	≥ 10.000
Tỷ lệ định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (%)	0,57	0,39	0,285	0,225	0,135	0,09	0,048

Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành là chi phí tối đa, được xác định trên cơ sở giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành nhân (x) với tỷ lệ định mức được xác định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán tối thiểu là năm trăm nghìn đồng.

d) Chi phí thiết bị chiếm tỷ trọng $\geq 50\%$ trong giá trị cần thuê kiểm toán độc lập hoặc giá trị quyết toán do chủ đầu tư lập thì chi phí kiểm toán độc lập, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được xác định bằng 70% mức tính theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này.

đ) Kiểm toán độc lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán đối với chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, định mức chi phí kiểm toán độc lập, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được xác định bằng 50% mức tính theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này cho chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án.

e) Dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập đã được nhà thầu kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán hoặc cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 36 của Nghị định này: chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được xác định bằng 50% mức tính theo quy định tại khoản 1 Điều này.

2. Quản lý, sử dụng chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán:

a) Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này và hồ sơ trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư gửi tới, có trách nhiệm xác định cụ thể chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, trên cơ sở đó gửi văn bản đề nghị chủ đầu tư thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán.

Đối với dự án được bố trí kế hoạch năm cuối nhưng chủ đầu tư đang trong thời gian lập hồ sơ quyết toán theo quy định tại Điều 46 Nghị định này, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán căn cứ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được duyệt hoặc điều chỉnh của dự án hoặc dự toán (nếu có) để đề nghị chủ đầu tư thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này và hồ sơ trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư gửi tới, có trách nhiệm xác định cụ thể chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, trường hợp số tiền chủ đầu tư đã thanh toán vượt so với chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được hưởng theo quy định, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán chuyển trả chủ đầu tư số tiền đã thanh toán vượt để giảm trừ giá trị quyết toán của dự án.

Chủ đầu tư đề nghị cơ quan thanh toán (Kho bạc Nhà nước) thanh toán cho cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán theo văn bản đề nghị của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán và chi phí thẩm tra phê duyệt, quyết toán được xác định tại khoản 1 Điều này.

b) Nội dung chi cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán gồm:

- Chi trực tiếp cho công tác thẩm tra quyết toán, phê duyệt quyết toán.
- Chi trả cho các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn thực hiện thẩm tra quyết toán trong trường hợp cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán ký kết hợp đồng theo thời gian với các chuyên gia hoặc thuê tổ chức tư vấn.
- Chi công tác phí, văn phòng phẩm, dịch thuật, in ấn, hội nghị, hội thảo, mua sắm máy tính hoặc trang thiết bị phục vụ công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán.
- Các khoản chi khác có liên quan đến công tác thẩm tra quyết toán, phê duyệt báo cáo quyết toán.

c) Căn cứ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán và nội dung chi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán xây dựng quy chế chi tiêu cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán, trình thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định phê duyệt để làm cơ sở thực hiện hàng năm cho đến khi quy chế được điều chỉnh, bổ sung (nếu có).

d) Nguồn thu từ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán không phải thực

hiện trích nguồn cải cách tiền lương; không hạch toán chung và không quyết toán chung với nguồn kinh phí quản lý hành chính hàng năm của cơ quan chủ trì thẩm tra, phê duyệt quyết toán. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán nếu chưa sử dụng hết trong năm, được phép chuyển sang năm sau để thực hiện.

Trên cơ sở nguồn thu và nội dung chi quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán lập giấy rút vốn (Mẫu số 05.a/TT) đề nghị thanh toán chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán theo các nội dung chi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này (trường hợp nhiều nội dung chi, đơn vị kê khai trên bảng kê ghi rõ nội dung chi; bảng kê có chữ ký đóng dấu của cơ quan chủ trì thẩm tra phê duyệt quyết toán) gửi cơ quan thanh toán (Kho bạc Nhà nước) để thanh toán. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán không phải gửi chứng từ chi, hợp đồng, hóa đơn mua sắm đến cơ quan thanh toán (Kho bạc Nhà nước). Căn cứ đề nghị của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán, cơ quan thanh toán (Kho bạc Nhà nước) thực hiện thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán cho cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán.

3. Trường hợp chủ đầu tư đã cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo hợp đồng kiểm toán nhưng nhà thầu kiểm toán độc lập vẫn không thực hiện một số nội dung công việc, chủ đầu tư căn cứ điều kiện hợp đồng và khối lượng công việc nhà thầu kiểm toán không thực hiện để điều chỉnh giảm chi phí kiểm toán độc lập theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng công việc nhà thầu kiểm toán không thực hiện.

4. Trường hợp bất khả kháng và thay đổi phạm vi công việc của hợp đồng đã ký, chủ đầu tư và nhà thầu kiểm toán độc lập căn cứ các quy định của pháp luật về hợp đồng để điều chỉnh bổ sung hoặc loại trừ những nội dung công việc của hợp đồng đã ký.

Điều 46. Thời gian lập hồ sơ, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành

Thời gian tối đa quy định cụ thể như sau:

Dự án	Quan trọng quốc gia	Nhóm A	Nhóm B	Nhóm C
Thời gian chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán trình phê duyệt	09 tháng	09 tháng	06 tháng	04 tháng
Thời gian thẩm tra quyết toán	08 tháng	08 tháng	05 tháng	04 tháng
Thời gian phê duyệt quyết toán	01 tháng	01 tháng	20 ngày	15 ngày

1. Thời gian chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành trình phê duyệt được tính từ ngày dự án, công trình được ký biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật đến ngày chủ đầu tư nộp đầy đủ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán.

2. Thời gian thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành tính từ ngày cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán nhận đủ hồ sơ quyết toán (theo quy định tại Điều 33 Nghị định này) đến ngày trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

3. Thời gian phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành tính từ ngày người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán (theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định này) nhận đủ hồ sơ trình duyệt quyết toán (theo quy định tại Điều 44 Nghị định này) đến ngày ban hành quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

Điều 47. Báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trong năm

1. Số liệu báo cáo năm được tổng hợp từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

2. Trước ngày 20 tháng 01 hàng năm, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán (là cấp dưới của các bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, UBND cấp tỉnh) và UBND cấp xã gửi báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành năm báo cáo đến cơ quan được các bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ chủ trì tổng hợp báo cáo. Chậm nhất đến hết ngày 28 tháng 02 hàng năm, các bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trong năm do đơn vị mình quản lý đến Bộ Tài chính để tổng hợp công khai tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trong năm của cả nước.

CHƯƠNG IV

KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 48. Kiểm tra tình hình quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công

1. Chủ đầu tư, ban quản lý dự án, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tự kiểm tra việc thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án theo các nội dung được giao quản lý.

2. Cơ quan chủ quản, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, cơ quan tài chính các cấp định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, nhà thầu thực hiện dự án về tình hình sử dụng vốn tạm ứng, vốn thanh toán khối lượng hoàn thành, tình hình thực hiện công tác quyết toán theo niên độ, quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành do đơn vị mình quản lý và việc chấp hành chính sách, chế độ tài chính đầu tư công và ngân sách nhà nước hiện hành.

Trường hợp trong quá trình kiểm tra phát hiện có sai sót, vi phạm, cơ quan kiểm tra xử lý theo thẩm quyền, đồng thời tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính để phối hợp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cơ quan tài chính các cấp định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra cơ quan thanh toán về việc chấp hành chế độ thanh toán vốn đầu tư công. Trường hợp trong quá trình kiểm tra phát hiện có sai sót, vi phạm, cơ quan kiểm tra xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan tài chính cấp trên để xử lý theo thẩm quyền.

4. Bộ Tài chính định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra việc quản lý, thanh toán và sử dụng vốn đầu tư công, tình hình thực hiện công tác quyết toán theo niên độ, quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Trường hợp phát hiện có sai sót, vi phạm, Bộ Tài chính có ý kiến yêu cầu các bộ, cơ quan trung ương và địa phương xử lý theo thẩm quyền hoặc tổng hợp, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

~~5. Cơ quan thanh toán thực hiện kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.~~

Điều 49. Xử lý vi phạm:

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi trong quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công sai quy định tại Nghị định này bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

2. Chủ đầu tư, ban quản lý dự án, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, nhà thầu và cá nhân có hành vi vi phạm quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công: xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành về xử lý vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính.

3. Tùy theo mức độ vi phạm, cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG V

NHIỆM VỤ CỦA CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

Điều 50. Nhiệm vụ của cơ quan tài chính các cấp, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

1. Thực hiện công tác quản lý tài chính đầu tư công trong việc chấp hành chế độ, chính sách về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật hiện hành và tại Nghị định này.

2. Thực hiện kiểm tra phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị định này. Tổng hợp vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm vốn ngân sách nhà nước (bao gồm: vốn trong nước, vốn nước ngoài).

3. Chủ trì hướng dẫn và kiểm tra cơ quan thanh toán, chủ đầu tư, nhà thầu thực hiện nhiệm vụ, dự án đầu tư công về việc quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định tại Nghị định này. Phối hợp với các cơ quan chức năng hướng dẫn và kiểm tra cơ quan thanh toán, chủ đầu tư, nhà thầu thực hiện nhiệm vụ, dự án đầu tư công về việc chấp hành chế độ, chính sách tài chính đầu tư công, tình hình quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công để có giải pháp xử lý các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý.

4. Thực hiện quy định về báo cáo thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công theo quy định hiện hành.

5. Yêu cầu cơ quan thanh toán, cơ quan chủ quản, chủ đầu tư cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về tài chính, ngân sách nhà nước và đầu tư công, bao gồm các tài liệu phục vụ cho công tác quản lý dự án đầu tư công, bố trí vốn kế hoạch, báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm theo quy định về chế độ thông tin báo cáo, các tài liệu phục vụ ~~thẩm định quyết toán niên độ~~ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định của pháp luật về đầu tư công và Nghị định này.

6. Ngoài những nhiệm vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này, giao Bộ Tài chính:

a) Giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách, quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị định này.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách, quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành. Trường hợp phát hiện có sai sót, vi phạm, yêu cầu đơn vị thuộc đối tượng kiểm tra xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Tổ chức thực hiện việc nhập và phê duyệt vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hàng năm trên Tabmis.

d) Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán và hướng dẫn các nội dung liên quan.

đ) Tổng hợp, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định trong trường hợp đặc biệt cần có quy định khác các quy định tại Nghị định này về hồ sơ của nhiệm vụ, dự án (hồ sơ pháp lý, hồ sơ tạm ứng, hồ sơ thanh toán), về cơ chế giải ngân (tạm ứng vốn, thu hồi tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành).

e) Hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

7. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành hướng dẫn, kiểm tra chủ đầu tư thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành; thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành theo quy định tại Nghị định này; chịu trách nhiệm về kết quả trực tiếp thẩm tra quyết toán trên cơ sở hồ sơ quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành do chủ đầu tư cung cấp. Không chịu trách nhiệm về tính chính xác về khối lượng do chủ đầu tư và nhà thầu đã nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán, đơn giá dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đơn giá trúng thầu đã được người có thẩm quyền quyết định trúng thầu quyết định, chủ đầu tư và nhà thầu đã thống nhất ghi trong hợp đồng.

Điều 51. Nhiệm vụ của cơ quan thanh toán

1. Chịu trách nhiệm thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ cho nhiệm vụ, dự án theo đề nghị của chủ đầu tư trên cơ sở hồ sơ pháp lý, tạm ứng, thanh toán đảm bảo đầy đủ theo quy định tại Nghị định này. Có ý kiến bằng văn bản cho chủ đầu tư đối với những khoản giảm thanh toán hoặc từ chối thanh toán, trả lời các vướng mắc của chủ đầu tư trong việc thanh toán vốn.

Trường hợp phát hiện tài liệu tại hồ sơ do chủ đầu tư cung cấp trái với quy định hiện hành, cơ quan thanh toán có văn bản đề nghị xem xét lại và nêu rõ ý kiến đề xuất; quá thời hạn quy định mà không được trả lời hoặc được trả lời mà thấy chưa phù hợp với quy định hiện hành, cơ quan thanh toán báo cáo lên cơ quan có thẩm quyền cao hơn và báo cáo cơ quan tài chính để xem xét, xử lý.

2. ~~Đôn đốc chủ đầu tư, đơn vị, tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư thực hiện đúng quy định về tạm ứng, thu hồi vốn tạm ứng, công nợ, phối hợp với chủ đầu tư thực hiện theo dõi số vốn đã tạm ứng để đôn đốc chủ đầu tư, đơn vị, tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thu hồi ngay những khoản tồn đọng chưa sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích, tắt toán tài khoản của các nhiệm vụ, dự án đã phê duyệt quyết toán theo quy định. Được phép tạm ngừng thanh toán vốn hoặc phối hợp với chủ đầu tư thu hồi số vốn sử dụng sai mục đích, sai đối tượng hoặc trái với quy định quản lý tài chính của nhà nước hiện hành.~~

3. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định tại Nghị định này và các quy định hiện hành.

4. Xác nhận số giải ngân trong năm, lũy kế số thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách nhà nước cho từng nhiệm vụ, dự án hoặc xác nhận số vốn đã thanh toán theo yêu cầu quản lý; đối với vốn ngoài nước, cơ quan thanh toán xác nhận theo số liệu đề nghị tạm ứng, thanh toán của chủ đầu tư (~~chủ chương trình, chủ dự án~~) đã được cơ quan thanh toán chấp nhận.

5. Hướng dẫn cụ thể quy trình thanh toán trong hệ thống.

Điều 52. Nhiệm vụ của bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức khác có liên quan

1. Kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, đơn vị, tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư thực hiện quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; công khai danh sách các dự án do các chủ đầu tư, ban quản lý dự án vi phạm thời gian lập báo cáo quyết toán; xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân vi phạm theo quy định.

2. Chỉ đạo các đơn vị chức năng thuộc quyền quản lý phối hợp với chủ đầu tư xử lý các nội dung còn tồn tại của dự án (nếu có) và hoàn thành giải quyết công nợ, tất toán tài khoản của dự án trong thời gian 6 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

3. Tổng hợp, theo dõi và báo cáo các nội dung liên quan đến công tác quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định tại Nghị định này.

Điều 53. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của chủ đầu tư, ban quản lý dự án, nhà thầu thực hiện dự án sử dụng vốn đầu tư công, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

1. Chủ đầu tư, ban quản lý dự án:

a) Thực hiện đúng quy định của pháp luật liên quan đến chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư công thuộc phạm vi quản lý; thực hiện đúng quy định của pháp luật về chi đầu tư tại Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, quy định về các hồ sơ pháp lý, tạm ứng, thanh toán gửi cơ quan thanh toán tại Nghị định này; chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả.

b) Chịu trách nhiệm về quản lý tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư công theo đúng quy định tại Hợp đồng và quy định tại Nghị định này. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của khối lượng thực hiện, đơn giá, giá trị đề nghị thanh toán, số liệu, tài liệu cung cấp cho cơ quan thanh toán và các cơ quan quản lý nhà nước về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công.

Đối với kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, chủ đầu tư (trong trường hợp trực tiếp thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư) chịu trách nhiệm về tính chính xác của số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi

trả cho từng đối tượng thụ hưởng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

c) Chịu sự kiểm tra của cơ quan tài chính các cấp và cơ quan quyết định đầu tư về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

d) Kiểm tra tình hình quản lý tạm ứng, thanh toán, quyết toán nhiệm vụ, dự án sử dụng vốn đầu tư công của các nhà thầu để có biện pháp thu hồi ngay những khoản tồn đọng chưa sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích, tất toán tài khoản của các dự án đã phê duyệt quyết toán theo quy định. Có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thu hồi tạm ứng đối với trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc trường hợp đất thu hồi, tài sản đang có tranh chấp được gửi vào tài khoản tiền gửi của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mở tại ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối theo lãi suất không kỳ hạn theo quy định tại Luật Đất đai. Chủ trì báo cáo đánh giá tình hình thực hiện tạm ứng vốn và thu hồi tạm ứng vốn theo quy định của Nghị định này với cơ quan thanh toán nơi giao dịch, cơ quan tài chính đồng cấp và cơ quan cấp trên của chủ đầu tư.

đ) Thực hiện kế toán đơn vị chủ đầu tư. Hết năm ngân sách, lập bảng đối chiếu số liệu giải ngân vốn đầu tư công hàng năm đối với từng chương trình, nhiệm vụ, dự án gửi cơ quan thanh toán nơi giao dịch trước ngày 10 tháng 02 năm sau để xác nhận.

e) Lập, trình phê duyệt, quản lý hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đúng quy định.

g) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán về tính pháp lý của hồ sơ quyết toán và tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết toán; tính chính xác của khối lượng do chủ đầu tư và nhà thầu nghiệm thu đưa để quyết toán; tính phù hợp của đơn giá do chủ đầu tư và nhà thầu đã thống nhất ghi trong hợp đồng.

h) Thu hồi để nộp về ngân sách nhà nước số vốn đã thanh toán thừa khi chương trình, nhiệm vụ, dự án hoàn thành được phê duyệt quyết toán có số vốn được quyết toán thấp hơn số vốn đã thanh toán cho chương trình, nhiệm vụ, dự án trong vòng 03 tháng kể từ khi được phê duyệt quyết toán, thu hồi số vốn đã tạm ứng theo quy định và chịu trách nhiệm về những khoản tạm ứng quá hạn chưa thu hồi. Thanh toán tiếp cho nhà thầu hoặc nhà cung cấp theo giá trị quyết toán được phê duyệt khi có kế hoạch vốn trong trường hợp số vốn được quyết toán cao hơn số vốn đã thanh toán cho chương trình, nhiệm vụ, dự án.

i) Chủ đầu tư (chủ dự án) chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng chứng từ kiểm soát chi điện tử do cơ quan thanh toán (Kho bạc Nhà nước) ban hành đối với dự án đầu tư công sử dụng vốn nước ngoài.

2. Nhà thầu:

a) Lập hồ sơ quyết toán hợp đồng, quyết toán giá trị thực hiện hợp đồng đã ký kết với chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về hợp đồng khi hoàn thành nội dung công việc trong hợp đồng; chịu trách nhiệm về số liệu và tính pháp lý đối với các tài liệu có liên quan trong hồ sơ quyết toán hợp đồng theo quy định.

b) Phối hợp với chủ đầu tư xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn tại theo hợp đồng đã ký kết; hoàn trả đầy đủ, kịp thời số vốn mà chủ đầu tư đã giải ngân sai chế độ quy định.

c) Chấp hành quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành của người có thẩm quyền.

3. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

- Thực hiện đúng quy định của pháp luật về chế độ quản lý, thanh toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của đối tượng thụ hưởng và số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi trả cho từng đối tượng thụ hưởng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; giá trị đề nghị thanh toán, số liệu, tài liệu cung cấp cho chủ đầu tư, cơ quan thanh toán và các cơ quan quản lý nhà nước về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trong việc quản lý, sử dụng số tiền bồi thường, hỗ trợ đúng mục đích, đúng đối tượng.

- Có trách nhiệm thu hồi đủ số vốn đã tạm ứng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau khi thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người được bồi thường, hỗ trợ.

- Chịu sự kiểm tra của cơ quan tài chính các cấp và cơ quan quyết định đầu tư về quản lý, thanh toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

4. Nhà thầu kiểm toán độc lập, kiểm toán viên khi thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán phải chấp hành nguyên tắc hoạt động kiểm toán độc lập, có quyền hạn, nghĩa vụ và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập.

CHƯƠNG VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 54. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các nhiệm vụ, dự án đang thực hiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện lại hồ sơ pháp lý theo quy định tại Nghị định này.

2. Các quy định về quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách tại Chương III Nghị định này được áp dụng kể từ công tác quyết toán theo niên độ ngân sách 2025.

3. Dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập sử dụng vốn đầu tư công đã nộp hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành về cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán và các hợp đồng kiểm toán độc lập đã ký trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Điều 55. Tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 56. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Nghị định này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản đã thay thế, sửa đổi, bổ sung đó.

2. Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành và thay thế Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phụ lục
HỆ THỐNG MẪU BIỂU
(Kèm theo Nghị định số / /ND-CP
ngày tháng năm của Chính phủ)

Mẫu số 01a/PB	Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm ...
Mẫu số 01a.nn/PB	Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm ... (áp dụng đối với dự án đầu tư công tại nước ngoài)
Mẫu số 01b/PB	Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm ... điều chỉnh
Mẫu số 01b.nn/PB	Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm ... điều chỉnh (áp dụng đối với dự án đầu tư công tại nước ngoài)
Mẫu số 02a/TT	Bảng tổng hợp thông tin Hợp đồng đối với trường hợp thực hiện theo hợp đồng
Mẫu số 02b/TT	Bảng tổng hợp thông tin Dự toán chi phí đối với trường hợp không thực hiện theo hợp đồng
Mẫu số 02c/TT	Bảng tổng hợp thông tin Dự toán chi phí quản lý dự án năm kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt
Mẫu số 03.a/TT	Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành
Mẫu số 03.b/TT	Bảng kê giá trị khối lượng công việc đền bù, hỗ trợ, tái định cư
Mẫu số 04.a/TT	Giấy đề nghị thanh toán vốn
Mẫu số 04.a.nn/TT	Giấy đề nghị thanh toán vốn của chủ đầu tư (áp dụng đối với dự án đầu tư công tại nước ngoài)
Mẫu số 04.b/TT	Giấy đề nghị thu hồi vốn
Mẫu số 04.b.nn/TT	Giấy đề nghị thanh toán vốn của cơ quan chủ quản (áp dụng đối với dự án đầu tư công tại nước ngoài)
Mẫu số 04.c/TT	Giấy đề nghị thu hồi vốn ứng trước
Mẫu số 05.a/TT	Giấy rút vốn
Mẫu số 05.b/TT	Ủy nhiệm chi
Mẫu số 05.c/TT	Ủy nhiệm chi (ngoại tệ)
Mẫu số 05.d/TT	Ủy nhiệm chi nộp thuế
Mẫu số 05.e/TT	Ủy nhiệm chi (Dùng trong trường hợp chủ dự án đề nghị trích tài khoản ngoại tệ thanh toán cho nhà cung cấp bằng loại tiền khác)
Mẫu số 06/TT	Giấy rút vốn kiêm thu ngân sách nhà nước (áp dụng trong trường hợp chi từ tài khoản tạm giữ ngoại tệ)
Mẫu số 07/TT	Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ

Mẫu số 08.a/SDTU	Báo cáo tổng hợp tình hình tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng (của chủ đầu tư, đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư).
Mẫu số 08.b/SDTU	Báo cáo tổng hợp tình hình tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng (của cơ quan kiểm soát, thanh toán).
Mẫu số 09/QLDA	Bảng phân bổ chi phí quản lý dự án đề nghị thanh toán hoàn tạm ứng chi phí quản lý dự án
Mẫu số 10/CT	Danh mục các dự án đầu tư công đề nghị cấp vốn

(Kèm theo văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của ...)

[illegible]

[illegible]

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến xã)	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (*)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 20...-20...	Ước lấy kế giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (không bao gồm số đã nộp NSNN)	Kế hoạch đầu tư công năm...			Ghi chú
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó		
									Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2.1	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực (vốn trong nước)															
	- Ngành, lĩnh vực...															
	Dự án...															
2.2	Vốn nước ngoài, trong đó:															
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi															
	Ngành, lĩnh vực...															
	Dự án...															
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước															
	Ngành, lĩnh vực...															
	Dự án...															
2.3	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia															
	Chương trình mục tiêu quốc gia ...															
	Dự án															
	Vốn trong nước															
	Vốn nước ngoài, trong đó:															
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi															
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước															
	Chương trình mục tiêu quốc gia ...															
2.4	Vốn ngân sách trung ương bổ sung ngoài kế hoạch được giao (nếu có)															
	Nguồn vốn...															
	Dự án...															
II	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư															
	Nguồn...															
	Nguồn...															

Ghi chú: - (*) Ghi theo Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng.

- Vốn ngân sách trung ương bổ sung ngoài kế hoạch được giao là vốn bổ sung từ nguồn dự phòng, tăng thu...

..., ngày ... tháng ... năm ...
LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

CƠ QUAN BÁO CÁO

**PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG
NĂM...**

(Kèm theo văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của ...)

Đơn vị: triệu đồng

[illegible]

[illegible]

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến xã)	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (*)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 20...- 20...	Ước lấy kế giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (không bao gồm số đã nộp NSNN)	Kế hoạch đầu tư công năm...			Kế hoạch chi ngoại tệ năm ... (quy ra USD)
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
									Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước (không bao gồm số đã nộp NSNN)							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2.1	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực (vốn trong nước)															
	- Ngành, lĩnh vực...															
	Dự án...															
2.2	Vốn nước ngoài, trong đó:															
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi															
	Ngành, lĩnh vực...															
	Dự án...															
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước															
	Ngành, lĩnh vực...															
	Dự án...															
2.3	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia															
	Chương trình mục tiêu quốc gia ...															
	Dự án															
	Vốn trong nước															
	Vốn nước ngoài, trong đó:															
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi															
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước															
	Chương trình mục tiêu quốc gia ...															
2.4	Vốn ngân sách trung ương bổ sung ngoài kế hoạch được giao (nếu có)															
	Nguồn vốn...															
	Dự án...															
II	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư															
	Nguồn...															
	Nguồn...															

Ghi chú: - (*) Ghi theo Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng.

- Vốn ngân sách trung ương bổ sung ngoài kế hoạch được giao là vốn bổ sung từ nguồn dự phòng, tăng thu...

o

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

..., ngày ... tháng ... năm ...
LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

(Kèm theo văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của ...)

[illegible]

[illegible]

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến xã)	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (logi, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (*)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 20...-20...	Lấy kế giải ngân từ khi công đến hết kế hoạch năm trước (không bao gồm số đã nộp NSNN)	Kế hoạch đầu tư công năm...			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch đầu tư công năm ... sau điều chỉnh			Ghi chú
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản			Tổng số	Trong đó		
									Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước									Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	Ngành, lĩnh vực...																				
	Dự án...																				
2.3	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia																				
	Chương trình mục tiêu quốc gia ...																				
	Dự án																				
	Vốn trong nước																				
	Vốn nước ngoài, trong đó:																				
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi																				
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																				
	Chương trình mục tiêu quốc gia ...																				
2.4	Vốn ngân sách trung ương bổ sung ngoài kế hoạch được giao (nếu có)																				
	Nguồn vốn...																				
	Dự án...																				
II	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư																				
	Nguồn...																				
	Nguồn...																				

Ghi chú: - (*) Ghi theo Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng.

- Vốn ngân sách trung ương bổ sung ngoài kế hoạch được giao là vốn bổ sung từ nguồn dự phòng, tăng thu...

..., ngày ... tháng ... năm 20...

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

(Kèm theo công văn số ... ngày ... tháng ... năm ... của ...)

[illegible]

[illegible]

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ liệt đến xã)	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (*)			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 20...-20...	Ước tầy kế giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (không bao gồm số đã nộp NSNN)	Kế hoạch vốn đầu tư năm...			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn đầu tư sau điều chỉnh năm...			Kế hoạch chi ngoại tệ năm ... (Quy ra USD)			
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó	
									Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ XDCB				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ XDCB				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22			
2.2	Vốn nước ngoài, trong đó:																							
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi																							
	Ngành, lĩnh vực...																							
	Dự án...																							
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																							
	Ngành, lĩnh vực...																							
	Dự án...																							
2.3	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia																							
	Chương trình mục tiêu quốc gia...																							
	Dự án																							
	Vốn trong nước																							
	Vốn nước ngoài, trong đó:																							
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi																							
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																							
	Chương trình mục tiêu quốc gia ...																							
2.4	Vốn ngân sách trung ương bổ sung ngoài kế hoạch được giao (nếu có)																							
	Nguồn...																							
	Dự án																							
II	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định																							
	Nguồn...																							
	Nguồn...																							

Ghi chú: - (*) Ghi theo Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng.

- Vốn ngân sách trung ương bổ sung ngoài kế hoạch được giao là vốn bổ sung từ nguồn dự phòng, tăng thu...

..., ngày ... tháng ... năm ...
LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN HỢP ĐỒNG

Căn cứ hợp đồng ký kết (đã có hiệu lực) giữa chủ đầu tư và nhà thầu

Đơn vị: đồng, ngoại tệ

STT	Chi tiêu	Thông tin hợp đồng lần đầu	Thông tin hợp đồng điều chỉnh lần 1	Thông tin hợp đồng điều chỉnh lần 2	Thông tin hợp đồng điều chỉnh lần 3	Thông tin hợp đồng điều chỉnh lần 4	Thông tin hợp đồng điều chỉnh lần	Ghi chú
I	Thông tin chung							
1	Hợp đồng							
1.1	Số Hợp đồng							
1.2	Ngày, tháng, năm ký hợp đồng							
1.3	Loại hợp đồng							
1.4	Ngày hiệu lực của hợp đồng							
1.5	Thời gian thực hiện hợp đồng							Điền bằng chữ hoặc số
2	Tên Dự án/gói thầu							
2.1	Tên dự án							
2.2	Tên gói thầu (Nếu có)							
2.3	Mã dự án đầu tư							
3	Chủ đầu tư:							
3.1	Tên giao dịch							
3.2	Đại diện							
3.3	Địa chỉ:							
3.4	Tài khoản tại NHTM							
3.5	Mã số thuế:							
3.6	Cơ quan quản lý thuế							
4	Nhà thầu (liên danh, thầu phụ, liên doanh)							
4.1	Nhà thầu chính (tên giao dịch)							
4.1.1	Đại diện							
4.1.2	Địa chỉ:							
4.1.3	Tài khoản tại KBNN/NH							
4.1.4	Mã số thuế							
4.1.5	Cơ quan quản lý thuế							
4.2	Nhà thầu phụ (tên giao dịch)							
4.2.1	Đại diện							
4.2.2	Địa chỉ:							
4.2.3	Tài khoản tại KBNN/NH							
4.2.4	Mã số thuế							
4.2.5	Cơ quan quản lý thuế							
4.3	Nhà thầu liên danh/liên doanh...							
4.3.1	Đại diện							
4.3.2	Địa chỉ:							
4.3.3	Tài khoản tại KBNN/NH							
4.3.4	Mã số thuế							
4.3.5	Cơ quan quản lý thuế							
II	Thông tin chi tiết							
+	Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng							
++	Bảo lãnh tiền tạm ứng (đính kèm)							
2	Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán							
2.1	Giá trị hợp đồng							
2.1.1	Giá trị hợp đồng tương ứng với Nhà thầu...							
2.1.2	Giá trị hợp đồng tương ứng với Nhà thầu...							
2.2	Đối với hợp đồng thuê tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: thông tin về kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư							
2.3	Đối với trường hợp ủy quyền quản lý dự án: thông tin về phạm vi ủy quyền							
2.2	Quản lý Tạm ứng và thu hồi tạm ứng							
2.2.1	Mức vốn tạm ứng							
2.2.2	Thời điểm tạm ứng lần đầu							
2.2.2	Đối với hợp đồng thi công xây dựng có GPMB: Kế hoạch GPMB hoặc Biên bản bàn giao mặt bằng 1 phần hoặc toàn bộ (đính kèm).							
2.3	Thu hồi tạm ứng							Ghi các nội dung có trong hợp đồng về thu hồi tạm ứng
2.3.1	Cáo điều khoản được quy định trong hợp đồng. (ghi các nội dung có trong hợp đồng để đảm bảo cho việc thu hồi hết tạm ứng theo quy định)							
2.4	Thanh toán							

STT	Chỉ tiêu	Thông tin hợp đồng lần đầu	Thông tin hợp đồng điều chỉnh lần 1	Thông tin hợp đồng điều chỉnh lần 2	Thông tin hợp đồng điều chỉnh lần 3	Thông tin hợp đồng điều chỉnh lần 4	Thông tin hợp đồng điều chỉnh lần	Ghi chú
2.4	Quy định về tạm giữ chữ quyết toán hoàn thành dự án (nếu có)							
3	Bảo hiểm và bảo hành công trình							
3.1	Bảo hiểm							
3.2	Bảo hành công trình							
3.3	Thông tin chi tiết số văn bản bảo lãnh bảo hành của tổ chức tín dụng trong trường hợp hợp đồng quy định hình thức bảo lãnh để đảm bảo bảo hành.							
4	Quy định về việc sử dụng chứng chỉ thanh toán tạm thời đối với dự án sử dụng vốn nước ngoài (nếu có)							
5	Thỏa thuận về đặt cọc đối với hợp đồng mua bán nhà, đất của dự án tại nước ngoài							

....., ngàytháng.....năm.....

NHÀ THẦU
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngàytháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

HƯỚNG DẪN

1. Cột “Thông tin lần đầu” “Thông tin điều chỉnh”...: ghi thông tin bằng chữ hoặc ghi số tiền cụ thể của chỉ tiêu tại dòng ngang, cập nhật đầy đủ bao gồm cả thông tin tại phụ lục hợp đồng nếu có. Đối với những thông tin không điều chỉnh, đề nghị ghi rõ là “không điều chỉnh”.

2. Giá trị hợp đồng: là giá trị mà chủ đầu tư và nhà thầu đã ký kết tại hợp đồng đã có hiệu lực theo quy định của pháp luật).

3. Mục 3.3.1 - Các điều khoản được quy định trong hợp đồng: kê chi tiết theo các nội dung quy định tại Hợp đồng về các nội dung khác (ngoài mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng lần đầu) đảm bảo việc thu hồi hết tạm ứng.

CHỦ ĐẦU TƯ**BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN DỰ TOÁN**

(Áp dụng riêng cho từng nội dung (1) Nhiệm vụ quy hoạch; (2) Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư; (3) Nhiệm vụ khác; (4) Dự toán chi phí thực hiện dự án; (5) Chi phí quản lý dự án theo từng dự án; (6) Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư; (7) Chi phí khác)

Tên dự án:....

Mã dự án:...

Căn cứ văn bản phê duyệt dự toán số ... ngày... về việc phê duyệt dự toán ...

Đơn vị: đồng, ngoại tệ

stt	Chỉ tiêu	Thông tin lần đầu	Thông tin điều chỉnh lần 1	Thông tin điều chỉnh lần 2	Thông tin điều chỉnh lần 3	Thông tin điều chỉnh lần 4	Thông tin điều chỉnh lần lần 8	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Thông tin chung							
1	Quyết định, văn bản phê duyệt dự toán							
1,1	Số Quyết định, văn bản của							
1,2	Ngày quyết định							
1,3	Giá trị dự toán được duyệt							
2	Chủ đầu tư; Đơn vị, tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư							
2,1	Tên giao dịch							
2,2	Đại diện							
2,3	Địa chỉ:							
2,4	Tài khoản tại NH							
2,5	Mã số thuế:							
II	Thông tin chi tiết							
1	Nhiệm vụ							
	Giá trị dự toán Công việc A							
	Giá trị dự toán Công việc B							
	Chi phí tính theo tỷ lệ phần trăm (nếu có)							
2	Thực hiện dự án							
	Giá trị dự toán Công việc A							
	Giá trị dự toán Công việc B							
	Chi phí tính theo tỷ lệ phần trăm (nếu có)							
3	Chi phí Quản lý dự án							
	Giá trị dự toán Công việc A							
	Giá trị dự toán Công việc B							
	Chi phí tính theo tỷ lệ phần trăm (nếu có)							
4	Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường tái định cư							
	Giá trị dự toán Công việc A							
	Giá trị dự toán Công việc B							
	Chi phí tính theo tỷ lệ phần trăm (nếu có)							
5	Chi phí khác							
	...							

....., ngàytháng.....năm.....

CHỦ ĐẦU TƯ/ ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

HƯỚNG DẪN

1. Cột "Thông tin lần đầu" "Thông tin điều chỉnh"...: ghi thông tin bằng chữ hoặc ghi số tiền cụ thể của chỉ tiêu tại dòng ngang. Đối với những thông tin không điều chỉnh, đề nghị ghi rõ là "không điều chỉnh".
2. Chỉ tiêu "Công việc A, B": ghi chi tiết tên công việc trong Quyết định, văn bản phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền; tương ứng cột "Thông tin lần đầu, Thông tin điều chỉnh" ghi số tiền dự toán của hạng mục công việc.

**CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC THỰC
HIỆN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI
ĐỊNH CƯ**

BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Căn cứ Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc Quyết định đầu tư dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư .

Đơn vị: đồng

stt	Chỉ tiêu	Thông tin lần đầu	Thông tin điều chỉnh lần 1	Thông tin điều chỉnh lần 2	Thông tin điều chỉnh lần 3	Thông tin điều chỉnh lần 4	Thông tin điều chỉnh lần	Ghi chú
1	Thông tin Dự án							
	Tên dự án							Diễn bằng chữ
	Mã dự án đầu tư							Diễn bằng số
2	Thông tin về phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư							
2.1	Số Quyết định							
2.2	Ngày quyết định							
3	Thông tin của chủ đầu tư và đơn vị, tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư							
3.1	<i>Tên Chủ đầu tư</i>							
	<i>Đại diện</i>							
	<i>Địa chỉ:</i>							
	<i>Tài khoản:</i>							
	<i>Mã số thuế:</i>							
3.2	<i>Tên đơn vị, tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư</i>							
	<i>Đại diện</i>							
	<i>Địa chỉ:</i>							
	<i>Tài khoản:</i>							
	<i>Mã số thuế:</i>							
4	Thông tin về kinh phí bồi thường hỗ trợ và tái định cư							
4.1	Phần kinh phí Chủ đầu tư thực hiện							
4.1.1	Tiền bồi thường hỗ trợ tái định cư (gồm chi trả người dân và chi phí khác)							
4.1.2	Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư							
4.1.3	Chi phí khác ngoài mục 4.1.1 và 4.1.2 nêu trên							
4.2	Phần kinh phí do đơn vị, tổ chức thực hiện bồi thường thực hiện							
4.2.1	Tiền bồi thường hỗ trợ tái định cư (gồm chi trả người dân và chi phí khác)							
4.2.2	Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường tái định cư							
4.2.3	Chi phí khác ngoài mục 4.2.1 và 4.2.2 nêu trên.							

....., ngàytháng.....năm.....

**CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC THỰC
HIỆN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI
ĐỊNH CƯ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

HƯỚNG DẪN

1. Đơn vị, tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư có trách nhiệm lập Bảng tổng hợp thông tin bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do đơn vị, tổ chức thực hiện.
2. Trường hợp chủ đầu tư tự thực hiện và trường hợp chủ đầu tư và đơn vị, tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cùng thực hiện thì chủ đầu tư có trách nhiệm lập Bảng; chủ đầu tư ghi phần kinh phí được giao tương ứng của chủ đầu tư và đơn vị, tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại mục 4.1 và 4.2.
3. Đối với những thông tin không điều chỉnh, đề nghị ghi rõ là "không điều chỉnh".

**CHỦ ĐẦU TƯ/BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN/ ĐƠN VỊ, TỔ
CHỨC LÀM NHIỆM VỤ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÁI
ĐỊNH CƯ**

Mẫu số 03.a/TT

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

Tên dự án:

Mã dự án:

Căn cứ Bảng thông tin của Hợp đồng số...

Căn cứ Bảng thông tin Dự toán số...

Chủ đầu tư:...

Nhà thầu (đơn vị thực hiện trong trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng):

Thanh toán lần thứ: ...

Căn cứ Biên bản nghiệm thu số.... Ngày... tháng ... năm...

Đơn vị tính: Đồng, ngoại tệ

STT	Chỉ tiêu	Giá trị hợp đồng/dự toán	Giá trị KLHT chưa thanh toán đến hết kỳ trước	Giá trị KLHT nghiệm thu trong kỳ này	Giá trị KLHT đề nghị thanh toán kỳ này	Giá trị KLHT chưa thanh toán đến hết kỳ này	Lấy kế giá trị KLHT đã thanh toán đến hết kỳ trước	Lấy kế giá trị KLHT đã thanh toán đến hết kỳ này	Ghi chú
I	2	3	4	5	6	7=4+5-6	8	9=8+6	10
I	Công việc thực hiện thông qua hợp đồng								
II	Công việc thực hiện không thông qua hợp đồng (không bao gồm kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; không bao gồm chi phí quản lý dự án)								
	Công việc A								
	Công việc B								
III	Chi phí đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư								Chi phí thuộc mục 4.1.2 và 4.2.2 tại Bảng tổng hợp thông tin về phương án đền bù, hỗ trợ và tái định cư
IV	Chi phí quản lý dự án								
	Công việc A								
	Công việc B								

1. Giá trị tạm ứng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:...

2. Thanh toán đề thu hồi tạm ứng:..

3. Giá trị đề nghị giải ngân kỳ này:..... Số tiền bằng chữ....(là số tiền đề nghị giải ngân kỳ này), trong đó:

- Tạm ứng:

- Thanh toán khối lượng hoàn thành: ...

4. Lấy kế giá trị giải ngân:, trong đó:

- Tạm ứng:

- Thanh toán khối lượng hoàn thành: ...

....., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU (ĐƠN VỊ THỰC HIỆN)
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

**CHỦ ĐẦU TƯ/BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN/ ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC LÂM NHIỆM VỤ BỒI
THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI ĐỊNH CỤ**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

HƯỚNG DẪN

1. Giá trị tạm ứng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:

là số tiền mà chủ đầu tư đã tạm ứng cho nhà thầu theo điều khoản của hợp đồng (hoặc đã tạm ứng trực tiếp cho chủ đầu tư trường hợp tự thực hiện hoặc đã tạm ứng cho các tổ chức, đơn vị thực hiện các công việc không thông qua hợp đồng) chưa được thu hồi đến cuối kỳ trước.

2. Lũy kế giá trị đã thanh toán KLHT từ khởi công đến trước kỳ này: là số tiền mà chủ đầu tư đã thanh toán cho nhà thầu (trực tiếp cho chủ đầu tư trường hợp tự thực hiện hoặc cho các tổ chức, đơn vị thực hiện các công việc không thông qua hợp đồng) phần giá trị khối lượng đã hoàn thành đến cuối kỳ trước (không bao gồm số tiền đã tạm ứng).

3. Lũy kế giá trị KLHT từ khởi công đến cuối kỳ này: là lũy kế giá trị khối lượng thực hiện theo hợp đồng (hoặc theo dự toán trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng) đến cuối kỳ trước cộng với giá trị khối lượng thực hiện theo hợp đồng (hoặc theo dự toán) trong kỳ phù hợp với biên bản nghiệm thu đề nghị thanh toán. Trường hợp không đủ kế hoạch vốn để thanh toán hết giá trị khối lượng đã được nghiệm thu ghi trong Bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành, thì sẽ chuyển sang kỳ sau thanh toán tiếp, không phải lập lại Bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành mà chỉ lập giấy đề nghị thanh toán.

4. Thanh toán để thu hồi tạm ứng: là số tiền mà chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất thanh toán để thu hồi một phần hay toàn bộ số tiền tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước (khoản 1 Mẫu số 03a/TT) theo điều khoản thanh toán của hợp đồng đã ký kết (chuyển từ tạm ứng thành thanh toán khối lượng hoàn thành).

Thanh toán thu hồi tạm ứng trong trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng: là số tiền mà chủ đầu tư thu hồi một phần hay toàn bộ số tiền tạm ứng theo dự toán còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước (khoản 1 Mẫu số 03a/TT) (chuyển từ tạm ứng thành thanh toán khối lượng hoàn thành).

5. Giá trị đề nghị giải ngân kỳ này: là số tiền mà chủ đầu tư đề nghị cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện thanh toán cho nhà thầu theo điều khoản thanh toán của hợp đồng đã ký kết (sau khi trừ số tiền thu hồi tạm ứng tại khoản 2 Mẫu số 03a/TT). Trong đó gồm tạm ứng (nếu có) và thanh toán khối lượng hoàn thành.

Giá trị đề nghị giải ngân kỳ này trong trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng: là số tiền mà chủ đầu tư đề nghị cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện thanh toán cho chủ đầu tư hoặc đơn vị thực hiện theo dự toán được duyệt (sau khi trừ số tiền thu hồi tạm ứng tại khoản 2 Mẫu số 03a/TT). Trong đó gồm tạm ứng (nếu có) và thanh toán khối lượng hoàn thành.

(Lưu ý: Giá trị đề nghị thanh toán lũy kế trong năm kế hoạch đến cuối kỳ này không được vượt kế hoạch vốn đã bố trí cho công việc hoặc dự án trong năm kế hoạch)

6. Lũy kế giá trị giải ngân gồm 2 phần:

- Tạm ứng: Giá trị tạm ứng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước (khoản 1 Mẫu số 03a/TT) trừ thu hồi tạm ứng (khoản 2 Mẫu số 03a/TT) cộng phần tạm ứng (nếu có) của khoản 3 Mẫu số 03a/TT.

- Thanh toán khối lượng hoàn thành: là số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến hết kỳ trước cộng với thu hồi tạm ứng (khoản 2 Mẫu số 03a/TT), cộng phần thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành kỳ này (khoản 3 Mẫu số 03a/TT).

7. Đơn vị tiền là ngoại tệ áp dụng đối với dự án đầu tư công tại nước ngoài.

8. Trường hợp chủ đầu tư, ban quản lý dự án trực tiếp quản lý nhiều dự án: Chi phí quản lý dự án kế khối lượng công việc quản lý dự án đã thực hiện tương ứng với Dự án.

**CHỦ ĐẦU TƯ/ ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC
LÀM NHIỆM VỤ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
TÁI ĐỊNH CƯ**

BẢNG KÊ GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC ĐỀN BÙ, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ ĐÃ THỰC HIỆN

Tên dự án:

Mã dự án:

Căn cứ Bảng tổng hợp thông tin Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư số....

Đơn vị, tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư

Thanh toán lần thứ: ...

Đơn vị: đồng, ngoại tệ

STT	Nội dung	Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư		Lũy kế số tiền đã chi trả cho đơn vị thụ hưởng đến trước kỳ này	Số tiền đã chi trả cho đơn vị thụ hưởng trong kỳ này	Ghi chú
		Số ngày, tháng, năm	Số tiền			
1	2	3	4	4a	5	7
I.	Tiền bồi thường hỗ trợ tái định cư (gồm chi trả người dân và chi phí khác)					Chi phí thuộc mục 4.1.1 và 4.2.1 tại Bảng tổng hợp thông tin về phương án đền bù, hỗ trợ và tái định cư
1.	Tổng số tiền thanh toán cho các cơ quan, tổ chức					
2.	Tổng số tiền thanh toán trực tiếp cho hộ dân					
II.	Chi phí khác					Chi phí thuộc mục 4.1.3 và 4.2.3 tại Bảng thông tin về phương án đền bù, hỗ trợ và tái định cư

....., ngàytháng.....năm.....

**CHỦ ĐẦU TƯ/ ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC LÀM
NHIỆM VỤ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH
CƯ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

HƯỚNG DẪN

1. Về phương pháp ghi chép:

Bảng kê giá trị khối lượng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện được lập cho từng dự án. Trường hợp một dự án có nhiều phương án bồi thường được duyệt thì kê theo từng phương án bồi thường được duyệt, trong phạm vi số tiền thanh toán, chi trả cho các đối tượng thụ hưởng, người dân thuộc cùng một dự án. Các nội dung chi tiêu (cột 2) ghi theo tổng số.

2. Về chữ ký của các thành phần tham gia:

- Trường hợp chủ đầu tư trực tiếp chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (không thông qua tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư) thì phần chữ ký chỉ yêu cầu chữ ký của chủ đầu tư (không yêu cầu chữ ký của tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư).
- Trường hợp chủ đầu tư thực hiện thủ tục tạm ứng/thanh toán với cơ quan thanh toán để chuyển tiền cho đơn vị, tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, phần chữ ký, đóng dấu gồm: chủ đầu tư và tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

3. Đơn vị tiền là ngoại tệ áp dụng đối với dự án đầu tư công tại nước ngoài.

CHỦ ĐẦU TƯ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN

Kính gửi: ... (cơ quan thanh toán).

Tên dự án, công trình: ... Mã dự án đầu tư: ...

Chủ đầu tư/Ban QLDA: ... Mã số ĐVSDNS: ...

Năm ngân sách: ...

Số tài khoản của chủ đầu tư: - Vốn ... tại: ...

- Vốn ... tại ...

- ...

Căn cứ hợp đồng số: ... ngày ... tháng ... năm ... Phụ lục bổ sung hợp đồng số ... ngày ... tháng ... năm ...;

Căn cứ quyết định phê duyệt dự toán số ... ngày ... tháng ... năm ...;

Căn cứ bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành đề nghị thanh toán số: ... ngày ... tháng ... năm

~~Luỹ kế giá trị khối lượng nghiệm thu của hạng mục đề nghị thanh toán: ... đồng.~~

Số dư tạm ứng của hạng mục đề nghị thanh toán: ... đồng.

Số tiền đề nghị: ...	Tạm ứng	Thanh toán	Theo bảng dưới đây (khung nào không sử dụng thì gạch chéo)
----------------------	---------	------------	--

Thuộc nguồn vốn: ...

Thuộc kế hoạch: ... năm ...

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt hoặc giá trị hợp đồng	Luỹ kế số vốn đã thanh toán từ khởi công đến cuối kỳ trước (gồm cả tạm ứng)		Số đề nghị tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành kỳ này (gồm cả thu hồi tạm ứng)	
		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
Ghi tên công việc, hạng mục hoặc hợp đồng đề nghị thanh toán hoặc tạm ứng					

Cộng tổng					
------------------	--	--	--	--	--

Tổng số tiền đề nghị tạm ứng, thanh toán bằng số: ...

Bằng chữ: ...

Trong đó:

- Thanh toán đề thu hồi tạm ứng (bằng số): ...

+ Vốn trong nước: ...

+ Vốn nước ngoài: ...

- Thuế giá trị gia tăng: ...

- Chuyển tiền bảo hành (bằng số): ...

- Chuyển tiền tạm giữ chờ quyết toán (bằng số): ...

- Số trả nhà thầu/ đơn vị thực hiện (bằng số): ...

+ Vốn trong nước: ...

+ Vốn nước ngoài: ...

Tên đơn vị thụ hưởng: ...

Số tài khoản đơn vị thụ hưởng: ... tại: ...

KÊ TOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ/

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN THANH TOÁN

Ngày nhận giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư: ...

Cơ quan thanh toán chấp nhận	Tạm ứng	Thanh toán	Theo nội dung sau:
---------------------------------	---------	------------	--------------------

(Khung nào không sử dụng thì gạch chéo)

Đơn vị: đồng/USD...

Nội dung	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
Số vốn chấp nhận			
- Mục..., tiêu mục			
- Mục..., tiêu mục			
- Mục..., tiêu mục			
- Mục..., tiêu mục			
Trong đó:			
- Số thu hồi tạm ứng			
Các năm trước			
Năm nay			
- Thuế giá trị gia tăng			
- ...			
- Số trả đơn vị thụ hưởng			
Bảng chữ:			
Số từ chối:			
Lý do : ...			

Ghi chú: ...

NGƯỜI THANH TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO PHÒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN THANH TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

CHỦ ĐẦU TƯ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN

Kính gửi: ... (cơ quan chủ quản).

Tên dự án, công trình: ... Mã dự án đầu tư: ...

Chủ đầu tư/Ban QLDA: ... Mã số ĐVSDNS: ...

Năm ngân sách: ...

Số tài khoản của chủ đầu tư: - Vốn ... tại: ...

- Vốn ... tại ...

- ...

Căn cứ hợp đồng số: ... ngày ... tháng ... năm ... Phụ lục bổ sung hợp đồng số ... ngày ... tháng ... năm ... (nếu có);

Căn cứ Quyết định phê duyệt dự toán số ... ngày ... tháng ... năm ...;

Căn cứ bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành đề nghị thanh toán số: ... ngày ... tháng ... năm

Luỹ kế giá trị khối lượng nghiệm thu của hạng mục đề nghị thanh toán: ... đồng.

Số dư tạm ứng của hạng mục đề nghị thanh toán: ... đồng.

Số tiền đề nghị: ...	Tạm ứng	Thanh toán	Theo bảng dưới đây (khung nào không sử dụng thì gạch chéo)
----------------------	---------	------------	--

Thuộc nguồn vốn: ...

Thuộc kế hoạch: ... năm ...

Đơn vị: ngoại tệ

Nội dung	Dự toán được duyệt hoặc giá trị hợp đồng	Luỹ kế số vốn đã thanh toán từ khởi công đến cuối kỳ trước (gồm cả tạm ứng)		Số đề nghị tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành kỳ này (gồm cả thu hồi vốn tạm ứng)	
		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
Ghi tên công việc, hạng mục hoặc hợp đồng đề nghị thanh toán hoặc tạm ứng					

Cộng tổng					
------------------	--	--	--	--	--

Tổng số tiền đề nghị tạm ứng, thanh toán bằng số: ...

Bằng chữ: ...

Trong đó:

- Thanh toán để thu hồi tạm ứng (bằng số): ...

+ Vốn trong nước: ...

+ Vốn nước ngoài: ...

- Thuế giá trị gia tăng: ...

- Chuyển tiền bảo hành (bằng số): ...

- Chuyển tiền tạm giữ chờ quyết toán (bằng số): ...

- Số trả nhà thầu/ đơn vị thực hiện (bằng số): ...

+ Vốn trong nước: ...

+ Vốn nước ngoài: ...

Tên đơn vị thụ hưởng: ...

Số tài khoản đơn vị thụ hưởng: ... tại: ...

KẾ TOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Không ghi vào
khu vực này
hoặc mã QR
code (nếu có)
của cơ quan
thanh toán vốn
đầu tư

Số: ... Năm ngân sách: ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ THU HỒI VỐN

Tạm ứng sang thực chi ☐ Ứng trước chưa đủ điều kiện ĐKTT sang ứng trước đủ ĐKTT ☐

Tên dự án: ...

Chủ đầu tư: ... Mã ĐVQHNS: ...

Tài khoản: ... tại cơ quan thanh toán: ...

Tên CTMT, DA: ...

Mã CTMT, DA: ... số CKC, ~~HDTH~~ ...

Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán vốn: ... ngày .../.../...

Và số dư tạm ứng/ứng trước của dự án: ...

Đề nghị cơ quan thanh toán ... thanh toán để thu hồi số tiền đã tạm ứng ☐ / ứng trước chưa đủ ĐKTT ☐ thành thực chi ☐ / ứng trước đủ ĐKTT ☐ theo chi tiết sau:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm KHV	Số dư tạm ứng/ ứng trước	Số đề nghị thanh toán	Số cơ quan thanh toán duyet thanh toán
Tổng cộng:								

Tổng số tiền ghi bằng chữ: ...

KÊ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi họ tên)

Ngày ... tháng ... năm

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

PHẦN CƠ QUAN THANH TOÁN GHI:

Số tiền bằng chữ : ...

Ngày ... tháng ... năm ...

KÊ TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

KÊ TOÁN
TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO CƠ
QUAN THANH TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHẦN CƠ QUAN, THANH TOÁN GHI

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Mã ĐBHC: ...

CƠ QUAN CHỦ QUẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN

Kính gửi: ... (cơ quan thanh toán).

Tên dự án, công trình: ... Mã dự án đầu tư: ...

Chủ đầu tư/Ban QLDA: ... Mã số ĐVSDNS: ...

Số tài khoản của chủ đầu tư: - Vốn ... tại: ...

- Vốn ... tại ...

- ...

Căn cứ hợp đồng số: ... ngày ... tháng ... năm ... Phụ lục bổ sung hợp đồng số ... ngày ... tháng ... năm ... (nếu có);

Căn cứ Quyết định phê duyệt dự toán số ... ngày ... tháng ... năm ...;

Căn cứ bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành đề nghị thanh toán số: ... ngày ... tháng ... năm ...

Luỹ kế giá trị khối lượng nghiệm thu của hạng mục đề nghị thanh toán: ... đồng.

Số dư tạm ứng của hạng mục đề nghị thanh toán: ... đồng.

Số tiền đề nghị: ...	Tạm ứng	Thanh toán	Theo bảng dưới đây (khung nào không sử dụng thì gạch chéo)
----------------------	---------	------------	--

Thuộc nguồn vốn: ...

Thuộc kế hoạch: ... năm ...

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt hoặc giá trị hợp đồng	Luỹ kế số vốn đã thanh toán từ khởi công đến cuối kỳ trước (gồm cả tạm ứng)		Số đề nghị tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành kỳ này (gồm cả thu hồi tạm ứng)	
		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
Ghi tên công việc, hạng mục hoặc hợp đồng đề nghị thanh toán hoặc tạm ứng					
Cộng tổng					

Tổng số tiền đề nghị tạm ứng, thanh toán bằng số: ...

Bằng chữ: ...

Trong đó:

- Thanh toán để thu hồi tạm ứng (bằng số): ...

+ Vốn trong nước: ...

+ Vốn nước ngoài: ...

- Thuế giá trị gia tăng: ...

- Chuyển tiền bảo hành (bằng số): ...

- Chuyển tiền tạm giữ chờ quyết toán (bằng số): ...

- Số trả nhà thầu/ đơn vị thực hiện (bằng số): ...

+ Vốn trong nước: ...

+ Vốn nước ngoài: ...

Tên đơn vị thụ hưởng: ...

Số tài khoản đơn vị thụ hưởng: ... tại: ...

KẾ TOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỦ QUẢN

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

PHÂN GHI CỦA CƠ QUAN THANH TOÁN

Ngày nhận giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư: ...

Cơ quan thanh toán chấp nhận	Tạm ứng	Thanh toán	Theo nội dung sau:
---------------------------------	---------	------------	--------------------

(Khung nào không sử dụng thì gạch chéo)

Đơn vị: đồng/USD...

Nội dung	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
Số vốn chấp nhận			
- Mục..., tiểu mục			
- Mục..., tiểu mục			
- Mục..., tiểu mục			
- Mục..., tiểu mục			
Trong đó:			
- Số thu hồi tạm ứng			
Các năm trước			
Năm nay			
- Thuế giá trị gia tăng			
- ...			
- Số trả đơn vị thụ hưởng			
Bằng chữ:			
Số từ chối:			
Lý do : ...			

Ghi chú: ...

NGƯỜI THANH TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO PHÒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN THANH TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Không ghi vào
khu vực này
hoặc mã QR
code (nếu có)
của cơ quan
thanh toán vốn
đầu tư

GIẤY ĐỀ NGHỊ THU HỒI ỨNG TRƯỚC VỐN ĐẦU TƯ

Mẫu số 04.c/TT

Ứng trước chưa đủ ĐKTT sang tạm ứng ☐

Số: Năm NS:

Ứng trước đủ ĐKTT sang thực chi ☐

Căn cứ số dư ứng trước kinh phí đầu tư thuộc kế hoạch năm đến ngày .../.../..... và Quyết định giao kế hoạch vốn số: ngày của

Đề nghị Kho bạc Nhà nước chuyển Ứng trước chưa đủ ĐKTT ☐ / Ứng trước đủ ĐKTT ☐ thành Tạm ứng ☐ / Thực chi ☐ theo chi tiết sau:

Tên dự án:

Chủ đầu tư: Mã ĐVQHNS:

Tài khoản: Tại KBNN:

Tên CTMT, DA:

Mã CTMT, DA:

STT	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm KHV	Số dư ứng trước	Số chuyển sang tạm ứng/thực chi
Tổng cộng							

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

KÊ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHÂN KHO BẠC NHÀ NƯỚC GHI

Tổng số tiền ghi bằng số:

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

Nợ TK
Có TK
Nợ TK
Có TK
Mã ĐBHC:

Ngày ... tháng ... năm

KÊ TOÁN

KÊ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Không ghi vào
khu vực này hoặc mã QR
code (nếu có) của cơ quan
thanh toán vốn đầu tư

GIẤY RÚT VỐN

Thực chi ☐ Tạm ứng ☐ Chuyển khoản ☐
 Ứng trước đủ điều kiện thanh toán Tiền mặt ... ☐
 Ứng trước chưa đủ điều kiện thanh toán

Tên dự án: ...
 Chủ đầu tư: ... Mã ĐVQHNS: ...
 Tài khoản: ... Tại cơ quan thanh toán: ...
 Tên CTMT, DA: ...
 Mã CTMT, DA: ...
 Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư số: ... ngày ... / ... / ...
 Nội dung thanh toán chung:

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm KHV	Tổng số tiền	Chia ra	
							Nộp thuế	Thanh toán cho ĐV hưởng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)
Tổng cộng:								

Tổng số tiền ghi bằng chữ: ...

Trong đó:

NỘP THUẾ:

Tên đơn vị (Người nộp thuế): ...

Mã số thuế: ... Mã NDKT: ... Mã
chương: ...

Cơ quan quản lý thu: ... Kỳ thuế: ...

Cơ quan thanh toán hạch toán khoản thu: ...

Tổng số tiền nộp thuế (ghi bằng chữ): ...

THANH TOÁN CHO ĐƠN VỊ HƯỞNG

Đơn vị nhận tiền: ...

Địa chỉ: ...

Tài khoản: ... Mã CTMT, DA và HTCT: ...

Tại cơ quan thanh toán /NH: ...

Hoặc người nhận tiền: ...

CMND/CCCD/CC/Hộ chiếu số: ... Cấp ngày: ... Nơi cấp: ...

Tổng số tiền thanh toán cho đơn vị hưởng (ghi bằng chữ):
...

Ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI LĨNH TIỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

KÊ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên, chức vụ, đóng dấu)

CƠ QUAN THANH TOÁN

Ngày ... tháng ... năm ...

THỦ QUÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

KÊ TOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

KÊ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN

THANH TOÁN

(Ký, ghi họ tên, chức vụ, đóng dấu)

PHẦN CƠ QUAN THANH TOÁN GHI

1. Nộp thuế:

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Mã CQ thu: ...

Mã ĐBHC: ...

2. Thanh toán cho ĐV hưởng:

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Mã ĐBHC: ...

Tên KBNN/NH nơi nhận tiền
mặt:

Không ghi vào
khu vực này hoặc mã
QR code (nếu có) của
cơ quan thanh toán
vốn đầu tư

ỦY NHIỆM CHI
Chuyển khoản ☐ Tiền mặt tại KB ☐
Tiền mặt tại NH ☐

Mẫu số 05.b/TT
Số chứng từ....
Năm NS....

Lập ngày ... tháng ... năm

Đơn vị trả tiền:

Địa chỉ:

Tại Kho bạc Nhà nước:

Tài khoản:

Mã nhà tài trợ:

Nội dung thanh toán chung:

Nội dung thanh toán	Mã nguồn NS	Niên độ NS	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng cộng			

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

Đơn vị nhận tiền:

Địa chỉ:

Tài khoản:

Tại Kho bạc Nhà nước/Ngân hàng:

Hoặc người nhận tiền:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: .. Cấp ngày: Nơi cấp:

KBNN A GHI:

Nợ TK:

Có TK:

Tên NH/KBNN nơi nhận
tiền mặt:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày.... tháng ... năm

Thủ Kế Kế toán Giám
quỹ toán trưởng đốc

Ngày ... tháng ... năm ...

Người nhận tiền
(Ký, ghi họ tên)

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN

Ngày.... tháng ... năm ...

Kế toán Chủ tài khoản
trưởng (Ký, ghi họ tên,
(Ký, ghi họ đóng dấu)
tên)

Không ghi vào
khu vực này hoặc mã
QR code (nếu có) của
cơ quan thanh toán
vốn đầu tư

ỦY NHIỆM CHI (ngoại tệ)
Chuyển khoản
Tiền mặt tại ngân hàng ☐ ☐

Mẫu số 05.c/TT
Số chứng từ....
Năm NS....

Lập ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị trả tiền:

Địa chỉ:

Tại Kho bạc Nhà nước:

Tài khoản:

Mã nhà tài trợ:

Nội dung thanh toán chung:

Nội dung thanh toán	Mã nguồn NSNN	Niên độ NS	Số tiền	
			Nguyên tệ	VND
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Tổng cộng:				

Tổng số tiền nguyên tệ ghi bằng chữ:

Tổng số tiền VNĐ ghi bằng chữ:

Đơn vị nhận tiền:

Địa chỉ:

Tài khoản: Tại KBNN/Ngân hàng:

Hoặc người nhận tiền:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: Cấp ngày: Nơi cấp:

KBNN A GHI:

Nợ TK:

Có TK:

Tên NH/KBNN nơi nhận
tiền mặt:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày.... tháng ... năm

Thủ
quỹ

Kế
toán

Kế toán
trưởng

Giám
đốc

Ngày ... tháng ...
năm ...

Người nhận tiền
(Ký, ghi họ tên)

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN

Ngày tháng ... năm ...

Kế toán
trưởng
(Ký, ghi họ tên)

Chủ tài khoản
(Ký, ghi họ tên,
đóng dấu)

Không ghi vào
khu vực này hoặc mã
QR code (nếu có) của
cơ quan thanh toán
vốn đầu tư

ỦY NHIỆM CHI
Lập ngày ... tháng ... năm ...
Chuyển khoản ☐
Tiền mặt ☐

Mẫu số 05.d/TT
Số chứng từ....
Năm NS....

Đơn vị trả tiền:

Địa chỉ:

Tại Kho bạc Nhà nước:

Tài khoản:

Nội dung thanh toán chung:

Nội dung thanh toán	Mã nguồn NSNN	Niên độ NS	Tổng số tiền	Chia ra	
				Nộp thuế	TT cho ĐV hưởng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)
Tổng cộng:					

Tổng số tiền ghi bằng chữ:.....

Trong đó:

NỘP THUẾ:

Tên đơn vị (Người nộp thuế):

Mã số thuế:..... Mã NDKT: Mã
chương:.....

Số Tờ khai/Quyết định/Thông báo:

Kỳ thuế/Ngày Tờ khai/Quyết định/Thông báo:

Cơ quan quản lý thu:Kỳ thuế

KBNN hạch toán khoản thu

Tổng số tiền nộp thuế (ghi bằng chữ):

THANH TOÁN CHO ĐƠN VỊ HƯỞNG

KBNN GHI

1. Nộp thuế:

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Mã CQ thu:

Mã ĐBHC:

**2. Thanh toán cho ĐV
hưởng:**

Nợ TK:

Có TK:

Tên NH/KBNN nơi nhận
tiền mặt:

Đơn vị nhận tiền:

Địa chỉ:

Tài khoản:Tại Kho bạc Nhà nước/NH:

Tổng số tiền thanh toán cho đơn vị hưởng (ghi bằng chữ):

Hoặc người nhận tiền: ...

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ... Cấp ngày: ... Nơi cấp: ...

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày ... tháng ... năm ...

Kế toán

Kế toán
trưởng

Giám đốc

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN

Ngày ... tháng ... năm ...

Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)

Chủ tài khoản
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Không ghi vào
khu vực này hoặc mã
QR code (nếu có) của
cơ quan thanh toán
vốn đầu tư

ỦY NHIỆM CHI

Mẫu số 05.e/TT
Số chứng từ....
Năm NS....

(Dùng trong trường hợp chủ dự án đề nghị trích tài khoản ngoại tệ thanh toán cho nhà cung cấp bằng loại tiền khác)

Chuyển khoản ☐ Tiền mặt tại KB ☐

Tiền mặt tại NH ☐

Lập ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị trả tiền:.....

Địa chỉ:

Tài khoản:

Tại Kho bạc Nhà nước:

Nội dung thanh toán chung:

Nội dung thanh toán	Số tiền
Tổng cộng	

Tổng số tiền đề nghị thanh toán ghi bằng chữ:

Đơn vị nhận tiền:

Địa chỉ:

Tài khoản:

Tại Kho bạc Nhà nước/NH:

Hoặc người nhận tiền:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: Cấp ngày: Nơi cấp:

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN

Ngày...tháng...năm...

Ngày...tháng...năm...

Người nhận tiền

(Ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Chủ tài khoản

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

PHẦN KBNN GHI:

Tỷ giá: Số tiền theo nguyên tệ:

Số tiền nguyên tệ bằng chữ:

.....

KBNN A GHI:

Nợ TK:

Có TK:

Tên NH/KBNN nơi nhận

tiền mặt:

Thủ quỹ

Kế toán

Ngày.... tháng..... năm

Kế toán trưởng

Giám đốc

Không ghi vào
khu vực này

BỘ NGOẠI GIAO
GIẤY RÚT VỐN KIỂM THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Dùng trong trường hợp chi từ tài khoản tạm giữ ngoại tệ)

Thực chi ☐

Tạm ứng ☐

Ứng trước đủ đk thanh toán ☐ Ứng trước chưa đủ đk thanh toán ☐

Năm ngân sách: ...

Tên dự án: ...

Chủ đầu tư: ...

Tài khoản: ... tại ... (cơ quan thanh toán)

Tên CTMT, DA: ...

Mã CTMT, DA: ...

Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư số: ... ngày .../.../...

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm KH	Loại ngoại tệ	Tỷ giá	Số tiền	
								Nguyên tệ	Quy ra VNĐ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Tổng cộng:									

Đồng thời ghi thu ngân sách nhà nước chi tiết như sau:

Cơ quan quản lý khoản thu: ...

Mã chương: ... Mã số thuế: ... Kỳ nộp phí, lệ phí: ...

Nội dung	Mã NDKT	Loại ngoại tệ	Tỷ giá	Số tiền	
				Nguyên tệ	Quy ra VNĐ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng cộng:					

**PHẦN CƠ QUAN
THANH TOÁN GHI**

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Mã ĐBHC: ...

Mã CQT: ...

Tổng số tiền nguyên tệ ghi bằng chữ: ...

Tổng số tiền VNĐ ghi bằng chữ: ...

CƠ QUAN THANH TOÁN

Ngày ... tháng ... năm

KẾ TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN
TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN
THANH TOÁN
(Ký, ghi họ tên,
chức vụ, đóng dấu)

BỘ NGOẠI GIAO

Ngày ... tháng ... năm

KẾ TOÁN
TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký, ghi họ tên,
chức vụ, đóng dấu)

Mẫu số 07/TT

Số chứng từ: ... Năm ngân sách: ...

Không ghi vào
khu vực này hoặc
mã QR code (nếu
có) của cơ quan
thanh toán vốn đầu
tư

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BẰNG NGOẠI TỆThực chi ☐Tạm ứng ☐Chuyển khoản ☐Tiền mặt ☐

Đơn vị rút dự toán: ...

Tài khoản: ...

Tại (cơ quan kiểm soát, thanh toán): ...

Tên CTMT, DA: ...

Mã CTMT, DA: ...

Số CKC, HDTH: ... Số CKC, HDK: ...

Người lĩnh tiền: ...

CMND/CCCD/CC/Hộ chiếu số: ... Cấp ngày: ... Nơi cấp: ...

Nội dung chi: ...

**PHÂN CƠ QUAN THANH
TOÁN GHI**

Mã ĐBHC: ...

1. Nợ TK: ...

Có TK: ...

2. Nợ TK: ...

Có TK: ...

Tỷ giá hoạch toán: ...

Chi tiết	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Ký hiệu ngoại tệ	Số tiền bằng ngoại tệ	Số tiền quy ra VNĐ
Tiền mặt:							
Phí ngân hàng:							
Tiền chuyển khoản							
Số tài khoản: ...							
Tên tài khoản: ...							
Tại ngân hàng: ...					SWIFT: ...		
Tên ngân hàng trung gian: ...					SWIFT: ...		
Tổng cộng:							

Tổng số tiền nguyên tệ ghi bằng chữ: ...

Tổng số tiền VNĐ ghi bằng chữ: ...

Phần cơ quan kiểm soát, thanh toán duyệt chi:

Kính gửi: Ngân hàng ...

(Cơ quan kiểm soát, thanh toán) đề nghị Ngân hàng ...

Trích tài khoản số: ... của (cơ quan kiểm soát, thanh toán) ...

Số tiền nguyên tệ ghi bằng số: ...

Ghi bằng chữ: ...

Chi tiết	Ký hiệu ngoại tệ	Số tiền nguyên tệ	Số tiền quy ra VNĐ
Tiền mặt:			
Phí ngân hàng:			
Tiền chuyển khoản			
Số tài khoản: ...			
Tên tài khoản: ...			
Tại ngân hàng: ... SWIFT: ...			
Tên ngân hàng trung gian: ... SWIFT: ...			
Tổng cộng			

Nội dung chi: ...

CƠ QUAN THANH TOÁN

Ngày ... tháng ... năm

KẾ TOÁN(Ký, ghi rõ
họ tên)**KẾ TOÁN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

THANH TOÁN**ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH**

Ngày ... tháng ... năm

KẾ TOÁN

(Ký, ghi họ tên)

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

**CHỦ ĐẦU TƯ, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC LÀM
NHIỆM VỤ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI
ĐỊNH CƯ**

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TẠM ỨNG VÀ THU HỒI VỐN TẠM ỨNG

(Kèm theo công văn số ... ngày ... tháng ... năm ... của ...)

Đơn vị tính: triệu đồng

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Lũy kế số dư tạm ứng chưa thu hồi đến thời điểm báo cáo	Trong đó						Đề xuất hướng xử lý thu hồi tạm ứng
			Số tiền gốc (số tạm ứng chưa thu hồi) gửi tại Ngân hàng thương mại*	Tổng số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi	Số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi				
					Nguyên nhân chưa thu hồi				
					Ban Quản lý dự án/Chủ đầu tư giải thể	Nhà thầu phá sản	Dự án đình hoãn, không thực hiện	Nguyên nhân khác (ghi cụ thể)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ								
	Dự án...								
	Dự án...								

Ghi chú: * Đối với trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và trường hợp đang có tranh chấp

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

HƯỚNG DẪN

1. Cột số 3, cột số 4, cột số 5: Điền bằng số học.
2. Cột số 6, cột số 7, cột số 8: Tích dấu "x" (nếu có).
3. Cột số 9, cột số 10: Ghi cụ thể bằng chữ./.

CƠ QUAN THANH TOÁN**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TẠM ỨNG VÀ THU HỒI VỐN TẠM ỨNG**

(Kèm theo công văn số ... ngày ... tháng ... năm ... của ...)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Lấy kế số dư tạm ứng đến thời điểm báo cáo	Trong đó					
				Số tiền đang gửi tại Ngân hàng thương mại	Số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi				
					Tổng số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi	Nguyên nhân chưa thu hồi			
						Ban Quản lý dự án/Chủ đầu tư giải thể	Nhà thầu phá sản	Dự án đình hoãn, không thực hiện	Nguyên nhân khác (ghi cụ thể)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ								
1	Nguồn vốn ngân sách nhà nước (không bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ)								
2	Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ								
A	Nguồn vốn thuộc bộ, cơ quan trung ương quản lý								
	BỘ/CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG...								
I	Nguồn vốn ngân sách nhà nước (không bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ)								
	Dự án...								
II	Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ								
	Dự án...								
B	Nguồn vốn do địa phương quản lý								
	TỈNH/THÀNH PHỐ ...								
I	Nguồn vốn ngân sách nhà nước (không bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ)								
	Dự án...								
II	Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ								
	Dự án...								

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN THANH TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

HƯỚNG DẪN

1. Cột số 4, cột số 5, cột số 6: Điền bằng số học.
2. Cột số 7, cột số 8, cột số 9: Tích dấu "x" (nếu có).
3. Cột số 10: Ghi cụ thể bằng chữ./

Mẫu số 09/QLDA

CHỦ ĐẦU TƯ/ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ...

Số: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN HOÀN TẠM ỨNG CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN
(Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm ...)

Đơn vị: đồng

STT	Dự án	Số kinh phí QLDA còn lại chưa phân bổ kỳ trước chuyển sang	Số kinh phí QLDA trích chuyển vào TKTG trong năm báo cáo		Phân bổ chi phí QLDA			Số kinh phí QLDA còn lại cuối kỳ chưa phân bổ
			Tổng số	Trong đó: trong kỳ báo cáo	Lũy kế số đã phân bổ cho dự án đến cuối kỳ trước	Trong năm báo cáo		
						Tổng số	Trong đó: Giá trị đề nghị phân bổ kỳ này	
1	2	3	4	5	6	7	8	9=3+5-8
	TỔNG SỐ							
1	Dự án A							
2	Dự án B							
	...							

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ/ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN

1. Cột (2): Ghi đầy đủ tên các dự án đã được trích chuyển kinh phí QLDA vào TKTG mà chưa được phân bổ để hoàn ứng hết số đã trích vào tài khoản tiền gửi.

2. Số liệu tại cột (3) của bảng phân bổ kỳ này phải khớp đúng với số liệu tại cột (9) của bảng phân bổ chi phí QLDA của kỳ báo cáo trước.

3. Số liệu tại cột (4) là số kinh phí QLDA đã trích chuyển vào TKTG, bao gồm cả số đã trích chuyển kinh phí QLDA trong kỳ báo cáo tại cột (5).

4. Cột (7): Ghi lũy kế số chi phí QLDA phân bổ trong năm báo cáo, bao gồm cả số đề nghị phân bổ chi phí QLDA kỳ này ở cột (8).

5. Tổng số chi phí QLDA phân bổ cho từng dự án không được vượt quá tổng số kinh phí QLDA đã trích chuyển vào TKTG của dự án đó.

BỘ...
TÊN CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG ĐỀ NGHỊ CẤP VỐN
(Kèm theo công văn số ... ngày ... tháng ... năm ... của cơ quan kiểm soát, thanh toán)

Đơn vị: triệu đồng

[illegible]